



Văn nghệ

VÌ TỔ QUỐC,
VÌ CHỦ NGHĨA XÃ HỘI

NĂM THỨ 65

Số: **24**

(2731)

HỘI NHÀ VĂN VIỆT NAM

THỨ BẢY, 16 - 6 - 2012

TRỞ LẠI VỚI NGƯỜI

Truyện ngắn dự thi của VÕ DIỆU THANH

(Xem bài trang 6)



Minh họa của NGUYỄN ĐĂNG PHÚ

TIẾNG NÓI NHÀ VĂN



TRẢ LẠI MÙA HÈ CHO TUỔI THƠ

Nhà thơ CHỮ VĂN LONG

NHỚ lại tuổi thơ, tôi còn như thấy trước mắt mình ba tháng hè chậm chậm trôi qua với bao màu sắc và âm thanh kỷ diệu... Bắt đầu là những đốm lửa hoa gạo đầu làng rủ dân sáo mổ đồ, mổ vàng bay về lưu luyến. Rồi cây gạo nở hết mình hoa như cây đuốc đốt lửa rực trời hấp dẫn những cô bé, cậu bé tan lớp chạy về quanh cây chờ nhặt những bông hoa đầu tiên bấy sáo làm rơi từ trên trời, xoay tít tựa chiếc ngũ xoay. Chúng tôi giờ vạt áo ra hứng không cho hoa rơi xuống đất, lấy dây xâu thành chuỗi, mỗi đứa một xâu, ung dung đeo vào cổ ra về... Những ngày ấy tiếng trống trường la lăm, nó không chỉ báo giờ học, giờ tan, mà từng tiếng như đang điểm cả khắc giây chờ đợi sang hè! Rồi lửa hoa trên cây gạo tàn dần, một sớm mai tới lớp chúng tôi ngỡ ngàng tưởng chừng đêm qua có bàn tay nào đã đem những bông hoa lửa từ cây gạo nhóm sang cây phượng, đang thấp thoáng từng chấm đỏ, bùng lên như những que diêm vừa bật cháy. Đêm bảy ngày sau lửa phượng bùng lên từng đám. Giữa tán lá xanh ngậm ngất, hoa càng rực rực như đám lửa hồng. Thế là mùa hè đã sang. Và buổi học cuối cùng bao hồi hộp đợi chờ đã đến. Ngồi trong lớp mà chúng tôi nhấp nhóm chờ nghe hồi trống tan trường... Tất cả như bầy chim được sổ lồng bay ra cùng trời xanh rực rỡ. Trên đời này có bao nhiêu đứa trẻ là có bấy nhiêu thứ trò chơi... Con để trụi đã đợi ở bờ sông. Những ngọn cỏ gà đang đưa bàn tay ra vẫy... Bao trang vở cũ hòa cánh diều bay phấp phới dưới trời xanh. Những đoạn gỗ ruồi, gỗ ổi được ngà ra để gọt thành những con cù vừa quay vừa ngủ giả vờ cho đến lúc chóng mặt ngã kềnh ra giữa tiếng cười reo, nắc nẻ... Những cô bé tập theo mẹ ngã chiếc mặt con trước ngõ mở quán bán hàng. Những chiếc võ ốc xinh xinh được xếp thành mâm bát, cùng những nồi cơm, nồi canh buổi chiều chờ mẹ... Củ khoai lang vỏ tím thắm giờ thành con lợn, sẵn sàng mổ thịt bày cỗ để mời bè bạn cùng ăn...

Hôm nay, chúng như mồi giữa tiết hè, tôi đang ngồi như chim giữa cơn mơ đẹp để có một không hai của kỷ ức, thì bỗng từ ngoài ngõ thằng cháu ngoại chưa đầy 8 tuổi cùng mấy đứa trẻ bạn vừa tan học về. Chiếc ba lô đựng sách to quá khổ đeo bên lưng làm chúng như lùn thấp xuống. Bỏ chiếc mũ trên đầu cho cháu, nhìn gương mặt đầm mồ hôi nắng đỏ au mới thương chúng làm sao? Lại nhớ những mùa hè thần tiên của mình ngày xưa với ba tháng rông tha hồ nghỉ ngơi chạy nhảy...

Giờ chúng vẫn phải đến lớp học. Học quanh năm, học cả ngày, suốt cả mùa hè... Thế mà nhiều người thấy con mình chẳng khá lên! Ít người để ý đến điều rất cần thiết cho tuổi thơ của trẻ là chúng đã bị lấy mất đi cả những khoảng sống hồn nhiên quý báu không gì thay thế được như tuổi thơ chúng ta thuở trước.

Qua bài viết ngắn này tôi muốn thay mặt những người cha, người mẹ có con đang đi học, gửi đến Bộ Giáo dục và Đào tạo, những giáo sư tiến sĩ chủ chốt của ngành đang giữ những trọng trách mở đường cho những lứa trẻ vào đời, đang vun trồng những ước mơ ngây thơ bắt đầu của trẻ. Chúng ta từng đi học, từng có những mùa hè thần tiên đẹp để vào đời. Nó như mạch nước lành, như liều thuốc bổ, đã nuôi sống cho ta bao ước mơ tươi sáng để làm người mà không gì thay thế được... Giờ làm sao có thể trả lại cho những lớp em học mùa hè, 3 tháng, chín mươi ngày, cho chúng lại được tha hồ vui chơi chạy nhảy. Với chúng sẽ là niềm hạnh phúc biết bao!■

BÀN TRÒN VĂN HỌC VIỆT-MỸ

THƠ ĐƯƠNG ĐẠI, LỊCH SỬ VỚI TRÍ TUỞNG TƯỢNG, DỊCH VÀ BẢN QUYỀN VĂN HỌC

NGUYỄN CHÍ HOAN

Đó là những chủ đề được nêu lên cho hai ngày trao đổi giữa đoàn nhà văn Mỹ từ Trung tâm Viết văn Quốc tế Đại học Iowa với đồng đạo các nhà văn Việt Nam, một hoạt động trong khuôn khổ hợp tác giữa Hội Nhà văn Việt Nam với Đại sứ quán Hoa Kỳ tại Việt Nam, đã diễn ra trong hai ngày 5 và 6/6/2012 ở trụ sở Hội Nhà văn Việt Nam.

Phát biểu khai mạc ngày bàn tròn đầu tiên, Chủ tịch Liên hiệp các Hội Văn học Nghệ thuật Việt Nam, Chủ tịch Hội Nhà văn Việt Nam nhà thơ Hữu Thỉnh nhấn mạnh vị trí của hoạt động hợp tác này trong cuộc đối thoại văn hóa Việt-Mỹ, bày tỏ cảm ơn Đại sứ quán Hoa Kỳ đã giúp đỡ trong các chuyến đi trao đổi và học tập ở Hoa Kỳ của nhiều nhà văn Việt Nam cũng như trong những chuyến thăm và trao đổi của các nhà văn Hoa Kỳ sang Việt Nam, và hy vọng tiến trình hợp tác đó tiếp tục phát triển thuận lợi.

Ông David Moyer Quyền Tham tán Văn hóa-Thông tin Đại sứ quán Hoa Kỳ tại Việt Nam phát biểu chúc mừng các nhà văn Mỹ và Việt gặp gỡ tại cuộc trao đổi này mà ông coi là nằm trong những hoạt động sẽ khiến hai nước gần nhau hơn.

Đoàn nhà văn Mỹ gồm các ông Christopher Merrill, Chỉ đạo Chương trình Viết văn Quốc tế ở Đại học Iowa, John Davis, Chủ tịch Cục Sáng tác Văn học thuộc Viện Nghệ thuật Thổ dân Da đỏ, các bà Jane Mead, Amy Quan Barry và Eleni Sikelianos đều là các nhà thơ hiện đang có công việc giảng dạy về Anh ngữ và viết văn ở các Đại học Drew, Đại học Wisconsin-Madison và Đại học Denver.

Các nhà văn Mỹ luân phiên cùng nhà thơ Nguyễn Quang Thiều, Phó Chủ tịch Hội Nhà văn Việt Nam, chủ trì các phiên trao đổi bàn tròn này.

Nhà thơ Jane Mead mở đầu với một trình thuật ngắn về thơ Mỹ đương đại, để cập khuynh hướng coi thơ ca như những trải nghiệm hơn là phương tiện biểu hiện,



Bàn tròn văn học Việt - Mỹ

Ảnh: HỮU ĐỒ

khiến ta thấy những sáng tác thơ không thể giải thích và các tác giả của chúng cũng không có ý định giải thích. Theo bà Jane, thơ Mỹ vốn có vai trò văn học chính thống và quan trọng, có ảnh hưởng đáng kể, và trên nền tảng đó nhiều nhà thơ thế hệ sau này đã khai thác tốt những hướng đi mới hết sức táo bạo, chẳng hạn cái được gọi là "thơ ngôn ngữ" – không quan tâm tạo nghĩa mà nhằm tạo trải nghiệm những vẻ đẹp của hình ảnh và ngôn từ... Ông John Davis cho biết thêm rằng sự phát triển thơ ca ở Mỹ theo ông có một tính chu kỳ khi mà từng trải qua giai đoạn nhiều nhà thơ tìm cách đưa thơ ca ra ngoài các khuôn viên đại học, như trường phái được gọi là "Black Mountain", và quá trình xuất hiện những xu hướng đối lập nhau như vậy vẫn lặp lại, giữa phía thơ hàn lâm và phía bên ngoài, chuyển hóa trong quá trình ảnh hưởng qua lại lẫn nhau, làm giàu cho thơ ca.

Bà Amy mô tả về thực tế các nhà thơ

ở Mỹ vẫn phải gắn với các trường đại học để có thể sống bằng nghề thơ; và theo bà hiện thời vẫn tiếp tục có tranh luận về việc thơ nên ở trong hay ở ngoài đại học – nên khởi đi từ lý thuyết đã đúc kết hay từ trải nghiệm sống và có tính sinh động của kinh nghiệm....

Nhiều ý kiến trao đổi lại từ phía các nhà thơ nhà văn Việt Nam bày tỏ quan tâm về những tương quan truyền thống với sáng tạo mới trong nền thơ Mỹ đương thời, cũng như nêu lên so sánh thực tế với những trình bày nói trên, cho thấy có nhiều nét tương đồng đáng kể giữa hai tình thế thực tại của thơ ca ở hai xứ sở rất xa cách, đặc biệt là sự tương tự trong tình trạng thơ và xuất bản thơ luôn đối mặt những thách thức do không có chút lợi thế nào trên thị trường sách.

Các chủ đề của ngày trao đổi thứ hai đã được triển khai sôi nổi: viết thế nào về các đề tài lịch sử và vai trò của trí tưởng tượng trong cái viết đó; các nhà thơ muốn

được dịch ra ngôn ngữ khác nên có kinh nghiệm thế nào về bảo vệ bản quyền tác phẩm cho mình. Ông Christopher nói nhiều người có nhận xét coi người Mỹ là thiếu cảm quan về lịch sử, song thực tế các nhà văn Mỹ rất thường xuyên hướng về lịch sử, về quá khứ dân tộc và quốc gia để tìm cảm hứng sáng tác. Bà Eleni trình bày một vài trường hợp nổi bật những nhà thơ Mỹ đã xử lý các chủ đề lịch sử một cách hết sức độc đáo trên khuynh hướng được gọi là thơ tư liệu (documentary poetry) và cho biết đó là một khuynh hướng rất đa dạng về biểu hiện với rất nhiều nhà thơ làm theo. Ông Christopher hình thêm rằng một sử gia Mỹ từng bảo ai muốn biết về lịch sử Mỹ thì trước hãy đọc dòng thơ đó, đừng đọc sử. Bà Amy cho biết nhiều sáng tác được gọi là "thơ chính trị" cũng nằm trong khuynh hướng này, đòi hỏi tính trách nhiệm công dân và lòng trung thực, tính trọng công bằng ở người viết.

Phần trao đổi của các nhà văn nhà thơ Việt Nam tham dự bàn tròn cũng rất sôi động quanh chủ đề này và bày tỏ sự quan tâm đến những tương đồng dạng thức ở thơ Việt về thơ "tư liệu" và "thơ chính trị".

Về chủ đề bản quyền, ông Christopher lưu ý các nhà văn Việt Nam về thực tế rất phức tạp ngày nay trong lĩnh vực pháp lý bản quyền sáng tạo, bởi luật pháp phương Tây nói chung đã phát triển đến mức hoàn bị trên các lĩnh vực hữu quan, khiến cho việc đàm phán một hợp đồng bản quyền cần có người đại diện thông thạo và mất rất nhiều thời gian.

Hơn nữa, các vấn đề phát sinh quanh bản quyền tác giả ngày nay vẫn tiếp tục có diễn biến mới, chẳng hạn với sự phổ biến tác phẩm qua mạng internet....

Hai ngày trao đổi bàn tròn văn học Việt - Mỹ thật sự mang lại nhiều gợi ý đáng suy nghĩ và một khuôn khổ đối thoại đáng duy trì. ■

THẤY, NGHĨ VÀ VIẾT

THỦNG THẮNG VỪA ĐI VỪA TRÔNG

BỔNG LAI

1. Trông gì?
Trông trời, trông đất, trông mây
Trông mưa, trông gió, trông ngày, trông đêm
Trông cho...

Trông cho chân cứng đá mềm thật đấy, đâu có đùa được! Như cái anh xe tải kia, chẳng chịu trông, chẳng chịu ngó, vừa đi lại còn vừa ca: "Xe ta bằng qua muốn núi ngàn sông...", vấp ngay một cú đổ chống kính trên cầu Thăng Long mà vẫn cãi: "Tôi cứ tưởng..." Tưởng gì? Tưởng Giới Thạch đã về với tiền tổ ông ta từ thuở tám hoánh... Mà chân cứng đá mềm thì chắc chỉ đã đá mềm?

Đường sá nước mình đâu chả vậy, ngay dù nó có được gọi là đường cao tốc. Về như người ta chỉ đặt tên là đường cao tốc để lấy được vốn đầu tư, để được báo cáo hoàn thành chỉ tiêu kế hoạch, còn xong xuôi rồi, tùy nghi, hình hài thế nào gọi ra thế ấy. Vậy nên các cấp có trách nhiệm trong ngành giao thông bấy giờ bảo, Thăng Long - Nội Bài chưa thể gọi là đường cao tốc, và Pháp Vân - Cầu Giẽ cũng không có cửa (đành thế rồi, đường ấy mà gọi là "cao tốc" thì ngưng đến chín mất ấy chứ). Nói vậy là xong? Nghĩ rằng dân mình dễ tin, dễ chấp nhận nên chẳng ai thêm đứng lên làm cái việc gọi là giải thích cho dân tường minh. Cứ nêu ra lý do trời ơi đất hỡi gì chẳng được, có ngài thanh tra nào đòi biết cả núi tiền đầu tư thực tế chảy về những náo náo đâu mà ngại.

2. Trông thấy con đường Thái Hà, loang loáng mặt đường như hổ, như ao mỗi buổi mai ông trời nổi cơn xả

xuống. Chút chút thôi mà đã vậy. Tình trạng ấy có đã bao lâu? Thưa, từ khi con đường được sinh ra. Người ta có tính trước mọi chuyện không? Thưa, chắc có, chắc không, không rõ. Người mình mạnh về lý sự nên cái kiểu nào thiên hạ cũng thua. Lại thử xem hai con đường mới Trần Duy Hưng và Lê Văn Lương với hai cây cầu bắc sang đường Láng đi. Người ta đã tính toán và quy hoạch thế nào để vừa mới làm xong, nó ngay tập lự trở thành những nút tắc tị nhất Hà Nội, và bây giờ lại phải cấp tốc đề lên bằng những cây cầu vượt. Chẳng biết trong tương lai đám cầu vượt này có phải đội lên đầu những cây cầu vượt khác? Có thể, nhưng thôi, xin các vị hãy giúp cho tôi được hiểu: giống như luận đồ phát triển của nền kinh tế nước nhà chẳng?

3. Trông chỗ nào cũng thấy xe cộ dồn đống lại. Người ta đã cảnh báo việc này từ hai chục năm trước, thậm chí trước nữa rồi ấy chứ. Nhưng có vẻ đến bây giờ xem ra vẫn chưa ngã ngũ nguyên nhân. Thế mới tại và thế mới tại. Đầu tiên đó tại xe máy phát triển quá nhanh. Tiếp nữa, dân cư đông đúc dồn vào nội đô gánh tội. Tiếp nữa, văn dân cư nội thành quá tải nhưng là do quá nhiều nhà chọc trời được dựng lên trong khu vực này. Bấy giờ thì đổ thừa ô tô, mà "anh" taxi phải gánh mũi chịu sào. Thực ra tất cả các lý do đó đều có thể nhưng điều hay ho là nó nằm ở phía khách quan. Còn ở lý do chủ quan, lý do mỗi thực lý do là đường sá nơi này vốn được thiết kế cho một thành phố nhỏ với những phương tiện giao thông từ đầu thế kỷ trước thì không phải người ta không nhận ra nhưng nếu khắc

phục thì phải làm cách mạng: hoặc là lật tung thành phố, thiết kế xây dựng lại như người khác đã làm ở thủ phủ Côn Minh (Vân Nam - Trung Quốc), hoặc là chuyển đổi công năng cho thành phố hiện tại, đi tìm nơi khác xây thành phố mới như đã xảy ra với các thủ đô của Braxin, Myanma... Người mình thì chẳng những đã không thích vậy (không dám nghĩ là không có tinh thần cách mạng), trái lại còn muốn Hà Nội ngàn năm yên tĩnh phải trở nên một đô thị công nghiệp - thương mại náo nhiệt cho xứng đáng với các loại "tầm" gì đó, cho nên...

4. Cho nên, sửa sửa, cải cải, cái gì cũng có vẻ dóm dóm, tạm tạm. Luật cấm các phương tiện giao thông đi trên vỉa hè, cũng cả bao gồm cấm đậu ở đó vì nó sẽ cản trở, chiếm chỗ của người đi bộ nhưng đã từ lâu rồi người ta thỏa hiệp, mặc cho xe máy vù vù leo lên. Cũng như vậy, các vòng xuyên được dọn dẹp để mọi phương tiện giao thông tùy nghi di chuyển. Ngã tư sinh ra vốn để chia đường, thông đường nhưng ở xứ này nó lại làm tắc thì bít lại, đóng lại... Tất cả những xử lý đó, ai cũng biết là tạm, vì nó chẳng giống ai. Nhưng có vẻ như sẽ là "tạm vĩnh viễn"? Gần đây lại xuất hiện những cây cầu vượt kết cấu nhẹ được gọi chính thức là "cầu tạm". Rõ ràng nó giúp giải quyết được phần nào những khó khăn giao thông trước mắt, nhưng người Hà Nội đâu có sướng vì thủ đô mình dường như chẳng còn cách nào khác là đành dung dưỡng, sống chung với tạm bợ. Tạm mà ôn ổn là được rồi, muốn cho khỏi tạm... Khó lắm thay! ■

VẤN ĐỀ HÔM NAY



NHỮNG MẪU THUẦN CẦN THÁO GỠ TRONG GIÁO DỤC HIỆN NAY

GS, TS ĐINH XUÂN DŨNG

1 Thực trạng giáo dục Việt Nam từ đổi mới đến nay là một đối tượng, một thực thể hết sức đa dạng, phong phú, phức tạp, nhiều lĩnh vực, nhiều mặt, lại đang vận động, vì thế không một ai có thể chủ quan cho rằng, có thể đánh giá đúng, trúng, toàn diện được. Ví dụ, chỉ riêng mảng sách giáo khoa thôi, hoặc chỉ về giáo dục mầm non hay mẫu giáo thôi, cũng đã chứa đựng rất nhiều vấn đề cần đánh giá, và đã, đang, sẽ xuất hiện những ý kiến khác nhau, thậm chí trái ngược nhau. Trong khi đó, phạm vi của giáo dục và đào tạo lại bao gồm vài chục lĩnh vực như vậy, khi bổ ngang về mặt đồng đại, khi bổ dọc về hệ thống giáo dục từ mầm non đến đại học, trên đại học và khi xem xét nó về mặt tiến trình thời gian (25 năm đổi mới). Vì vậy, tôi cho rằng, rất cần sự thận trọng khoa học, cần sự điều tra xã hội học, cần sự tập hợp nhiều ý kiến khác nhau và tổ chức trao đổi, thảo luận thẳng thắn, dân chủ để đi tới được những nhận định khả dĩ khách quan nhất, đúng thực chất nhất, cả thành tựu, yếu kém, cả xu hướng vận động của nó và những vấn đề đang đặt ra cần tháo gỡ, giải quyết.

Xuất phát từ quan niệm và phương pháp luận đó, trong phạm vi hiểu biết của mình, tôi chỉ xin nêu lên một vài suy nghĩ về bốn mẫu thuẫn đang tồn tại hiện nay trong giáo dục nước ta hay gọi là điểm "nghẽn" trong giáo dục lâu nay.

2. Sự xâm nhập ngày càng sâu, mạnh của kinh tế thị trường vào giáo dục và sự lũng túng, lủi bủi, có dấu hiệu buông xuôi trước tác động phức tạp của mặt trái kinh tế thị trường đối với hầu hết các lĩnh vực vốn rất tôn nghiêm của sự nghiệp giáo dục. Cảm nhận này thường xuất hiện trong tôi khi quan sát, tìm hiểu tình hình giáo dục những năm qua.

Chấp nhận và phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa là quan điểm của Đảng ta. Sự tác động tích cực của kinh tế thị trường đối với nền kinh tế ở nước ta là rõ rệt. Sự hình thành các loại thị trường ngày càng được xác lập và đang trở thành một quy luật, một đặc điểm mới trong đời sống kinh tế - xã hội. Có nghĩa là, giáo dục không thể đứng ngoài sự tác động đó. Tính tích cực của kinh tế thị trường đối với một số lĩnh vực giáo dục cũng đã thể hiện, ví dụ, nhu cầu của sự phát triển kinh tế - xã hội, của thị trường đã tạo cho sự phát triển một số ngành trong đào tạo nhân lực, tức là "cầu" đã tác động tạo nên "cung". Song, phải thấy rõ một thực trạng, một xu hướng là, đến nay, ai cũng cảm nhận được tác hại của mặt trái kinh tế thị trường đối với giáo dục. Có nơi, có lúc, nhưng có lẽ không phải là cá biệt, học sinh và cả thầy cô giáo đã được nhìn nhận như là "hàng hóa". Hầu như cái gì cũng có thể mua bán được. (Tôi thất kinh khi biết rằng, bất cứ loại bằng cấp gì ở nước ta cũng có thể mua tự do ở ngoài chợ đen!). Dạy thêm, học thêm thực chất là một loại thị trường... Luận án tốt nghiệp đại học, thạc sĩ, tiến sĩ đều có thể thuê người viết được. Sách tham khảo từ lớp 1 đến lớp 12 được xuất bản tràn lan, không có gì khác hơn là kết quả của thị trường, dù nắp dưới chiêu bài gì đi nữa. Gần đây nhất "kỳ hệ quân đội" nghe thì rất hay, rất cần, song đã nhanh chóng biến thành một hoạt động thương mại. Trên đây chỉ là một vài dẫn chứng để thấy nhất. Điều đáng quan tâm, lo ngại nhất là: *Giới hạn*

của kinh tế thị trường đối với giáo dục là ở đâu? Đây là sự *chấp nhận chủ động* hay là kết quả của *sự lũng túng, lủi bủi* và *buông xuôi* trong lãnh đạo, chỉ đạo và quản lý hoạt động giáo dục? Tôi nghĩ, chúng ta chưa có một quan điểm rõ ràng xác định *giới hạn* của kinh tế thị trường đối với giáo dục, vì vậy, thời gian khá dài qua, đã để cho kinh tế thị trường, mặt trái của nó, tác động rất tiêu cực đối với giáo dục. Ai cũng thấy rõ, ở các nước gọi là tư bản chủ nghĩa như Đức, Thụy Điển, Đan Mạch, Hàn Quốc... họ đã xác định *giới hạn không được vượt qua* đó để đảm bảo cho sự nghiệp trồng người, dạy người, cho môi trường giáo dục không bị ô

niêm do tác động của mặt trái kinh tế thị trường. (Học sinh phổ thông ở Đức không phải nộp học phí; cho đến năm 2004, sách giáo khoa phát không cho học sinh; sinh viên nhiều trường Đại học Đức cũng không phải nộp học phí. Con trai bạn tôi làm luận án thạc sĩ ở một trường Đại học lớn của Đức, chỉ đem tặng thầy một chai rượu, thầy nói: "Tôi rất tôn trọng cách ứng xử phương Đông, nhưng nếu tôi nhận, tôi phải báo cáo với Khoa", vì vậy ông cảm ơn và không nhận).

Từ hiện trạng trên, tôi nghĩ rằng, để đổi mới căn bản và toàn diện giáo dục phải chỉ ra được *giới hạn không cho phép vượt qua* của mặt trái kinh tế thị trường

đối với giáo dục. Có nghĩa là, không phủ nhận kinh tế thị trường trong giáo dục, song, không thể để kinh tế thị trường len lỏi vào tất cả các ngõ ngách của giáo dục như hiện nay. Và, như vậy, phải có *chiến lược và quyết sách* của Nhà nước, phải có *luật cơ bản, lâu dài* và phải có *chế tài đủ mạnh*, đảm bảo cho việc thực hiện yêu cầu đó trong toàn bộ quy trình giáo dục, các cấp học của hệ thống giáo dục quốc dân.

3. Giáo dục của chúng ta có những thành tựu, kinh nghiệm rất đáng quý trong những năm gian khổ kháng chiến và khoảng 25 năm sau thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Pháp ở miền Bắc. Từ năm 1980, nhu cầu cải cách, đổi mới là một đòi hỏi khách quan. Song, có lẽ do thiếu một định hướng vững chắc, có tính hệ thống và dài hơi, nên những năm qua, cải cách, đổi mới cứ *trong vòng quanh quẩn*, không thấy rõ sự chuyển biến có ý nghĩa chất lượng. Cái tốt đẹp của truyền thống không được giữ lại, có nơi bị phá bỏ, trong khi đó, cái mới chưa có chuẩn để đạt tới, vì thế, *diện mạo và xu hướng* của giáo dục hiện nay là *rất mù mờ, đúng sai lẫn lộn*. Thi đại học trong mười, mười lăm năm qua là ví dụ rõ rệt nhất. Phân luồng hệ thống giáo dục phổ thông cứ i ạch, kết quả rất lờ mờ suốt những năm qua. Năng cao, đổi mới sách giáo khoa với chuẩn mực, tiêu chuẩn gì? Vì vậy, kết quả đổi mới, cải cách chương trình, nội dung giáo dục thời gian qua là *tiến hay lùi?* Không xử lý đúng mẫu thuẫn trên đây, những năm tới, chúng ta sẽ tiếp tục rơi vào tình trạng như những năm

(Xem tiếp trang 22)



Ý KIẾN NGẮN

CÔNG VÀ TỘI, ƯU ĐIỂM VÀ KHUYẾT ĐIỂM

(TỪ VIỆC HỌC SINH QUAY PHIM CHỐNG TIÊU CỰC TRONG KỲ THI TỐT NGHIỆP THPT VỪA QUA)

Đ IỀU đầu tiên có thể khẳng định là em học sinh đó cũng rất bức xúc với những tiêu cực trong học tập của học sinh hiện nay (quay cốp, làm phao...) nhất là lại xảy ra với một kỳ thi quốc gia, bức xúc đến nỗi không chịu nổi nên chỉ nghĩ đến làm thế nào có được những tư liệu, hình ảnh cụ thể cung cấp cho các cơ quan hữu trách trong việc chống tệ nạn này mà quên mất việc vi phạm vào quy chế không được mang máy quay phim vào phòng thi. Lại cũng có thể em đó nghĩ rằng cái máy quay phim đó khác với "phao", nó không có tác dụng tiêu cực trong việc làm bài và trên thực tế cũng không có bằng chứng nào để nói học sinh quay đoạn phim đó đã vi phạm quy chế khi làm bài thi, ngoại trừ việc đã quay đoạn phim nói trên... Nhưng dù gì đi nữa thì việc em học sinh đó có sai phạm cũng là điều không cần bàn cãi.

Việc tiêu cực trong kỳ thi tuy đã có nhiều biện pháp ngăn chặn, nhưng trên thực tế vẫn còn xảy ra ở nhiều nơi, có điều chưa bị phát hiện và phản ánh được hết. Vì thế mọi hoạt động chống tệ nạn này cần được coi là những hành động của người tốt việc tốt, được khuyến khích, tuyên dương như có lần đã làm với thầy giáo Đỗ Việt Khoa, thầy Lê Đình Hoàng... Mặc dù có ý kiến cho rằng thay vì đưa máy quay vào phòng thi, sao không ghi lại tên, hành vi phạm của giám thị để tố cáo?... Nhưng những chứng cứ như vậy liệu có hiệu quả bằng những hình ảnh cụ thể, nhất là của một thí sinh với giám thị ngay trong cùng một phòng thi, và việc xử lý với những chứng cứ như thế chắc cũng không đến nỗi quá khó khăn, so với việc ghi lại tên học sinh vi phạm, bởi các thí sinh trong phòng thi đâu có biết tên của nhau... Vậy thì các em học sinh có phương pháp nào để bắt quả tang những tình trạng tiêu cực trong phòng thi, ngoài việc thanh tra của một số cán bộ có trách nhiệm?...

Như vậy có thể nói việc làm chống tiêu cực của em học

sinh nói trên là đáng tuyên dương, nếu có thể loại bỏ những sai phạm theo như quy chế đã quy định. Một việc làm mà công và tội, ưu và khuyết đan xen nhau, vậy nên giải quyết thế nào cho thỏa đáng và không làm thui chột những người hăng hái đứng ra chống tiêu cực?... Đây thực sự là vấn đề mà công luận đang hết sức quan tâm đằng sau sự việc này.

Đa số ý kiến cho rằng cần tách bạch câu chuyện trên thành hai việc khác nhau để xử lý. Nhưng riêng tôi cho rằng không thể tách bạch được, vì hai sự việc này có liên quan khăng khít với nhau, ảnh hưởng tới nhau. Vì phạm do tuổi trẻ còn non nớt để làm một việc tốt, một việc chống tiêu cực, thì chủ trương lớn của nhà nước phải khác với việc vi phạm khác. Xét tội phải chú ý tới công, xét khuyết điểm phải chú ý tới những cống hiến. Như vậy thì sao có thể tách bạch việc làm của em học sinh nói trên ra thành những việc riêng rẽ được.

Theo quan điểm như vậy, tôi nghĩ phải có cách nhìn thông cảm và thiện chí với em học sinh ở lứa tuổi mới lớn này. Là một nhà giáo, nếu được đánh giá bằng thang điểm, tôi mạnh dạn cho 2 điểm với khuyết điểm, 8 điểm với những ưu điểm, và tất nhiên em không được khen thưởng gì, và nếu được gặp học sinh đó, lời đầu tiên của tôi vẫn là ca ngợi tinh thần đấu tranh của em, động viên em tiếp tục, sau đó mới là việc nhắc nhở, phê bình em về những thiếu sót trong phương pháp đấu tranh của mình. Chỉ có như vậy mới có thể tránh được những ứng xử non nớt, thiếu chín chắn khi vào đời trước khao khát làm những việc tốt...

Điều mà tôi muốn nói với em sau sự việc này, là em không được nản chí, nhưng cũng cần rút được những bài học kinh nghiệm về cách đấu tranh sau sự việc này... ■

ĐẶNG TRẦN HÀNH

Nguyên hiệu trưởng trường THPT Hoàng Văn Thụ - Hà Nội.

NÓI đến Cù Sù (Cò Tô) tôi nghĩ lan man không biết bao chuyện đời, chuyện người, chuyện hai dân tộc anh em Việt - Hoa.

Lần đầu đến với Cò Tô vào năm sức căng lực trẻ, tôi đi giữa ban ngày bằng con thuyền ván gỗ vượt sóng qua cửa Thiên Môn, không như những năm sau này Mỹ thả thủy lôi khắp miền biển đảo. Máy bay quần lộn suốt ngày, chúng tôi ra đảo Cò Tô đi vào ban đêm, ló rạng mặt trời, hạ buồm nắp vào lên đá chẻ giữa hai dòng chảy xuôi ngược để nấu cơm, rồi câu mực luộc chấm hạt muối trắng, uống rượu.

Có được nằm thuyền tròng trành từ Cái Rổng ra Cò Tô suốt cả tuần đến lúc neo thuyền đậu chân ở bãi cát Tô Bắc mới thấy đất nước ta thiên sơn vạn thủy chỗ nào cũng đẹp.

Tôi đến với non xanh nước thăm lần thứ hai phải ngày "đứng gió". Những tay ngư thủy hết chèo tay, chèo nư hơn một ngày mới đến được cửa Thiên Môn. Người chèo nư phải có sức khỏe với tay chèo dài mấy mét được lặn sâu trong nước. Bàn tay anh ta nắm đốc, quấy đạp làm sao cho thuyền thẳng mũi vượt sóng mà bằng lên, không bị sóng lật. Mái chèo chỉ khoét lỗ nhỏ bằng ngón tay, lỗ đó được đặt vào chiếc nư có núm như chũm cau, thế mà lúc quấy mái không trật ra mới lạ. Nó vừa đơn giản, nhưng lại thể hiện tài nghệ của người đi biển. Buồm được hạ xuống chỗ hai dây đá mở ra biển lớn. Từ giờ con thuyền mũi cong như thuyền rồng suốt ngày cứ lác lác chao đảo với sóng "lùng". Con sóng nâng thuyền lên cao hàng chục mét, rồi bất thần cho thuyền lặn xuống cái rốn nước sâu thăm để gặp Diêm Vương.

Sóng, và sóng, va đập vào cạnh thuyền, tung lên ném xuống như quả bóng. Suốt một ngày như thế. Rồi ngày thứ hai, thứ ba tôi cứ ôm bụng nôn "khan", chỉ có tí nước dãi khê tứa ra khỏi đầu môi là hết. Nôn "khan" mệt mỏi vất vả hơn nôn nước. Con người tôi tung lên ném xuống theo đà sóng. Vòng Cẩm Thai chủ nhiệm Bắc Văn Thầu cùng ngao du chuyến ấy. Anh đứng trên mũi thuyền như vị tướng soái thời Trần chỉ con sóng sắp đổ vào mũi là lên rằng: "Con sóng này mới lớn" câu nói chưa kịp tan theo sóng thì đổ đặc trong thuyền đã bị đánh tung lên ném xuống lòng thuyền. Từ sáng đến giờ đã ai được hột cơm vào bụng? Ví khoang dưới nấu ăn thì nước biển lúc nào cũng tưới ướt. Hai be thuyền tràn nước theo cái lỗ khoan sẵn đổ xuống. Tôi nằm lơ mơ, vật vờ như tàu lá rách trong bão. Đến lúc tiếng Vòng Cẩm Thai reo lên Tô Bắc kia rồi! Nhà đảo ủy kia rồi! Thuyền vừa qua Cầu Thầu Mỹ (Đầu chó). Đây một mỏm núi ăn thẳng ra hướng Bắc. Sau này có lần tôi cố trèo lên "Đầu chó" để nhìn thấy cái eo biển vòng cung Tô Bắc, nơi đưa thuyền bè cập bến vào Đảo ủy.

Cho đến bây giờ, tôi không còn nhớ nữa, lần ấy tắm vai trần nắng gió của người ngư dân nào đã công tôi lên đất. Lúc đó tôi chỉ nhận thấy những con sóng tung vào bờ đá sáng trắng, còn tất cả đất trời mù mù sương khói. Sóng biển như đã cướp hết sức lực của tôi. Tiếng sóng thúc vào lườn thuyền gành đá âm ỹ rền vang như trống trận. Sóng cắt ngang lưng tôi, vạt tôi như chiếc vỏ đồ khiến hai ngày sau tôi mới mở mắt nhận ra bãi cát trắng Tô Bắc.

Cảm giác đầu tiên của tôi nhớ rất nhiều gương mặt anh Chim Chim. Người ta giới thiệu là Bí thư Đảo ủy. Anh đến với tôi, ngồi xuống đầu giường lúc nào không biết. Anh cười đưa bàn tay trắng hồng mềm nhũn như thịt con sứa biển. Cái bắt tay mềm mại ấm nóng khác gì tay của Ngọc nắm tay tôi hôm ở vùng biển Ngọc Vũng (Tĩnh Hải).

Nhớ khi Cò Tô còn nằm trong khu vực tập kết ba trăm ngày của quân đội viễn chinh Pháp. Chim Chim là ông giáo công khai của trường tiểu học Cò Tô, cũng dạy đàn trong gió mặn của huyện đảo thuộc tỉnh Hải Ninh cũ. Ngờ đâu sau năm sáp nhập Cò Tô vào huyện Vân Đồn, anh là bí thư trực và ký quyết định kết nạp tôi vào Đảng bộ nơi đầu sóng ngọn gió. (13/9/1964) trên tờ giấy mỏng như tờ giấy dó, do anh Bình làm phó ban tổ chức huyện ủy viết bằng mực tím, bút sắt.

Tôi nằm liệt giường liệt chiếu hai ngày chịu đựng cuộc "say đất". Người Cù Sù (Cò Tô) bảo. Không sợ say sóng, mà sợ say đất. Say sóng nó xóc lên, dễ hạ xuống, nôn được phần nào nhẹ đi. Say đất cứ âm thầm sống trong bóng bệnh mất ngủ vật vờ. Cái bụng không muốn ăn, cái miệng khát đến rát họng, uống vào rồi lại tống ra như người rửa ruột. Có người say tới hai ba ngày, người nằm bảy ngày. Tôi như thế là may rồi!

Ra đảo lần ấy tôi mới hiểu được tiếng "huýt gió" của

CÒ TÔ

Bút ký của VÕ BÁ CƯỜNG

các chàng trai biển. Khi gió đứng, tất cả trèo lên hai lườn thuyền phía mũi ngồi gọi gió. Và thực ngữ ngữ khi được nhìn thấy những sọt cá hồng từ biển đưa lên lúc tiếng mõ hình con cá biển vang vang trước nhà Đảo ủy. Người được mùi mắm chắt uống chén rượu mặn giữa biển, mới thấy cái giá trị của chuyến đi vượt sóng lừng cửa Thiên Môn biển ngoài.

Con cá gỗ, là cái mõ hình con cá "Đôi" mõ bụng, cá "Đôi" dày mình lưng tròn như con trắm miền đông bằng Bắc Bộ. Nó được khoét rỗng theo dọc bụng, cái đuôi thông xuống, hai cái mang cá được người ngư dân tài hoa chạm đục như đang thở, cái vảy cá ánh lên màu trắng bạc, khiến tôi liên tưởng tới con cá tươi đang treo sắp sửa tay dao, tay thớt. Mõ của người đi biển là con cá khác với mõ trong chùa chiền ở ta tròn to như cái vòng khuyên đeo tai phật.

Ngày Cò Tô đang cùng cả nước sôi nổi trong phong trào chống Mỹ. Tôi gặp đoàn cụ Nguyễn Tuấn. Tàu cụ hạ thủy từ doi đất Sa Vĩ điểm đầu chữ S (Móng Cái). Cụ ra đứng vào ngày chúng tôi đang họp chuẩn bị chạy bão, thuyền gặp gió xuôi nước từ mũi Ngọc ra đây mấy giờ. Chân dép đoàn nhà văn theo cụ có cả Đoàn Minh Tuấn, Xuân Diệu mang theo những hạt cát xám xịt bãi Trà Cổ, rắc nhẹ lên trắng cát vàng rộm Cò Tô. Với nhiệm vụ đoàn đi tìm biển Bắc, vừa cập xuống đoàn đã chia ba mũi người đi đồng muối, người đi xem máy cô gái biết nuôi đối mồi, người đi đến xí nghiệp Trai Ngọc do anh Châu Thư và anh Nhở người bên Minh Châu được huyện ủy Vân Đồn cử làm giám đốc. Còn người đi Thanh Lân theo tổ đánh cá hồng, nuôi hải sâm đi vớt qua núi Pác Vàm Thầu, qua cái phố cụt vài chục nóc nhà người Hoa vào Ti Mỏm Văn xem cam chín. Chắc chắn là cụ Tuấn đi mũi Trai Ngọc nên lần sau về Vân Hải cụ bảo tiếc không gặp được Châu Thư vì anh ấy

đang vào Hà Nội, hay Hòn Gai xin máy móc Tàu bè cho xí nghiệp trai ngọc.

Gió tự nhiên mất hết, nó như hút xuống biển. Bầu trời như rá sát xuống nước. Cả mặt biển Bắc ảm ức như nổi cơn đang sôi đến khi tôi vừa ngồi xuống và miếng cơm, gió cát hất vào nhà như ném cát vồ toang cửa kính đảo ủy. Và một cơn gió to đã đập vào tấm kính tầng trên phòng bí thư Chim Chim. Quay ra nhìn mưa gió đã thấy cụ Tuấn chống can dõ vào cửa.

Cụ bảo "Gió bão chờ chúng tôi lọt hết vào trận địa cánh cung bãi cát Tô Bắc, rồi nó tăng thêm hỏa lực... Mỗi hạt cát bắn vào mặt như viên đạn kim. Nó bắn từng chập chốc chốc nó ngừng lại để thay băng..." Tôi đã thấy mấy bụi sim, mấy cây hoa trước nhà gió tốc gốc hất xuống bọt nước. Trận bão ấy là trận số 6 trong năm Mùi gió mưa tạo nên biển Bắc đục ngầu, Cụ Tuấn đội nón "Lạp" đan bằng tre của người Tàu ra biển xem mỏ ngọc trai trước bão vài tiếng đồng hồ.

Cụ ngồi với thuyền Thái Mao Hữu cùng một cuống chèo "nư" với Quốc Sĩ, chèo cứ khoáy, cứ khoan vào nước biển sâu mà trườn lên, cụ ngồi xoay lưng vào đảo Cò Tô, xem hai hảo hớn cưỡi quần áo đeo kính lặn tụt xuống biển nhẹ nhàng như con cá nhái. Những chùm trai ngọc từ đáy biển đưa lên, cụ Tuấn cầm lấy thưởng ngoạn giờ về kể lại bọn tôi nghe chuyện thật li kì hấp dẫn.

Mấy cụ lão công nhân ngọc trai về tránh bão cũng góp thêm chuyện: "Trần châu mắt, người được biển nuôi, ở trong nhà ai cũng có một hạt Trần châu để mài uống, thúc cái bệnh trong người ra, mắt sáng thêm".

Trần châu có nhiều màu sắc, nhưng màu trắng vẫn sang trọng quý phái hơn cả. Rồi cũng đến lúc cụ Nguyễn rời Tô Bắc đi Cáp Chấu. Hôm đó là ngày thứ hai sau bữa cụ đứng nhìn chân đảo Thoi Xanh xa dâng một nét mảnh Tơ kéo ngang chân trời, nghe tin cụ neo đậu lại đây một thời gian, đội nón "Lạp" mặc áo xường xám đi câu mực với Châu Hòa Mãn (còn gọi cháu Võ Nôm) anh hùng lao động nghệ cả.

Quần đảo Cò Tô với 18 hòn đảo nhỏ khác nhau quây lấy Tô Bắc. Tôi cũng phải xa nó, tiếc nhiều hòn mơ mộng, như một cô gái nằm gối đầu lên sóng mà tôi chưa hề được đặt chân tới. Sau bão tôi trở lại Vân Đồn đi làm phim "Đầu sóng ngọn gió" xa dốc đá leo lên đồn Cò Tô chạy viển theo chân núi xa dần cùng ngọn Hải Đăng. Ngọn đèn lúc ẩn lúc hiện làm tôi nhớ đến Cò Tô Con, Tô Bắc - Tô Trung, Tô Nam, Thanh Lân, Bắc Văn Thầu, Ti Mỏm Văn, Cầu Thầu Mỹ. Nơi ấy biết bao người con Hoa Việt sinh ra ở đây, dựa vào nhau mà sống. Biển đảo mang đầy chiến tích, nhưng cũng đầy sự sống của họ. Đồng chí Chim Chim, Châu Hòa Mãn, Vòng Cẩm Thai sinh ra ở núi Bắc Loan Đầu trẻ trung quá. Biển cả quá.

Sau bão biển xanh hơn, đẹp hơn, Đảo được tắm trong biển biếc. Có lúc tôi mơ đảo mang màu xanh Thanh Thiên của nàng Kiều đi đón chàng Kim.

Sáu tháng sau đoàn cụ Tuấn ra tôi đọc được mấy câu thơ của Xuân Diệu.

"Các em tôi mượt mà giàu có nhất/Ti Mỏm văn thơm ngát những vườn cam/Cầu Thầu Mỹ tóc xanh cành Thạch Tử/Cổ Tay Tròn Tô Bắc ngọc lung linh".

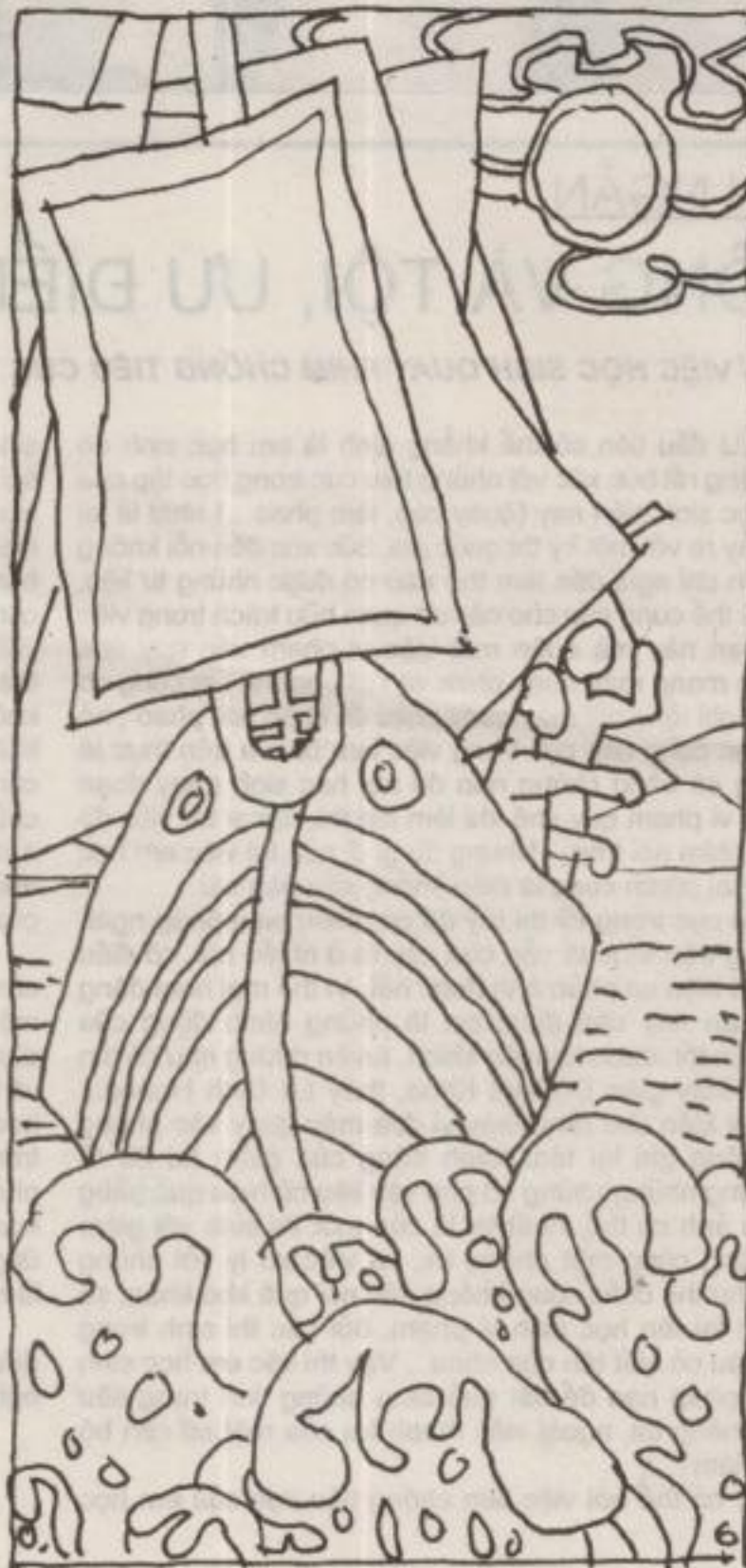
Còn tôi thì mãi đến sau này mới đủ sức, đủ độ chín viết được những câu thơ "Cò Tô sau bão" gửi cho nhà thơ Trần Nhuận Minh, anh in vào tuyển tập thơ Quảng Ninh.

"Phố cụt phía Thanh Lân/ Biển hà hơi tôi mặt/ May bão vào nước rặc/ Nước rút phơi lòng thuyền...../ Những câu thơ phơi nắng/ Nhặt từ các biển lên/ Những câu thơ sau bão/ Sáng như ngọc trong thuyền"

Đời tôi được ra quần đảo Cò Tô không biết bao chuyện, lần (1968) ra với anh Phạm Thụy, Bí thư huyện ủy và anh Hoàng Bắc, Phó bí thư trực để xây dựng Tượng Bác trên đảo Cò Tô kỉ niệm ngày Bác ra đảo?

Đảng ủy đã có nhà khách bóc cái đói cái nghèo,

(Xem tiếp trang 24)



PHẠM VĂN ANH

Lá bàng lại rụng

Cha tôi sinh ra trên xứ sở này rồi trở về trong đất
Ngày ông đi, tuổi không còn trẻ để có quá nhiều
nuối tiếc
và cũng chưa đủ già để chiêm nghiệm xưa sau
Ngày ông đi, ông nói tôi ngồi rất lâu bên gốc bàng đỏ lá
Lá thắm lên trời những giọt bầm
Buồn như đôi mắt ông nội tôi
Nhỏ máu...

Rất có thể...
Người sinh ra cha tôi cũng nằm lại nơi này
Để lại mảnh khăn lụa khách xơ xác bay
giữa bạt ngàn hoang vắng

Rất có thể...
Người đàn ông, đàn bà xa lạ ấy đang dạo chơi
trong đồn điền cao su nơi mặt trời vỡ bóng
Không mấy may bận tâm về một vùng đất đã từng qua

Trong tôi...
Khái niệm nào về họ cũng mơ hồ như rừng đêm u uẩn

Ký ức tôi mãi mãi là một người đàn bà ràng
nhưng nhức hạt na
Tập tôi ngược Tuyên Hà, chao chát xuôi Thanh Nghệ
Tóc vấn trần kể chuyện thơ thêu đêm ru cháu ngủ
Miếng cơm bưng thơm se sẽ vị chè bồm
Quở: "Thành họ đứa nào chê cháu tôi đen dũi"

Ký ức tôi mãi là một người đàn ông guồng chân
khuya sớm

Bận mãi bên những khung dệt mảnh mảnh
Cả đời một món ngon: mắm tôm bắc trứng
Khoăn tiền còm chỉ chút châu học thêm
Đêm nằm đếm cột kèo mà nhắc tên bọn trẻ
Thương cháu con như muối mặn ngoài đồng

Chiều nay bất chợt gặp lá bàng lại rụng
Xoay trong mùa giêng hai
Bến nước quê tôi giờ thưa vắng chân người
Tôi chỉ gặp những cụ bà vừa đầm lưng vừa gom lá

Nhận ra mình tuổi nào thơ bé
Vụt lớn lên từ ống khói bếp mùn
Ông bà tôi cời lửa những chiều hôm.

Hỏi

Lên rừng em hỏi cây
Cây thì thảo hương là
Anh nhớ em
Lũ ong rừng phân vân chọn đường hoa

Xuống biển em hỏi sóng
Sóng ầm ào chát mặn
Anh cần em
Đám công gió hấp háy đôi mắt tròn nghi hoặc

Bên thềm nắng thơm em hỏi anh
Anh cười như heo may...

Vẫn biết là yêu đấy
Vẫn biết rằng yêu đấy
Nhưng làm sao em nuôi dưỡng trái tim
bằng những nỗi buồn
Dẫu tình yêu này em biết ơn anh!



QUANG ĐẠI

Khúc rượu tình

Người tình ơi!
Rót rượu tình ra

Chỉ mình đôi ta
Uống bằng chén hoa năm ngón
Rót cho đầy ngọn
Rót cho đầy lòng

Người tình ơi!
Rót rượu tình ra

Rượu tình tay em cất
Từ nếp thơm nương nhà
Từ men là rừng ta
Ngọt hơn câu ghẹo gái
Mềm hơn lời dụ trai

Rượu tình không say buổi sáng
Rượu tình không say buổi chiều
Rượu tình chỉ say khi yêu.

Người tình ơi!
Rót rượu tình ra!

Rượu tình có thể hòa mật ong
Rượu tình có thể ngâm lá ngón
Nhưng rượu tình
Đừng
Pha
nước
loãng

Người tình ơi!
Rót rượu tình ra!

Uống rượu ở Tam Đảo

Không nhìn thấy nhau
Chỉ nhìn thấy chai
Cổ chai cao hơn đỉnh núi

Ta nâng ly
Cụng vào mây trắng
Cụng vào hư ảo.
Đổ lỗi cho sương mù
Ta gặp nhăm nhăm ý tưởng của nhau

Cứ nhai đi nhai lại những xáo mòn thế kỷ
Ta biến mình thành những chú bò mộng mị
Lơ ngơ đội nón sương mù.

Ta đọc nhau nghe những câu thơ thượng dốc
Những ý thơ chạm trời.

Nhưng chỉ lát nữa thôi
Về với cuộc đời
nơi quang đăng dưới kia
Thì tất cả chúng ta
Ai cũng phải đi
xuống dốc.

Rủ rỉ cùng ta

Muốn rủ rỉ với côn trùng
Mời thấy còn lâu con người mới vô tư được
Tranh nhau giàu nghèo, tranh nhau xấu đẹp
Tranh nhau những cái chẳng đáng tranh nhau

Gió chạy vòng quanh sân
Muốn như gió nào phải dễ
Ta còn mãi nghĩ trời nghĩ bể
Nghĩ bao nhiêu cái ngoài ta.

Không thấy một ánh vàng mờ rọi kẻ liếp kia
Còn gặp vụn lán những điều ta nghĩ
Ta học không nhiều mà dùng không hết chữ
Có khi cũng chẳng bằng một mầm cây biết hẹn ngôi nhà

Bởi vậy
giữa đêm trường
Ta rủ rỉ cùng ta.

ĐỖ THÀNH ĐỒNG

Rác

Sáng thức dậy
đón mặt trời
qua bãi rác lì lợm
thời gian rộng rãi vô tình

những đàn ruồi bay trên đàn kiến
những con chó đói
và mèo hoang tìm kiếm thức ăn và
tổp người xoi xăm trong rác

tôi ngộ ra một điều mà
người bởi rác biết từ lâu
trong đồng rác nhiều thứ không rác
rác người này máu của người kia

tôi cũng ngộ ra một điều mà
trẻ con đã biết từ lâu
trong những vịnh hoa chấp chới màu
có thứ phải ra nằm đồng rác

tôi tìm tôi với rác
để thấy chút ích đời
ta tìm ta với người
để biết phần cò rác.

Thương lắm dã quỳ ơi

Cao nguyên
Sắc nắng hôn em
màu xanh mắt em
nụ cười môi em
hoang sơ
trái tim cổ tích

ta nhật em trong từng huyện thoại
thiếu nữ K' Ho khép nép bên đường
giấu nỗi buồn dưới tàn
hàng thông
không lẫn với tiếng reo ngạo nghễ

giữa bùng binh cuộc sống
những đôi mắt rú gắm
hiện đại héo rụi lại càng
cỏ bé lợ lem gột mình nhoe nhoẹt

ơi dã quỳ
em để tang mối tình sơn nữ
âm ảnh đời bằng
ấn dật kiều sa
hạnh phúc bỗng hồng lảng tránh
đón đau nào em cũng là hoa

ta yêu em nguyên thủy
chẳng thể bằng một chút hòa thân
em sống mãi khi ta cát bụi
ai điếu sau cùng
thương
lắm
dã quỳ ơi.

TRỊNH KIM HIỂN

Buổi chiều đi qua làng

Buổi chiều đi qua làng
Những đám mây con sà xuống nghỉ
Mãi bếp bắt đầu thơm khói rạ rơm
Nắng thì chia sẻ ra cho những chỗ cần nắng
Râm cho những chỗ cần râm

Buổi chiều đi qua làng
Cũng tắm áo nông dân
Chỗ ướt chỗ khô chỗ đầy bụi lấm
Bóng chiều đi chậm chậm
Mà tình chiều thênh thang

Buổi chiều đi qua làng
Theo hương sen
Hay theo những cánh chim vượt gió về chốn ngủ
Hay buổi chiều theo chân em, em gái nhỏ
Tóc em xanh như cỏ mượt ven đống.

TRUYỆN NGẮN DỰ THI

TRỞ LẠI VỚI NGƯỜI

Truyện ngắn của VÕ DIỆU THANH

Cô tiếp viên đã thất dây an toàn giùm cho Mai. Chi hành khách ngồi bên cạnh nhìn như hỏi "bộ, mới đi máy bay lần đầu à?" Không phải, mà là bối rối quá Mai quên. Mai đang bận hỏi đi hỏi lại. Đắm có nhớ lời dặn không. Đắm có ở y nhà không. Đắm hứa rồi. Mai vẫn cứ nhìn điện thoại. Giả như được nhắc cho Đắm thêm một lần nữa. Nhưng quy định phải tắt đi động. Tiếc là đường từ Sin về nhà không thể có đường xe tốc hành. Ngồi xe lâu thiệt, nhưng có thể gọi bất cứ lúc nào, biết chắc là Đắm giữ đúng lời hứa...

Mà thôi, vài tiếng nữa máy bay hạ cánh, thêm hai mươi phút đi tắc xi về Bình Tân.

Tin là mình chờ được. Sao có vẻ nghiêm trọng vậy. Mai chưa dừng tâm trạng lại để đặt cho mình câu hỏi này. Chỉ thấy nội cái việc chờ máy bay hạ cánh đã là một cái gì đó quá lớn lao. Gần hai giờ thời mà. Mai hồi trước đâu có nóng vậy. Hồi trước Mai thế nào? Trầm lặng tới độ lạnh như xác chết. Đắm khoái kiểu so sánh này. Lạnh như xác chết chứ không phải lạnh như đá. Còn cô ta thì miệng như con tép.

Ngày đầu Đắm theo Mai về nhà.

- Ông tên gì? Vợ ông tên gì? Nhiều tuổi?
 - Mai. Vợ tôi... tên Trắng. Trẻ măng.
 - Chà cực nghe.
 - Sao mà cực.
 - Cha nào có vợ trẻ mà không phải lo phục vụ vợ. Lơ là nó bỏ. Ông tên gì?
 - Tên Mai. Chồng cô sao.
 - Trẻ.
 - Đẹp trai.
 - Ừ, đẹp mê hồn luôn.
- Mai khịt một cái cười ngấm. Đắm nhìn lom lom:
- Tui ghét ai cười kiểu vậy.

Khi Mai mở cổng, một bầy chó chạy ủa ra. Chúng sủa nhoi. Dữ nhất là con chó mẹ. Màu lông trắng mượt, sạch trơn. Hàng răng nó cũng trắng hếu. Trắng hơn răng cô người mẫu chụp trên hộp kem đánh răng. Có điều màu trắng này nhợt lều.

- Trắng, đứng nổi nóng, người làm mới đó cưng.
- Ông đặt tên chó trùng tên vợ. Có khủng... ý lộn, vậy sao nên.

Vợ tôi đó. Cưng, lại anh hun miêng coi. Mai ôm con chó. Con chó cũng dụi đầu vào bụng Mai. Lè lưỡi liếm cằm Mai. Mai cũng lè lưỡi liếm cái mũi ướt ướt của nó, có khi liếm đung lười nó...

Đắm thụt lùi lại mấy bước. Bụng cô có cái gì guộng lên. Một cơn lạnh ruồng dưới da, chân lông dựng đứng.

Cô yên tâm. Vợ tôi hiền lắm. Miễn cô đừng ôm tôi là nó không ghen đâu.

- Đắm thấy gớm giọng Mai khủng khiếp.
- Tôi không sợ nó. Tôi... Ông là người gì?
- Miễn cô không sợ nó, không ngược đãi đám con tôi, tôi trả lương cô ngon lành. Ngược lại, tôi không tha cho cô.
- Rồi nó đi đâu bị gai quào, nó hổng biết nói, ông đổ lên tôi.

Tội nó rất khôn. Nếu nó tự bị thương thì nó đối với cô rất bình thường. Nếu cô hại nó, nhìn nó tôi biết liền. Chúng nó thật thà hơn cô nhiều.

- Đắm nổi khùng.
- Ông chưa biết gì về tôi sao dám đánh giá.
- Thì không biết gì mới đánh giá. Chúng biết rồi tính sau.
- Nhưng nhà không có vợ ông... Không có đàn bà... Tôi không dám ở một mình. Tôi còn có chồng.
- Có có chồng kẹ thấy cô, mắc gì khoe với tôi. Ở nhà còn có chị vú nuôi.

Đắm suy nghĩ một chút. Tưởng thằng cha này yếu ở yếu ợt, Đắm bẻ hẳn một tay. Số lương gần chỉ vàng mỗi tháng, bao ăn bao ở. Quai an tâm học nghề rồi. Nhưng có nên ở lại không. Coi tưởng sang mà điên không nhẹ.

Chị Ba vú nuôi đáng người thấp, chậm chậm, ít tiếng.

- Cô đừng lo... Ông chủ không có hứng thú với đàn bà...
- Hổng lẽ ông hứng thú với con...

Chị nhìn Đắm một cái như nói "đúng có nhiều lợi" rồi ôm mấy bình sữa đem lại đấm cho con. Con chó mẹ còn sủa hơn những cô gái ở đây Đắm. Để một bầy, con nào cũng núc ních nhưng không phải gặm mồn nướ vú mẹ như mấy con chó ở nhà. Nhìn bầu vú con chó, Đắm liên tưởng tới gương mặt, tới cái lưỡi của Mai, tự nhiên cô muốn ới.

Công việc của chị Ba là ngày nào cũng tắm cho mẹ, cho con kỹ lưỡng. Chải lông con mẹ mượt mượt. Ai nói lên voi xuống chó. Làm chó sướng hơn làm người như Đắm.

Đắm gọi cho Quai, kể. Công việc không nhiều. Chỉ nấu cơm, quét dọn nhà cửa. Ông chủ đi làm tối ngày. Hình như đi dạy tiếng Anh. Đắm chỉ giấu một điều là cô phải kêu con Trắng bằng... mợ.

Con Trắng khôn thấu trời. Khi Mai bị ai đó làm cho quạu, nó tới gần, không liếm láp, không dựa dẫm, chỉ nằm kế đó nhìn ông chủ, như biểu "nói đi, nghe nè". Vậy là Mai kể cho nó nghe đủ chuyện. Đắm đoán là anh ta than thở gì đó, giọng hạ thấp... Nhưng thật sự Đắm không hiểu anh ta nói gì, xí xỏ xí xào tiếng nước nào lạ quơ. Kể một hồi hết buồn, ôm nó liếm. Đắm ủa mắc chết. Đắm tự hỏi. Có phải cái khôn của con chó có được là do Mai với nó... Không dám nghĩ nữa. Nhất là khi nghĩ tới bầy chó con.

Ông ta cưng bầy chó con như người ta cưng con... Đắm so sánh với những người cha ở quê Đắm. Người cha quê Đắm có khi nổi khùng tát vô mặt thằng con cái bóp khi thằng nhỏ chạy lăng xăng làm đổ đĩa vịt luộc, đĩa mồi duy nhất của mâm. Mấy con chó con có lẽ cần nát cuốn sách tiếng Anh rất mắc tiền, Mai cũng cười hi hi. Mai có lần thấy mắt cô nhìn lũ chó liến hời.

- Có có con chưa?
- Chưa, đợi Quai học ra nghề.
- Tốt nhất đừng đẻ người.
- Đổ vô duyên.

Đắm mong cho mau tới ngày đó, thoát được chỗ này. Đây giống như không phải nơi ở của con người. Đắm muốn được nhìn thấy Quai. Anh ấy cũng không nòng nân với Đắm lắm. Nhưng anh ấy là người. Nhìn Mai, Đắm lại thêm được bình thường hơn Mai bao nhiêu.

Cô nhớ Quai. Cô chộp điện thoại lên định gọi. Lại nhớ mới gọi hồi này, cách đây mười phút. Tốn tiền mà hổng lẽ gọi chỉ để nói em nhớ anh. Nói câu này có quen đâu. Bữa đầu tiên Đắm nói câu đó, Quai im một chút rồi hỏi. Nói khủng gì vậy.

Anh ta không thấy tôi thăm cô. Mà hình như cũng ít thấy gọi cho cô. Có phải cô luôn chủ động gọi chồng trước.

- Quai sợ tôi bị ông chủ rầy.
- Anh ta nói?
- Tôi nghĩ chắc anh nghĩ vậy.
- Cô tin chồng cô.
- Chớ hổng lẽ tin ông.
- Tin là anh ta không màng tới đàn bà khác.
- Tin.
- Ngu hơn chó.
- Ông bị tình phụ?
- Im ngay.
- Vợ ông phụ ông?
- Câm ngay.
- Vậy là đúng rồi. Mợ... ý nói mợ người đó, hổng phải mợ Trắng. Chắc đẹp lắm.

Từ đây về sau cô nhắc tới người đàn bà đó nữa tôi móc hầu cô.

Chiều ngồi ăn cơm với chị Ba, Đắm hỏi:

- Ông là dân miền Tây hả chị Ba?
- Sao cô biết?
- Nói chuyện dữ dằn. Xứ tôi nên tôi rành lắm. Nhiều bà xứ đó chữ con gái hà bá đeo máy. Nhưng tôi tới con gái tắm sông lại la với với. Sợ con vương tình với hà bá, bị mắc đẳng dưới.

- Có đừng nhắc xứ miền Tây với ông chủ.
 - Bộ ở đó có người gây thù với ông hả?
 - Nghe nói mẹ ghê.
 - Mẹ ghê miền nào mà hổng ăn hiếp con chồng.
- Câu trả lời của chị Ba làm Đắm đốn đường Mai tại cổng rào.

Ông thù mẹ ghê rồi cái chối bỏ luôn góc gác mình à? Tôi ghét mấy người mất gốc.

Mai xách cánh tay Đắm kéo lại bốn nước.

- Cô mà nhắc tới con thú đó ở đây tôi trấn nước cô.
- Ông còn ác hơn di ghê.
- Cô

Mai nhấn đầu Đắm xuống bốn. Nhưng chỉ nhá nửa mặt, anh lồi cổ cô lên. Cô hất mạnh tay Mai. Đắm cũng hơi sợ.

Người này khoái ôm chó hơn ôm người thì không biết được anh ta có nổi khùng giết mình không. Thôi không chọc hân nữa. Đắm thấy thêm nghe giọng của Quai. Anh làm biếng nói chuyện điện thoại. Điều đó có làm Đắm buồn. Nhưng dẫu sao nói với Quai cũng dễ chịu hơn. Trong lòng Quai không chất chứa thù hận như Mai. Sao mà thù người dữ vậy. Tưởng coi bộ cũng giỏi, giàu có nữa, hổng lẽ không có người nào đủ sức để kéo hẳn về với... Chị Ba cũng biết được chút ít chuyện của Mai. Nhưng tối ngày chăm sóc mấy con chó, chị cũng lười nói tiếng người. Hình như lẳng lặng như một con chó sẽ an toàn hơn để kiếm tiền chỗ này. Có cảm giác chị Ba, hẳn ta sắp bỏ tiếng người mà đang dần dần sửa tiếng chó. Loại chó không sủa, chỉ gầm gừ.

Đắm thương chị Ba. Cô thường kiểm chuyện hỏi cho nhà bớt vắng. Hồi năm mười câu chị mới trả lời một câu.

- Chị, ông Mai hình như không có bạn bè thân cận gì?
 - Cô đừng nhắc tới bạn thân trước mặt ông.
- Đắm thấy không nên hỏi về Mai nữa mà hỏi thăm về chị Ba.

- Chị làm ở đây bao lâu rồi. Sao mà chị lại biết ông. Trước chị ai pha sữa cho mấy con chó.

- Cô đừng nhắc với ông người làm trước đây.
- Bộ người làm cũng chơi xấu ông hả.

Đắm lẩm. Kiểu thấy ghét mà. Thảo nào ghét người làm. Có lẽ do chị Ba biểu hiện như một con chó trung thành nên ở đây bên. Những người chỉ khoái làm người như Đắm khó nhìn nổi. Nhưng Đắm cứ muốn kéo chị Ba về với mình. Cô kiểm chuyện hỏi chị hoài.

- Chắc hồi đó ông Mai mê vợ lắm.
- Sao cô biết.
- Thì mê lắm, bị bỏ mới hận vậy. Thường vậy. Người đẹp lòng dạ hiểm sâu. Khi không yêu thường tìm cách vứt bỏ. Mà bỏ thường thì sợ bị đeo bám. Em xuống hầm hố cổng rãnh cho nó mục rửa tan rã ra mới yên bụng.

Chị Ba len lén nhìn ra cổng.

- Ai kể cô nghe?
- Có ai đâu. Tại thấy ông Mai hận, em... đoán vậy.
- Đừng bao giờ nói những câu cô vừa nói với cậu Mai nghe.

Ngôi nhà quá nhiều điều cấm kỵ... Đắm thềm nghe tiếng Quai khùng khiếp. Tiếng chuông điện thoại reo. Đắm đang ăn cơm, mắt mở bừng lên. Cô cầm điện thoại mà nhảy dựng.

- Quai! Chị Ba ơi! Quai gọi.
- Sao mà cô mừng dữ vậy. Tôi nghi là không có gì tốt lành đâu.

Quai kêu Đắm dành tiền mua dàn máy vi tính mới. Có máy mới, nhiều chức năng về nhà thực hành mau giỏi hơn. Anh sắp ra nghề rồi. Dàn máy độ hai tháng lương của Đắm. Mai ngạc nhiên.

- Đó là dàn máy tốt nhất.
- Lăn mua lăn khó, phải mua cái tốt nhất.
- Cô thường ngày không dám xài, mà chịu sắm vậy sao.
- Tôi có cần xài gì đâu.
- Nhưng tôi thấy anh ta không thương cô.
- Tôi cứ thương anh. Anh có con mắt nhìn sẽ thấy.

Mai cười:

- Đổ không có đầu óc?
- Đổ hung dữ. Hung dữ hơn con chó..., hơn con Trắng.

Biết ngay thôi. Chửi là đồ biến thái cũng chỉ găm gừ rồi đi. Nhưng nếu để cho con chó bị thương thì gay go. Hôm đó chị Ba đang chăm nước sôi vào bình thì con Trắng xấn vô chân chị. Con Trắng đang giỡn với đám con của nó. Chị chối với làm đổ vài giọt nước lên lưng con Trắng. Chiều đó về, anh thấy con Trắng nằm rên ư ư.

Nó quen được cưng nên bị đau một chút đứng dậy không nổi. Mai điều tra. Chị Ba nói ngay sự việc. Mai lẳng lặng đi vào bếp cầm bình nước sôi chế lên chân chị. Nhưng chị Ba biết ý đã lùi lại kịp. Chị bị phỏng nhẹ do nước văng trúng.

Đắm nhảy cẫng lên.

- Ông đã man quá vậy. Tôi thưa ông. Ông cần phải bị tù mới đáng tội.

- Tôi chế nước sôi vô mình cô luôn giờ. Không được nhắc tới tui.
- Tôi nhắc đó. Ông làm gì tôi? Tôi cho ông vô tù. Tù, tù, tù.

Mai găm lên, kéo Đắm về phía bốn nước, nhấn đầu cô xuống đó.

- Đổ sâu bọ. Chết đi.
- Chị Ba kéo Đắm ra.
- Cái cô này, sao mà trời đất gì cũng không sợ hết vậy?
- Ai biểu ông ác quá chi.
- Cậu mà ác thiệt, giết cô cái một.
- Hồi trước có mình chị ở đây, ông có ăn hiếp chị vậy không?

- Có một lần. Bữa tôi cho con Trắng ăn, nó bị ỉa. Cậu bắt tôi ăn chén thức ăn thừa của nó.

- Trời ơi. Quỷ chó hổng phải người. Sao chị không bỏ đi mà ở đây chi hoài vậy?

- Chỗ khác không muốn. Tôi không biết nấu ăn ngon. Chỉ biết pha sữa, tắm chó.

Đắm thấy thương cho người đàn bà tội nghiệp này quá. Càng thấy giận Mai vô phương.

- Mà sao cô ghét ông chủ quá không nghĩ ở đây cho rồi.

- Tôi ghét nhưng không sợ. Làm ở đây có tiền, có thể bảo vệ được chị. Chúng nào chị chịu đi, tôi mới đi.

- Tôi không đi đâu. Ông chủ giận làm vậy thôi chứ hổng có hại chết tôi đâu.

- Nhưng giống như chị sống với một con thú.
- Ừ. Người cũng là thú mà. Người thú nhiều, người thú ít. Như cậu có khi thú ít hơn những người khác. Tôi thấy chồng cô cũng đâu phải người.

- Chị, ảnh người nhiều hơn ông Mai. Mà sao ông Mai ghét chữ tù quá vậy. Bộ ông từng đi tù hả? Thôi, tôi không nhắc nữa đâu.

Đằm biết, cô hỏi, chị Ba cũng không trả lời. Mà Đằm không muốn ai phải tù tội hết. Chốn đó quả là Đằm không thích nhắc.

- Cậu từng bị tù, tù nhiều năm.

Đằm à lên một tiếng mà thấy xót xa giùm. Người giỏi giang như vậy, sang trọng như vậy mà bị tù thì đúng là đáng ám ảnh. Đằm không muốn hỏi nữa. Chắc là ông ấy bị ai đó hại nên mới hận nhiều vậy.

- Không nhắc mấy chuyện vậy nữa đâu. Minh thật may mắn đó chị. Chị tốt thiệt. Một người khó chiều như Mai, chị có thể sống lâu dài mà không thấy phiền hà.

- Tôi không muốn về quê. Chồng tôi cũng đâu có tốt với tôi miếng nào. Thà ở đây làm thú với cậu Mai còn an nhàn hơn, có tiền gởi về nuôi mấy đứa con. Đàn ông như cậu Mai cũng tốt lắm rồi. Tiếc là vợ cậu không con mắt.

- Mợ ấy bỏ cậu à.

- Còn hại cậu vô tù.

Đằm muốn hỏi tới. Nhưng chị Ba đã ôm bình sữa đi rồi. Công việc chị chỉ có bao nhiêu. Cô thấy buồn kinh khủng. Không biết có phải cô buồn cho chị Ba, cho Mai hay cho mình. Quai bữa nay làm gì mà gọi mười cuộc rồi không nghe. Thôi kệ, chút nữa rửa chén xong gọi lại. Không biết Quai có bệnh hoạn gì không.

Mai đi dạy về, dặn Đằm dọn cơm ăn sớm còn đi dạy ca tối. Kỳ thi sắp tới. Đằm vừa rửa rau vừa biết rồi một cái nhưng không dọn liến. Cô cúi lạy tay vào áo, móc cái điện thoại ra.

- Nôn làm gì. Gọi được cô cũng có nghe câu nào hay ho đâu. Đồ mê muội.

- Ông mê muội. Ông nói nữa tôi... giết ông.

- Cái con này.

Quai đã nhắc máy. Không giải thích lý do vì sao mình không nghe máy. Chỉ hỏi gọi có gì không.

Có mới gọi. Ừ mà đâu có gì đâu. Đúng là Đằm chẳng biết nên gọi để làm gì. Thì vợ chồng, em không gọi anh còn biết làm gì nữa. Được gọi anh, những ngày phải chửi mũi vô cái nhà này, nhìn mặt người chó này, em thấy đáng lắm. À, ông cho em nghỉ phép hai ngày. Quai thờ ơ ỷ y đó đi, về mắc công ăn cơm nhà. Tôi bữa nay không có được nghỉ học". Đằm hạ điện thoại xuống, ngồi thừ một đồng. Mai cười khịt khịt.

- Có chuyện rồi chứ gì. Chắc là không cho lại chỗ anh ta ở chứ gì.

- Ông biết gì mà nói.

Một tối, Đằm vừa dọn dẹp vừa nhấp nhòm cầm điện thoại lên rồi để xuống. Mai không thể nào chịu được cảnh này. Nó nhắc nhớ một khúc nào đó của cuộc đời anh. Đại dột, tối tăm, mê muội. Người ta xỏ mũi như xỏ mũi trâu.

- Đồ ngu, bỏ điện thoại xuống.

Đằm nhìn nét mặt Mai tự nhiên rúm người lại, không dám trả treo như mọi bữa. Có một cái gì đó trống trải làm cô yếu đuối, không muốn nói chuyện, không muốn tranh đấu.

Rồi một người đàn bà bụng bầu tới kiểng Đằm. Cô ta nói "không tính cái bầu chị cũng thua trắng. Có bán mười mạng chị thì Quai cũng chỉ thương tôi".

Mai đứng cười cười. Tưởng gì. Anh đã thấy kết cuộc này từ trước.

Đằm cầm điện thoại lên quét xuống nền nhà. Nó vàng ra làm ba mảnh. Mai lượm từng mảnh vỡ đưa cho Đằm.

- Lấy lại cái sim để lúc ghiền có cái mà gọi.

Đằm cầm cái sim bẻ đôi, đưa xuống chân chà đạp. Mai lại cười. Luật đời là vậy. Kẻ trước người sau. Cô ngạo nghễ quá mà. Đời vùi không ngập cổ xuống bùn đời không đáng mặt.

-Tôi cho cô một con chó con. Nó trung thành hơn cái loại chống cô. Cô cứ ở đây làm, có mấy con chó nó an ủi.

Mai đi dạy về, thấy Đằm đang tắm cho mấy con chó con.

- Chơi với chó là tốt nhất.

- Mai ông chủ cho tôi nghỉ làm một ngày.

- Đi kiểng anh ta trả thù à.

- Tôi muốn đưa số tiền đã hứa với ảnh, đăng ảnh mua dàn máy.

- Cô mê anh ta vậy à.

- Tôi đã cho anh ta chín mươi chín ngày thương, còn một ngày nữa tiếc gì. Vậy mới dứt nợ được.

- Cô thiếu nợ anh ta à.

- Nợ tình.

- Phải, mê tình thì đáng đời cô.

Đằm chợt tự hỏi mình. Minh có mê Quai không. Hình như không. Đằm chợt nhận ra Quai chưa có câu nào nghe cho ấm lòng để mình phải nhớ. Thành ra giờ cô thấy nhẹ. Quai là người thật bụng. Bao nhiêu đó Đằm thấy mình thương Quai cũng đáng. Quai không thương mình nữa chắc là do hết nợ.

- Tôi tiếc cho anh ta thôi. Thương ai khác ảnh sẽ khổ cho coi. Ông chủ tin như vậy đi. Đàn bà thiếu gì. Nhưng đàn bà như tôi còn được mấy người.

Mai đi sát bên người Đằm. Đỡ cầm Đằm lên.

- Cô cứ hát cho vãn tuồng cái lương của mình. Còn đủ thời gian để cô chết ngộp trong nước mắt của cô.

- Tôi mà sợ nước mắt à.

Nhưng Đằm không ngờ mình buồn dai. Gần nửa năm mà mỗi lần nấu cơm Đằm cứ giết mình chạy lại chậu rửa kiểng điện thoại. Cô nhớ lại, ngồi xu một đồng.

- Thói quen mấy năm rồi chị Ba hé.

Không sao. Đằm chắc chắn rồi mình cũng đẹp được thói quen đó.

Nhưng Đằm vẫn không quên được thói quen đó. Ít ra là cho tới lúc này Đằm vẫn cứ muốn gọi cho Quai nói câu gì đó. Định bụng rồi thôi. Gọi nói gì đây. Mai không thích nhìn cảnh đó.

- Tôi không muốn nhìn thấy mặt một người vô phương cứu chữa như cô. Cô ở đây có ngày nổi khùng tôi mắc công mang họa. Cô nghĩ việc đi.

- Cờ ông mà không làm tôi điên được. Ông lo gì.

- Tôi không ưa loại người đang mê mà giả bộ tỉnh.

- Tôi có giả hồi nào đâu. Tôi không nhớ thiệt. Nhưng thói quen thì hơi khó bỏ vậy mà.

- Có phải cô đang dùng phép thắng lợi tinh thần?

- Có phép đó sao?

- Rồi cuộc cô hồng thương thằng đó à.

- Hồng thương sao đi ở đợ nuôi, bị ông chửi thua con chó. Đã hả lòng hả dạ rồi. Tôi đã xài đủ thuốc, bệnh không hết thì đành thôi. Tôi cũng có thiệt thòi gì đâu.

Đằm biết là làm người tốt không dễ. Hồi quê Đằm chưa có di động, kể nhà có một điện thoại bàn. Ông này cho người trong xóm gọi nhờ. Một lần làm ơn lại bị chửi oan. Ông ấy đã lập lời thề, hễ cho ai gọi nhờ nữa sẽ chết bất đắc kỳ tử. Và mẹ của Đằm bệnh nần nỉ cỡ nào ông cũng không gọi giùm cho Đằm. Thà ông thang thuốc giúp bà. Bà chết mà Đằm không hay... Cái buồn đó còn tới bây giờ. Cô không muốn mình giống người hàng xóm, từ bỏ thói quen tốt. Làm người tốt bị hại có sao. Làm người xấu bị hại mới đáng đời.

Mai thấy mình đuối cổ cô ta là chính xác. Cái ảo tưởng đó làm Mai ghét. Đằm sẽ còn bị hại nhiều nữa.

Đằm chuẩn bị hành lý về xứ, buồn không buồn, vui không vui.

Mà khoan. Đợi tôi đi du lịch một chuyến về quê hãy đi. Tôi

còn phải kiểng người thay cô.

Mai cũng không vui không buồn. Anh không muốn ở gần Đằm, sợ lây cái ngu của Đằm. Bài học ngu anh đã thuộc lâu lắm rồi.

Hôm đó Mai ra sân bay làm thủ tục, về tới. Anh không thấy yên lòng. Anh đã chính thức đuổi Đằm thì biết đâu Đằm không làm hại mấy chó khi không có anh ở nhà. Khi bước vào nhà, Mai phát hiện con Trắng đang nằm quệp như chết ngay cửa bếp. Gần đó một tên cướp đang uy hiếp Đằm. Mai bỏ mặc Đằm, ôm con chó bỏ chạy. Nhưng tên cướp đã buông Đằm đuổi theo Mai. Đằm nhào theo kéo chân hấn lại làm hấn ngã dài trên sàn nhà. Chị Ba từ nhà sau đi tới nhanh tay chụp một cái ghế quét tới tấp lên đầu hấn... Hấn gượng ngồi dậy quơ dao lung tung. Chị Ba vẫn quơ ghế quét hấn. Không biết hấn trúng chỗ nào mà ngã quỵ...

Khi tên cướp bị bắt, Mai nhìn thấy một dòng máu tuôn trên mặt Đằm.

Chị Ba cũng bị thương ở tay nhưng nhẹ hơn. Cả ba người, cả con Trắng đều vào viện sau vụ cướp. Rất muốn chăm sóc cho Đằm nhưng hễ muốn làm gì anh cũng đều thấy sượng sùng. Ngày ngày anh ngồi nhìn chị Ba cơm cháo cho Đằm, nhìn Đằm ngủ.

Lúc ngủ, cô hiền như đứa con nít. Anh rất muốn bước tới gần cầm tay Đằm lên biểu hiện một cử chỉ biết ơn. Nhưng không làm được điều đó. Khi bước tới gần, Mai lại ý thức rất rõ đó là một phụ nữ, một con người... Họ đã tồn tại trong tiềm thức anh suốt mấy mươi năm nay là những thủ đoạn để hèn, là phản trắc rất "người" và thua kém thú. Đầu óc họ đang nghĩ gì, anh không biết. Anh từng không biết và mãi mãi không biết.

Anh thụt lùi lại. Lại thấy vết thương chỗ mí mắt của Đằm. Mai như thấy đường dao sáng ánh rẹt qua mắt cô. Máu Đằm tràn từ mắt tràn xuống. Nó như một vết thương của lương tâm anh... Hình ảnh những người trong quá khứ và hình ảnh Đằm cứ nhảy nhót trong đầu. Khi nhập một khi tách ra.

Rời bệnh viện Mai về nhà. Nhìn vết máu trên sàn nhà anh lại càng thấy hình ảnh đó rõ nhất.

Mai nói với chị Ba chăm sóc Đằm giùm, đừng ngại tốn hao. Anh chắc phải đi đâu đó cho đầu óc lắng dịu lại. Nếu ngồi chỉ nhìn mà không làm được gì cho Đằm anh nổi điên mất.

Mai thực hiện chuyến du lịch còn dang dở của mình. Ngồi máy bay trò chuyện với một hành khách nước ngoài bằng tiếng Anh, câu chuyện trôi đi đâu đó tận hòn đảo tươi đẹp họ sắp tới. Vườn chim jurong, tượng ngư sư Merlion... làm Mai thấy người ngoại một chút. Khi bay được một tiếng mất buồn ngủ. Nhưng trong giấc mơ màng anh lại thấy toàn hình ảnh Đằm lúc ở nhà, lúc cãi tay đôi với anh. Mờ mắt ra Mai thấy lòng mình hoang hoải, gan ruột cồn cào.

Bước xuống máy bay, Mai không thấy thêm đi đâu hết. Những hình ảnh quảng bá của hòn đảo xanh từng được xem ảnh, từng nghe nói chột nhặt nhều. Mai chui vào một chiếc taxi. Người lái xe hỏi ba lần vẫn chưa nhận được câu trả lời. Người lái xe cảm thấy mất kiên nhẫn, châu đôi chân mày. Mai giật mình xin lỗi rồi quay lại sân bay.

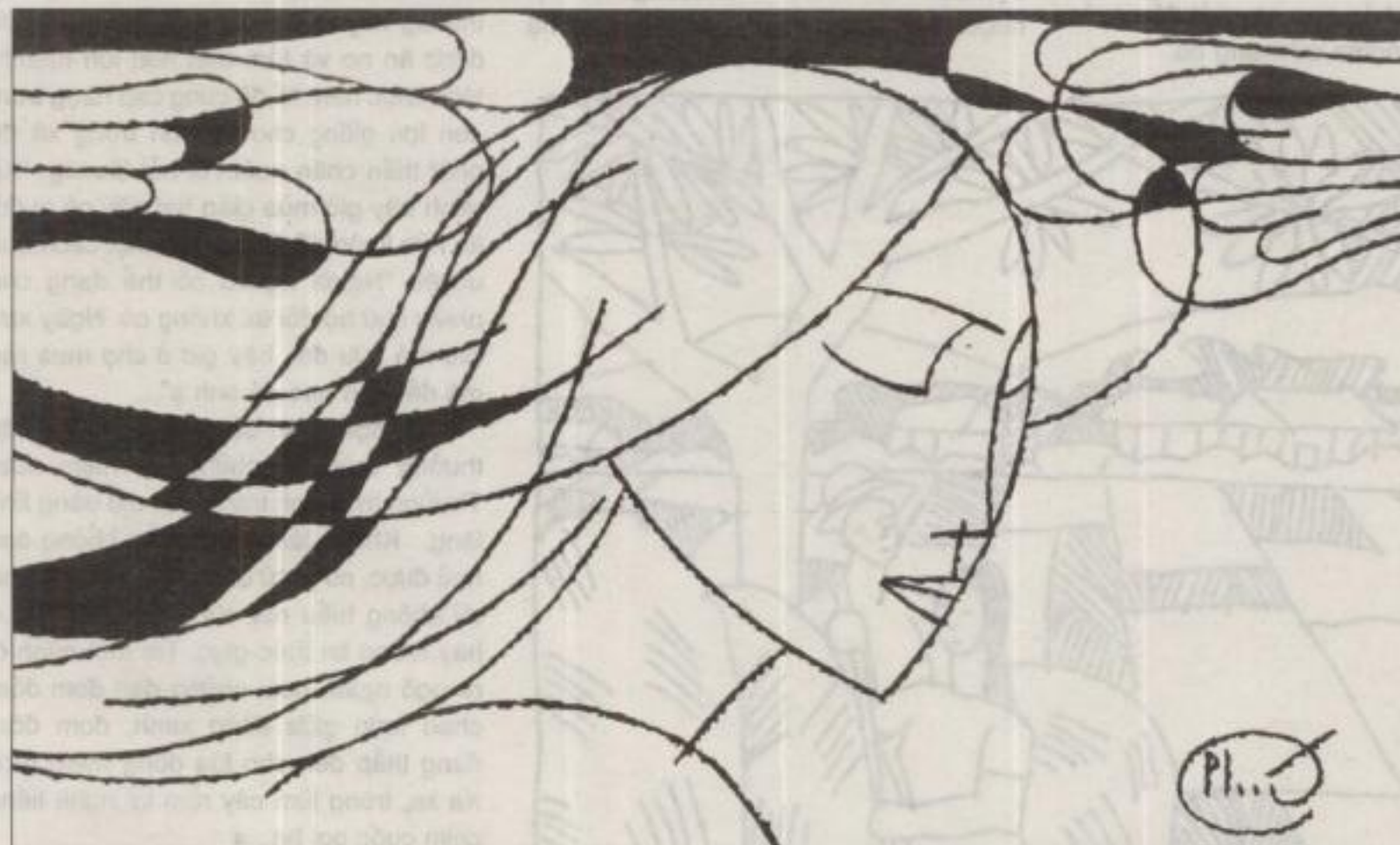
Anh đổi vé khứ hồi. Chỉ có thể gỡ bỏ những gì đang vấp vã trong lòng tại chỗ Đằm.

Khi bước lên máy bay, tắt di động, Mai thấy có một cái gì đó dấy lên. Một sự bất an tràn vào đầu anh. Giống như một linh cảm. Anh thêm được gọi cho Đằm, chỉ mình Đằm, muốn nghe giọng Đằm...

Nhưng giờ này không thể thực hiện cái ham muốn đó được rồi. Máy bay xóc mạnh. Cô tiếp viên nhắc hành khách đứng nào động. Chỉ có một trục trặc nhỏ. Mai thấy không phải chỉ là một đám mây, hay một vùng không khí loáng như cô nói. Hình như máy bay đang kiểng đường đáp và họ đã làm một cuộc hạ cánh ngoài kế hoạch và thiếu an toàn. Mai vẫn nghe rõ cảm giác rơi. Mai không sợ chết. Anh đã chết gần hết đời người rồi. Nhưng những khoảnh khắc ngắn ngủi này mới thấy mấy mươi năm của mình trôi qua uống quá. Uống khùng khiếp... Cái cảm giác tiếc đó dâng lên càng lúc càng dữ dội.

Người trong máy bay mỗi người hoang mang theo một kiểu. Tiếng niệm phật của chị khách ngồi kế bên rền rền... Mai biết là mình đang ở đâu. Có lẽ ở gần kiếp sau hơn kiếp này. Mai thấy rõ cảm giác mình đang bị hất văng hết bên này tới bên kia, mọi thứ xáo trộn... Mai lại không thấy những gì đang diễn ra trước mắt. Mà chỉ thấy hình ảnh Đằm kinh hãi với tên cướp, hình ảnh Mai ôm con chó bỏ chạy. Hình ảnh Đằm ngã dài nằm cứng chân tên cướp khi con dao chỉ cách Mai gang tấc... Những hình ảnh đó đang lộn nhào, ruột gan anh cũng đang oằn oại theo từng cú hụp rơi, nhào đảo của máy bay. Đằm và chị Ba chắc đang chờ... Đằm không sao đâu. Không ai có thể làm cô ấy bị mất tinh thần. Dù có bị đẩy trôi tới phương nào cũng là để cô ấy đem hạnh phúc cho người mà... Mai ao ước được nhìn thấy, thêm được nghe tiếng bừa cùi. Nhất một... Tiếng của Đằm.

Anh lao người ra khỏi máy bay, bỏ lại hành lý, quên cả mở điện thoại. Mai không phải trở về từ cõi chết mà là anh đã bước tới một kiếp sống mới. Không lý giải được. Ở tình huống khùng khiếp đó mà máy bay có thể không bị gì hết, khắc phục được sự cố, trở lại bình thường rồi hạ cánh an toàn? Mai không tin ông trời thương mình. Ông trời thương người khác. ■



Minh họa của NGUYỄN ĐĂNG PHÚ

NHỮNG CON ĐƯỜNG THÁNG BA

KỶ ỨC THÁNG BA

TUỔI nhỏ ai chẳng thích tháng ba, riêng tôi và nhiều bè bạn đã sinh trưởng ở xứ sở này lại càng thích. Thích vì vùng quê ngút ngàn cây cối, ngào ngạt hương hoa. Hoa bưởi trắng nõng nần đơm đầy vườn, hoa chanh hoa khế đua sắc cùng hoa bưởi. Không ít những lần tôi leo cao trên những ngọn đồi quê để ngắm nhìn làng tôi tròn như một mâm xôi phủ trắng màu hoa xoan, hoa gôm, hoa dung... và bao nhiêu hoa của những loài cây khác nữa. Nhiều hoa dĩ nhiên là lấm chim, suốt đời tôi chẳng thể nào quên được hình ảnh con chim chào mào có đầu lông đen nhú lên ngọ nghinh với đôi má đỏ tươi. Thanh bình quá yên tĩnh quá, khi đôi chim chào mào tình tự trong chùm hoa cau trắng nõn nà rồi thả vào không gian lạnh lốt những khúc nhạc chim. Bắt chim, đuổi bướm, đuổi chuồn chuồn đã cho tôi một thế giới đầy cổ tích huyền thoại. Tuổi thơ của chúng tôi cũng hồn nhiên trong bộ quần áo dây dầy mực tím và chân đất, đầu khét nắng và đứa nào cũng thêm ăn trái cây. Tháng Vực tỉnh tháng, tỉnh ngày cây vải trước cửa nhà ông Phúc bao giờ sẽ chín. Tháng Danh thì mách tôi buồng chuối nhà nó mấy quả đã "đỏ" rồi. Nó đang tính kể tìm liếm cột vào sào nửa để đưa chuối xuống. Tháng ba chúng tôi vẫn khoái nhất là thưởng thức sản nướng. Hôm nào tôi được bố giao việc lên chòi cao để trông chim đứng phá lạc là hôm đó thế nào tôi cũng rủ được mấy thằng bạn tới. Đưa đi tìm củi khô, đưa đào lò, đưa nhổ sắn. Vừa canh giữ chim vừa thưởng thức củi sắn chín còn nóng hổi trên tay. Chao ôi! Đến bây giờ mỗi lần về cố hương gặp lại nhắc những chuyện xưa đứa vào cũng thấy bồi hồi xao xuyến... Đó là những kỷ niệm vui khó phai mờ trong ký ức nhưng tôi cũng khó quên những kỷ niệm buồn của quê một thời với những gương mặt bà con cô bác lam lũ quanh năm. Họ bán mặt cho đất bán lưng cho trời nhưng cứ đến tháng ba là lo chạy ăn đút bữa. Tháng ba dường như những cối xay tre nằm im hơn, không còn cần mẫn xay vù vù, xay thâu đêm suốt sáng sau vụ gặt tháng năm, tháng sáu. Tháng ba nhiều gia đình buổi tối lên giường nằm sớm hơn vì họ không có tiền để mua đèn dầu hoả. Con cái họ phải cắp sách sang nhà bạn để học chung đèn. Những lúc ấy tôi thấy mẹ tôi lục tục dậy, dường như mẹ đang nghĩ nhiều đến làng xóm, đến những người đói khổ nhất trong xóm như bà Phù, bà Miên, bà Dung, bà Chiu, và đến cả ông Túc bố thằng Dũng người bạn thân nhất của tôi nữa. Chiều hôm qua tôi vừa về mách mẹ một tin sốt dẻo rằng: Thằng Dũng bị ông Túc đánh vì hấn chỉ hái được mấy ngọn rau lang, làm sao đủ để trộn với bột gạo làm nổi cháo cầm hơi cho cả nhà. Đúng là thằng Dũng bị cha nó đánh oan. Chính tôi lúc đó chặn ở Đổng Họ đã chứng kiến cảnh ông bảo vệ hét inh ỏi, rồi cầm gậy tre đuổi mấy đứa nhỏ đi vì chúng đang toà ra khắp đồng khoai hợp tác xã để hái trộn. Dũng bị cha đánh, nó chỉ biết bụng mặt khóc và tôi nhìn thấy thương nó quá. Không để đồng khoai hợp tác xã bị vật trụ là nên tổ bảo vệ thôn lại tích cực đi thăm đồng kể cả những đêm mưa dầm gió

Bút ký của PHAN THẾ CẢI

Tháng ba, những đợt mưa dầm ở quê nhà đã tạm lắng. Bây giờ lúa đang thi xanh sắc chờ tiếng sấm tháng ba vỡ ra thì trở đồng đồng. Tháng ba thưở xưa "Ngoài đồng vàng mơn trong nhà mờ mắt" như còn nhói trong tôi kỷ niệm mùa gặt hạt, nhưng hôm nay về lại quê đã khác hẳn xưa. Làng không còn hộ đói và đang tiếp tục thoát nghèo.

bắc. Thời bấy giờ cứ khoảng gà gáy canh ba xong, làng tôi lại nghe râm rân tiếng người gọi nhau vào rừng để đào củ mài và tìm kiếm rau má. Củ mài và rau má là hai món ăn thần dưỡng nhất giúp người "bần cổ" ở Sơn Thủy qua cơn hoạn nạn. Rau má dễ tìm và ai cũng có thể hái được đầy giỏ, còn củ mài nhiều cây ẩn sâu dưới tầng đất đá rất khó đào. Kiếm được vài cân củ mài có khi mất công cả ngày. Vất vả thế nhưng cái bụng vợ, bụng con và cả bụng mình đang lép kẹp thì vất vả mấy cũng phải tìm.

Cảm cảnh với dân đào rau má mà gia đình tôi cũng dành hẳn nửa số thóc trong nhà để cứu trợ người đói qua cơn hoạn nạn. Vào những năm 1964-1965 với diện tích vườn đồi gần 2ha, vườn nhà tôi lúc nào cũng đầy ắp cau, cam, chuối mít, trầu. Nhà nuôi tới 5 con hươu sao (trong tổng 15 gia đình nuôi hươu đầu tiên huyện Hương Sơn). Mỗi mùa tỉnh cả chăn nuôi hươu và tiền bán 4 chum cau khô thu nhập 6 ngàn đến 7 ngàn đồng. Tiền thu nhập từ kinh tế vườn gia đình tôi mua thóc dự trữ lúc đói kém. Trên chạn nhà cha tôi dựng hẳn 4 chiếc cột đựng lúa đầy ắp và thường trực "hai vệ sĩ mèo tam thể" canh chừng chuột. Lúa nhiều thế nhưng anh em tôi cứ tới tháng ba là phải ăn cơm độn sắn, độn khoai khô. Mẹ bảo "Lúc nì các con được ăn nó là tốt rồi. Thóc gạo lúc này mẹ phải cho người hàng xóm vay đã". Lời mẹ nói lúc ấy tôi còn khờ dại làm sao hiểu được tấm lòng bao dung của mẹ. Mãi tới bây giờ cứ tới tháng ba tôi lại bần thần nhớ mẹ. Tôi nhớ mẹ tôi lúc ấy cương quyết không quảy gánh thóc ra chợ bán để kiếm đồng tiền chênh lệch giá, đầu bán thóc lúc ấy gia đình tôi sẽ có thêm đồng tiền rủng rỉnh. Nhưng mẹ tôi lại nghĩ khác. Mẹ cho vay không phải là sự ban ơn và vay không cần lấy lãi một hạt thóc nào. Mẹ ơi mẹ để con ăn cơm độn những năm tháng làng quê nghèo đói ấy để suốt đời con cháu sau này bắt đầu cuộc đời từ những nghĩa cử tháng ba.

THÁNG BA NIỀM VUI RÂM RAN NGÕ XÓM

Lần này tôi trở lại quê gặp bao nhiêu sự biến đổi ngỡ ngàng. Vừa bước chân tới đầu cổng làng đã thấy dưới chân ngọn núi Nấm đất đá ngổn ngang. Những cỗ máy húc máy ủi đang ngoan vào bờ núi và một con đường đỏ quạch màu đất hiện ra. Khi tôi xuống dốc Nấm bắt chợt gặp cụ Kiểu, cụ nắm lấy tay tôi một hồi lâu và cảm động nói "Chú đã đi nhiều nơi không biết cuộc sống của họ bây giờ ra rành. Chứ xã Sơn Thủy nhà mình đi mô cũng thấy đường bê tông vào, lối nào cũng thấy đường mới mở". Cụ Kiểu ngày xưa làm trạm trưởng y tế xã với dáng người khỏe mạnh vạm vạp, bây giờ trở thành ông lão tóc bạc phơ. Ngoài tuổi tám mươi, cụ vẫn nhớ như in "con đường tháng ba" thưở trước. Hơn hai thập kỷ, khách lạ nghe nhắc tới Sơn Thủy là họ vẫn thấy khiếp đảm về đường. Đường từ Tiên Bi vô Am Đông, Am Trầy, đường từ Nhà Rui đến Cơn Lã cứ mỗi trận mưa ập tới thì sáng nào cũng có vài ba trẻ em đi học bị ngã lăn vì bùn lầy, nước đọng. Đặc biệt khúc cua vòng dưới chân núi Nấm chỗ cụ Kiểu ở, phía dưới là khe suối sâu và đá gan gà lởm chởm. Mặt đường hẹp, hai chiếc xe đạp đi ngược chiều nhau đã khó tránh chứ nói gì đến chuyện xe máy, ô tô hay phương tiện cơ giới khác. Vậy mà dự án phát triển hạ tầng cơ sở nông thôn đã giúp xã Sơn Thủy đổi đời. Mỗi km-thảm nhựa giá trị hơn một tỷ đồng, một con đường vòng từ đầu làng tới cuối làng ngót ngét hơn vài chục tỷ đồng. Đúng là người dân quê tôi xưa nằm mơ cũng không thấy được. Khi đường mở các nhà thầu đã có sáng kiến đến từng thôn trưởng rồi gặp gỡ từng gia đình một để "đổi đất lấy nền nhà". Chả là quê tôi có tới hàng chục gia đình nhà ở chênh vênh trên sườn đồi. Mỗi khi lên xuống khá mệt nhọc. Giờ san đất, nhà nhà từ cao hạ

xuống thấp. Cái ngõ cũng được mở rộng, ai chẳng thích làm. Còn nhà thầu tiết kiệm được khối tiền mua đất. Thằng Nỉ cháu tôi bảo "Cậu xem đấy, cái Bộng Trục đường qua nhà cậu ngày xưa toàn đá dựng lởm chởm. Ai qua đây cũng khom lưng bò qua đá. Bây giờ trở thành đường bê tông đẹp nhất xóm nì". Từ chuyện cả xã dồn sức làm đường tôi lần la hỏi chuyện làm ăn. Thằng Nỉ tâm sự: Cậu biết ngày xưa ai đói nhất xóm không? Gia đình thằng Cảnh Tùng đấy, ai khổ chần không có đắp không? Gia đình thằng Quang Thế đấy. Vậy mà bây giờ nhiều người khó theo kịp chúng nó". Nhắc đến ông Tùng, tự nhiên tôi lại thấy thương, thương ông lão chần bò ở trại Cửa Khâu quanh năm mặc quần áo nâu cộc, da đen như cột nhà cháy. Thằng Cảnh con ông Tùng học chưa xong lớp 4 phải bỏ đi chăn bò thuê cùng cha. Vậy mà thời thế thay đổi, gia đình Cảnh cũng như bao gia đình khác làm ăn khấm khá nhờ sau giải thể hợp tác xã nông nghiệp và chuyển sang khoán hộ. Năm sào ruộng khoán với 5 sào vườn. Cứ trồng lúa nuôi bò, nuôi lợn và dành dụm tiết kiệm nuôi con. Bây giờ con cái Cảnh đã trưởng thành, vào Sài Gòn lập nghiệp, đã có tiền gửi về cho cha mẹ sửa lại nhà và mua xe máy. Không chỉ Cảnh giỏi làm ăn mà đứa em út Cảnh con ông Tùng bây giờ lại trở thành người thợ mộc giỏi nhất làng. Đóng tủ, đóng bàn đặc biệt là làm trần nhà khó ai theo kịp. Thằng Nỉ đưa tôi đến chơi gia đình thằng Quang Thế. Vừa vào đã trông thấy đôi hươu trong chuồng phỏ lên cạp nhưng hồng đẹp mắt. Thằng Quang nhắc lại "Ngày trước nhà bác nuôi hươu là thuộc diện người giàu của huyện. Bây giờ xã Sơn Thủy mình có tới 600 con hươu". Quang quay sang phía Nỉ và bảo "Nhà em nuôi hươu nhưng thu nhập không bằng ông Nỉ nuôi lợn, nuôi gà đầu". Tôi nghe Quang dẫn chuyện không ngờ Nỉ lại là kiện tướng nuôi lợn nái nhất xã Sơn Thủy này. Cách nuôi của Nỉ không cầu kỳ lắm: cho ăn ngô, ăn cám và ăn cây chuối vườn. Nhà Nỉ bao giờ cũng dự trữ được vài tấn ngô, cám. Một điều cần thiết trong chăn nuôi mà Nỉ làm được là chuồng trại thường xuyên thoáng mát sạch sẽ. Lợn được ăn no và tắm mát nên lớn nhanh. Hơn chục năm Nỉ đã cung cấp hàng trăm con lợn giống cho bà con trong xã để phát triển chăn nuôi. Tôi hỏi Quang: "Xã mình bây giờ mùa gặt hạt này có ai đói ăn nữa không"? Quang nói một cách quả quyết: "Người nghèo có thể đang còn nhiều chứ hộ đói thì không có. Ngày xưa rau má cứu đói, bây giờ ở chợ mua rau má đắt hơn gạo đó anh ạ"...

Tôi ngủ một đêm tại quê nhà để thưởng thức lại những kỷ niệm xưa. Thưởng thức ánh trăng quê dịu dàng tĩnh lặng. Khuya lắm rồi tôi vẫn không sao ngủ được, có gì cứ dâng đầy trong tôi mà tôi không hiểu nổi. Kỷ niệm quá khứ ư hay tương lai thúc giục. Tôi một mình đi ra ngõ ngắm hoài những đàn đom đóm chao lượn giữa đồng xanh, đom đóm đang thấp đèn cho lúa đồng thêm tươi. Xa xa, trong lùm cây rậm lại nghe tiếng chim cuốc gọi hè...■



CHUYỆN VĂN CHUYỆN ĐỜI

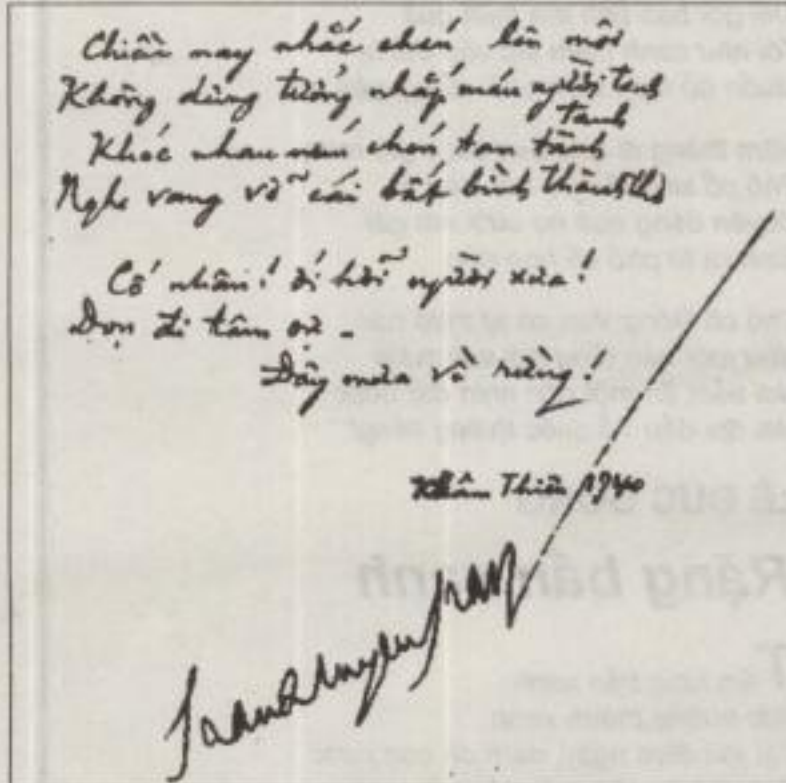
TRẦN HUYỀN TRẦN, BUỒN VÀ ĐẸP NHƯ ÁNH SÁNG

ANH CHI

Trong tác phẩm Thi nhân Việt Nam của Hoài Thanh và Hoài Chân có đoạn: "Viết đến đây tôi định khép cửa lại, đầu có thiên tài đến gõ cửa cũng không mở. Thế mà lại phải mở cửa để đón một nhà thơ nữa: Trần Huyền Trân!"



Nhà thơ Trần Huyền Trân qua nét vẽ của nhà thơ Quang Dũng.



Bút tích của nhà thơ Trần Huyền Trân.

CÁI DẤU NỔI ĐẮM NƯỚC MẮT

ÔNG có tên khai sinh là Trần Đình Kim, sinh ngày 13 tháng 9 năm 1913 tại Nhà thương Lâm Phúc, Hà Nội. Quê gốc huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên. Bố, mẹ ông phải ly hương đi làm thuê kiếm ăn nhiều nơi, rồi đặt về sống ở một xóm nghèo là Cống Trảng, Khâm Thiên. Những năm đầu thế kỷ XX, đây là khu vực bùn lầy nước đọng, phần đông cư dân là lớp người "dưới đáy".

Sinh ra trong một gia đình khốn khổ gian nan, nhiều trắc trở éo le, đến năm Trần Đình Kim lên bảy tuổi thì người bố lại qua đời. Thuở ấy, từ Cống Trảng nổi sang các làng Kim Liên, Trung Tự là một vùng rộng lớn đầm và ruộng sâu, Kim vừa gồng mò cua, kiếm cá, giúp mẹ nuôi đứa em nhỏ, vừa gắng theo học cho đến đệ nhị thì phải bỏ học hẳn. Tuổi niên thiếu và tuổi trẻ của ông trải qua rất nhiều nghề, từ kéo vó bè, làm thợ nguội, làm nghề chiếu bóng (chiếu phim), làm gia sư... Nghề gì kiếm tiền được, ông đều cố sức làm, ngoài ra, từ năm mười bảy tuổi đã lặng lẽ viết những bài thơ về cuộc đời mình (bài *Mấy ngày mưa*): "Tôi ở lều tranh- tôi ở đây/ Cánh lòng giam hãm mấy hôm nay/ Đêm sâu kéo kết ngư bà thức/ Giăng phải hôn tôi một lưỡi đầy...". Chàng thi sĩ lúc này đang sống bằng nghề kéo vó, những câu thơ ngày mưa thật buồn. Người mẹ có tấm lòng bao dung đặc biệt, một số cô gái lấm lờ bị lừa vào các nhà cô đầu ở phố Khâm Thiên, sau cố gắng trốn ra, được bà che chở. Bà sống bằng nghề kiếm cá, nên trong bài thơ, thi sĩ gọi mẹ là "Ngư bà"...

Hai mươi tuổi, Trần Đình Kim bắt đầu chuyên chú viết thơ, văn và làm báo. Khi phong trào Thơ mới khởi phát, ông gửi thơ đăng trên báo *Phụ nữ thời đàm*, với bút danh Cô Văn Anh và Lê Dân, đã được bạn đọc chú ý. Văn và thơ ông tiếp tục xuất hiện trên các tờ *Ngo Báo*, *Tiểu thuyết Thứ bảy*, *Ich Hữu*, *Phổ thông Bán nguyệt san* và tạp chí *Tao Đàn*. Ông được nhiều nhà văn, nhà thơ quý mến, đặc biệt thân thương là Thâm Tâm, Vũ Trọng Can, Bùi Huy Phấn và sau đó thêm Nguyễn Bính. Có thời gian dài Thâm Tâm và Nguyễn Bính tá túc tại căn lều kéo vó trong ngõ xóm Sơn Nam, và được "Ngư bà" cứu mang như con... Năm 1937, khi làm báo *Bắc Hà*, ông thuê một căn phòng ở Giám (Văn Miếu) để làm Tòa soạn. Tầng trên thì mẹ con cô Trần Nguyệt Hiền sống. Ngoài việc cùng bạn bè làm báo, nhà thơ còn nhận thêm việc làm gia sư cho con trai chủ nhà. Rồi chính quãng ngày này đã nảy nở mối tình của ông với Trần Nguyệt Hiền, và nó thành thơ ông "*Một chiều hương nhẹ mấy chiều gió đưa...*". Nhưng, hai người đều nghèo khó. Bà mẹ của Nguyệt Hiền đã dứt ruột gả bán cô cho một tay chủ đồn điền giàu có vào loại nhất nhì đất Bắc. Thân phận nàng hầu, không lâu sau Nguyệt Hiền bị thải về nhà mẹ đẻ khi đã mang thai. Nhà văn Tô Hoài có nói rằng: "Chút duyên chết đuối trong cảnh ngộ ấy của hai con người họ Trần, giữa cơn đau đời đã khiến họ nghĩ ra cái dấu nổi đầm nước mắt, Trần nối với Trần bằng dấu huyền là Trần Huyền Trân". Con gái Trần Nguyệt Hiền ra đời được đặt tên là Trần Huyền Trân, mệnh yếu, chỉ sống được 6 tháng. Còn nhà thơ thì dùng tên đó làm bút danh. Mối tình cay đắng này đã vào thơ Trần Huyền Trân (bài *Mười năm*):

Còn gì nữa ở lều tranh
Ở lòng em, ở lòng anh, còn gì
Tương phùng là để biệt ly
Biệt ly là một lòng đi qua lòng
Giờ thuyền em đã sang sông
Anh nhìn khói sóng ngỡ trông mây đeo

"NGHỆ THUẬT SÂN KHẤU LÀ MỘT CỨU CÁN"

Trần Huyền Trân là một thi sĩ đa cảm và độc đáo của Thơ mới, đặc biệt thơ lục bát của ông, tình thơ đa diết, hình ảnh thơ giản dị và đẹp đẽ lạ thường. Bài *Thu - Đám Liên Hoa*, viết năm 1930: "Mưa bay trắng lá rau tần/ Thuyền ai bốc khói xa dần bến mưa.../ Có người về khép song thưa/ Để rêu ngổ trúc tương tư là vàng". Đám Liên Hoa là nơi nhà thơ dựng ngôi lều vó để kiếm sống; thơ viết năm 17 tuổi, buồn và đẹp như thơ cổ điển. Từ đám Liên Hoa, Cống Trảng, Trần Huyền Trân thường đến người bạn vong niên ở Cầu Mới, Ngã Tư Sở. Đó là thi sĩ danh tiếng Tân Đà những năm cuối đời đã thấm thía thật nhiều buồn tủi. Mối giao tình này sẽ còn được người đời ngâm ngợi mãi qua bài *Với Tân Đà*, Trần Huyền Trân viết năm 1938:

Cu hãm rợp nửa đi thôi
Bè này đã sắp cạn rồi còn đâu
Rời lên ta uống với nhau
Rót đau lòng ấy vào đau lòng này...

Ngoài thơ, Trần Huyền Trân còn viết văn, làm báo và cũng rất năng nổ trong hoạt động sân khấu. Năm 1938, ông cùng Lê Tráng Kiều, Vũ Trọng Can, Chu Ngọc, Bùi Nguyên Cát... khởi lập Ban kịch Hà Nội, tiền thân của Nhà hát kịch Hà Nội ngày nay. Những năm này, trong hoạt động sân khấu, Trần Huyền Trân phần nào quên được những đau đớn trong quá khứ. Ông viết nhiều, và lần lượt cho xuất bản các tác phẩm: *Sau ánh sáng* (tiểu thuyết, 1940); *Tấm lòng người kỹ nữ* (truyện dài, 1941); *Người ngàn thu cũ* (truyện dài, 1942). Trần Huyền Trân viết nhiều truyện ngắn nói về thân phận những người nghèo ở Hà Nội, trong đó có những truyện dường như viết về đời sống bản thân mình, sau in trong hai tập *Chim lồng* và *Lê sống...* Một tâm hồn như Trần Huyền Trân tất tìm đến với cách mạng, đầu năm 1943, ông tham gia Hội văn hóa Cứu quốc do Việt minh lãnh đạo. Với bút danh Đỗ Quyên, ông viết một số bài thơ chống đế quốc và phát xít, đăng trên các báo bí mật như *Cờ giải phóng*, *Cứu quốc*... Vốn đã rất hào hứng với hoạt động sân khấu từ mấy năm trước, đến thời điểm Cách mạng Tháng Tám, Trần Huyền Trân thấy sân khấu như là lãnh địa đặc dụng. Từ Ban kịch Hà Nội, ông cùng bạn hữu chuyển sang xây dựng Đoàn kịch Tháng Tám. Trần Huyền Trân cùng với Thâm Tâm viết và dàn dựng vở kịch *Phá xiăng* và vở *19 tháng Tám*, góp phần làm nổi đời sống sân khấu Hà Nội... Nói như nhà viết kịch Bùi Nguyên Cát thì, "chính nghệ thuật sân khấu là một cứu cánh cho đời sống tình cảm Trần Huyền Trân nửa đấy". Bởi, thời gian hào hứng hoạt động sân khấu này, Trần Huyền Trân đã gặp, rồi thân quen với hoa khôi Hà thành lúc bấy giờ là Bùi Hạc Đình. Là em gái của nhà thơ Nam Hương Bùi Huy Cường, Hạc Đình có một cửa hàng bán mỹ phẩm, nhưng cũng đã tham gia đóng các vai chính của vở diễn *Nửa chừng xuân* (Mạnh Phú Tư chuyển thể từ tiểu thuyết của

Khái Hưng), và vai Thị Lộ trong vở diễn *Lệ Chi viên* (của Vi Huyền Đắc). Trai tài gái sắc gặp nhau tất nảy sinh duyên tình. Và rồi, mối tình đẹp ấy khiến Hà Nội có thêm một đám cưới. Đó là mùa xuân năm 1946, đám cưới của Trần Huyền Trân và Bùi Hạc Đình được tổ chức theo nghi thức "đời sống mới" tại Tòa Đốc lý Hà Nội (trụ sở của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hà Nội ngày nay).

VUI SỐNG TRÊN MỌI NẸO ĐƯỜNG

Ngay sau đám cưới, Trần Huyền Trân và Bùi Hạc Đình sống những ngày vô cùng hạnh phúc. Ngoài việc chỉ đạo nghệ thuật, dàn dựng vở diễn, cả kịch thơ, kịch nói, chèo, ông còn viết được một số tác phẩm, như hai vở kịch *Thăng Long* và *Hoàng Văn Thụ* (Đoàn kịch Tháng Tám dàn dựng)... Bà Bùi Hạc Đình hồn nhiên trở thành nghệ sĩ sân khấu chuyên nghiệp, vào các vai diễn trên sân khấu với tất cả sự say mê nghệ thuật cùng hạnh phúc bên chồng. Nhưng ngay sau đám cưới của hai người, lại bắt đầu những ngày máu lửa, tại Thủ đô, người Hà Nội vào cuộc chiến đấu "cầm tử cho Tổ quốc quyết sinh".

Trong Ban kịch Hà Nội, Bùi Nguyên Cát trực tiếp chiến đấu trong đội Cầm tử quân suốt hơn hai tháng trời, rồi cùng Trung đoàn Thủ đô lên chiến khu kháng chiến. Thâm Tâm gia nhập bộ đội Cụ Hồ, được giao làm Thư ký tòa soạn báo *Vệ quốc đoàn*, rồi viết được bài thơ nổi tiếng *Chiều mưa đường số 5*. Nguyễn Bính vào Nam bộ từ trước, đã là Phó chủ tịch Ủy ban kháng chiến của một tỉnh trong đó... Nhóm bạn chí thiết trong Ban kịch Hà Nội bước vào cuộc kháng chiến trường kỳ, chỉ có vợ chồng Trần Huyền Trân là có đôi! Đôi trai tài gái sắc Huyền Trân - Hạc Đình đã cùng Đoàn kịch Tháng Tám lên chiến khu Việt Bắc, thường xuyên đi diễn phục vụ bộ đội, nhân dân. Rất ít thì giờ dành cho thơ, nhưng ông có viết bài *Bến đợi*, tặng bà Hạc Đình, có câu: "Ta thương nhau thương cả tình đời", là thơ tình yêu mà cũng nghĩ đến cả bạn bè đồng chí hướng. Trần Huyền Trân hay nghĩ rằng, mình hạnh phúc hơn các bạn ở Ban kịch Hà Nội xưa. Lại thường nghĩ đến lời chúc của các bạn cùng Ban kịch trong đám cưới của mình: "Hãy vui sống suốt cuộc đời". Do vậy, ông và bà Hạc Đình đã làm việc hết mình và thực sự vui sống trên mọi nẻo đường kháng chiến. Đó cũng là một lẽ khiến sau khi chiến thắng xâm lược Pháp, trở về Hà Nội, ông chỉ muốn chuyển chú vào công tác sân khấu, nên nhận việc làm ở Ban sân khấu, Bộ Văn hóa.

Năm 1957, Đại hội thành lập Hội nghệ sĩ sân khấu Việt Nam, ông được bầu vào Ban Thường vụ. Để đời lúc nào cũng như đùa có đôi, Trần Huyền Trân chuyển về lãnh đạo Đoàn văn công Trung ương, nơi nghệ sĩ Hạc Đình tham gia biểu diễn... Như vậy, Trần Huyền Trân cùng Bùi Hạc Đình không chỉ vui sống trên những nẻo đường kháng chiến, mà còn tiếp tục cho bạn bè và người thân thấy rằng, họ sẽ gắn bó cùng nhau và vui sống trên mọi nẻo đường sân khấu... Tuy nhiên, công chúng văn học nghệ thuật Việt Nam vẫn luôn coi Trần Huyền Trân là một thi sĩ!

"RAU TẦN" LÀ CẢ MỘT ĐỜI THƠ

Trần Huyền Trân có muốn rời xa thơ ca cũng không được. Do sóng gió cuộc đời, do những nguồn cảm hứng sống mới mẻ theo thời cuộc, từ năm 1947 sự nghiệp chính của ông gắn liền với nghệ thuật sân khấu, nhưng đến năm 1976, lại thấy ông chỉ chút sáng tác thơ và sửa chữa những bài thơ đã viết từ mấy chục năm trước. Và rồi, năm 1986, ông cho xuất bản tập thơ *Rau tần*. Rau tần là rau muống, nhiều bát ngàn trong khu đầm Liên Hoa, nơi thi sĩ đã dựng ngôi lều vó để kiếm cá, nuôi mẹ. Trong tập *Rau tần* có bài *Mưa đêm lều vó*, viết từ tuổi niên thiếu, giới thiệu về mình: "Tôi ở lều tranh Cống Trảng đây/ Trạnh lòng cá nhảy với mây bay"; có bài viết thuở đang yêu, một mình cô quạnh giữa Hà thành (bài *Tương tư*): "Xa nhau gió ít lạnh nhiều/ Lửa khuya tàn chập mưa chiếu đổ nhanh/ Bông đơn dãi giữa kính thành/ Nhìn duyên thiên hạ nghệ tình người ta/ Đêm về, hương ngát bên hoa/ Tỉnh ra, thì lại vẫn là chiêm bao"...

Còn có những bài Trần Huyền Trân viết trong cách mạng và kháng chiến, như các bài *Những người chưa chết*, *Hải Phòng 19 tháng Mười một năm 1946* và *Bến đợi*... Nhà văn Tô Hoài đã nhận xét: "Thơ Trần Huyền Trân càng về sau càng gồ ghề sắc thái thời thế. Hiện tượng đó không phải bất chợt mà đây là tâm hồn, sức sống, hành động đã quặn làm một trong thơ Trần Huyền Trân...". Tập *Rau tần* cũng có những bài thi sĩ viết khi ngoài bảy mươi tuổi, những câu thơ của một bút lực đang dồi dào, nó cho thấy kinh nghiệm sống sâu sắc cùng một ước ao thật đẹp đẽ của ông:

Cho tươi gốc tự do
Cho xanh trời độc lập
Cho bông hoa nhỏ nhất
Cùng thơm suốt đời hoa.

Trong bài *Thay lời nói đầu* của tập thơ *Rau tần*, Nguyễn Đình Thi viết: "Những lời thơ đẹp anh nói về đất nước, tôi thấy cũng chính là nói về cái ánh sáng trong đời thơ của anh...". Vậy đấy, *Rau tần* là cả một đời thơ Trần Huyền Trân, và thơ ông nhất quán suốt đời, viết trong cay đắng nhọc nhằn hay trong gian lao đời đời, vẫn mang một vẻ đẹp tự nhiên, vẻ đẹp như ánh sáng!

Ba năm sau khi xuất bản tập thơ *Rau tần*, thi sĩ qua đời. Những ngày tháng cuối đời, Trần Huyền Trân bị tai biến mạch máu não, sau lại bị tắc động mạch chân, phải cưa cả hai chân, nằm liệt giường. Bà Bùi Hạc Đình chăm sóc ông vô cùng chu đáo. Những người hiểu về cuộc đời Trần Huyền Trân đều nói rằng, ông đã có được hai hạnh phúc lớn là thuở trai trẻ đã chỉ hiểu thơ mẹ, khi về già được người vợ tận tình chăm chút cho. ■



TRẦN HỮU DŨNG

Cao nguyên đá

Buổi sáng tinh khôi ở đỉnh Mã Phi Lông
Sông Nho Quế thức giấc trong sương
Gió tung mình khắp cao nguyên
Linh hồn đá nứt nở
Qua tiếng đàn môi cô gái H'Mông
Giọng nói cổ xưa vang lên
Âm vọng bản nhạc Then
Cùng sự dịch chuyển lãng quên
Từng khối đá tạc hình quả thuốc phiện Nhà Vương
Phủ mờ hơi khói củi cay xé mắt
Vạt vẩy em buông xoè thổ lộ bao điều muốn nói
Tứ vật lửa mặt trời hực hơ
Cao nguyên đá Hà Giang hiển hiện
Bản làng/ rừng cây/ dòng sông đã bơi lội
Giữa biển sương trắng đục lặng yên
Dấu hiệu tốt lành, sự sống sinh ra từ đá
Em vất kiệt bầu sữa mình nuôi con
Sông đá cuốn cuộn chảy suốt mùa trăng
Cảnh tượng này luôn ám ảnh giấc mơ anh.

VƯƠNG ĐÌNH KHÁNH

Chiếc cầu bập bênh

Rượu ủ từ thời dựng nước
Hồn rừng trong lá men say
Tay rót hay mắt em rót
Nghiêng trời bóng bệnh trăng mây.

Anh như cái cầu bập bênh
Cùng với Việt Trì
Một bên sông Thao chảy
- Đây là em
Một bên Thanh Sơn xanh
- Đây là thơ.

Anh sẽ trôi về đâu ?
Việt Trì sẽ trôi về đâu ?

Thời gian nhạt nhòa
Khát khao vời vợi
Cái cầu cứ bập bênh
Không với được em
Chưa với được thơ.

Sông Thao cứ chảy
Thanh Sơn xanh không bờ.

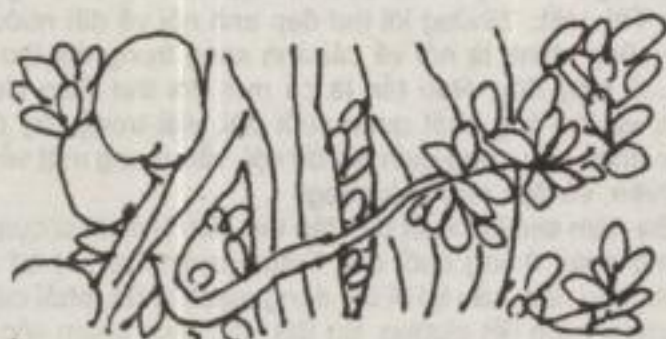
LÊ SA

Tiểu núi nam

Chiều ra đứng ngóng mây về núi
Nhìn gió đi hui thổi cuối rừng
Thương ta, thương cả tình cơm áo
Dù củi ngàn cô đề rữ trên lưng

Vỗ nhịp búa ta gõ lên đầu núi
Chợt thấy mình nhỏ bé trước bao la
Con chim ụt, nép mình bên chòm bụi
Giọng ngu ngu lạc dấu một quê nhà

Chim có nỗi buồn trên đôi cánh
Ta có nỗi buồn trong mắt em
Hỡi ai cố xứ người cố xứ...
Mưa cắt lòng ta những sợi mềm.



KIM DŨNG

Phố cổ Đồng Văn

Phố cổ Đồng Văn
Dựa lưng vách đá
Mái ngói rêu phong – rập rờn bóng lá
Tự bao đời gần bó bên nhau

Đêm cao nguyên cảm hết chiều sâu
Trăng tinh tú soi nghiêng phố cổ
Những chùm đèn lồng đưa mờ tỏ
Từng đôi trai gái tự tình...

Tiếng kèn môi réo rắt rừng xanh
Tìm gọi bạn tình tha thiết quá
Tối như cánh chim lạc vào đất lạ
Muốn dỗ nghỉ đêm phố cổ nguyên sơ

Năm tháng đi qua bao cuộc gió mưa
Phố cổ sinh tồn trụ nơi biên ải
Duyên dang quá nụ cười em gái
Sinh ra từ phố cổ hoa đào

Phố cổ Đồng Văn có tự thuở nào
Như một bảo tàng nơi sơn cước
Nơi tiềm ẩn một góc nhìn đất nước
Nơi địa đầu Tổ quốc thiêng liêng!

LÊ ĐỨC ĐỒNG

Rặng bần xanh

Tấm lưng trần xanh
Bức tường thành xanh
Vật lộn đêm ngày, dầm dề con nước
Giữ phù sa cho mãi mãi yên lành ...

Rặng bần xanh!
Chân choãi rộng, ngón trần thế thủ
Thế chân kiểng
Thế đứng mấy nghìn năm!

Rặng bần xanh!
Gốc vững chãi, nhuộm bao đời nước bạc
Bán dựng ngang trời
Chấn sông che mưa!
Màu hoa tím tỏa hương đồng gió nội
Hoàng hôn rơi tím ngắt đôi bờ...

Thân bạc trắng, chẳng nề chi mưa nắng
Vòm lá xanh gọi tổ ấm chim trời
Bãi bồi lờn lờn, bần vươn thẳng
Cành rất mềm, nước cuốn để gì trôi...

Phù sa di, phù sa sinh sôi
Vết bùn non muốn đời thơm áo Mẹ
Cho con được cuộn trào sông nước trẻ
Trọn song hành
Biêng biếc gọi bần xanh...

NGUYỄN HỒNG HẠNH

Ngày thu

Tả cái nhìn lơ đãng lên mặt hồ
sóng không đến từ phía mình và gió cũng đến từ
phía khác

Xê dịch
thời gian ngưng ở phía người

Mùa thu mùa thu trôi
chiếc khăn mềm và xanh đến lơ đãng
quàng vào dịu dàng
quàng vào đêm
xanh

Không còn là cỏ xanh nhưng vẫn cứ là cỏ xanh
Bường bính mọc mầm, giấu ương ngạnh vào đất
Thềm một lúc được chân trần trên cát
trên cỏ

trên đường làng, trên cánh đồng
và la toáng lên như sóng

nhưng chỉ là xê dịch
một chút thôi
khi mùa thu gõ cửa
hình như đã quàng vào mình chiếc khăn xanh
như câu chuyện thả vào giăng mắc phố

Ngày thu bình yên ngày thu dung dị
ngày thu trôi...

CHUYỆN GẶP TRÊN NÚI

Rã rời chân tìm kiếm
Gạn được hương nước thơm
Khát khô, mẹ cố nhin
Ở nhà con khát hơn

Rét nhiều, củi càng khan
Mẹ gửi cả củi đắng
Con lờn trong lửa chần
Lưng mẹ càng còng xuống

Địu con đi làm nương
Mẹ đặt nằm một góc
Thằng bé thương mẹ chẳng
Kiến cần không thêm khóc?

NGUYỄN VĂN TOẠI

(Văn nghệ số 13 – 31-3-2012)

Lời bình của NGUYỄN THÀNH

GIẢN dị như cuộc sống đời thường, nhưng lại sâu sắc và cảm động biết bao. Đó là ấn tượng đẹp khi đọc: *Chuyện gặp trên núi*.

Bài thơ chỉ có 3 khổ, mở đầu là hình ảnh đôi chân rã rời của bà mẹ vùng cao (chắc đã đi cạn ngày) mới tìm kiếm được hương nước thơm. Trong khi miệng mẹ đang khô khát, nhưng mẹ vẫn cố nhin dành cho con, bởi mẹ biết ở nhà con còn khát hơn.

Khổ hai miêu tả thêm về sự khó khăn vất vả của cuộc sống. Do rét nhiều cây không mọc được thì làm sao củi không khan hiếm, khiến mẹ dù không muốn nhưng vẫn phải gửi cả củi đắng về cho con sưởi. Để *Con lờn trong lửa chần/ Lưng mẹ càng còng xuống*.

Ấy là nghệ thuật tương phản. Con lờn trong ngọn lửa chần của mẹ bao nhiêu, thì lưng mẹ lại còng xuống bấy nhiêu. Tuy nhiên phương pháp này ta đã gặp đâu đó rồi và sự này gợi cho ta liên tưởng tới sức lớn của *Em Kutai ngủ trên lưng mẹ* (Nguyễn Khoa Điềm).

Khổ ba vẫn là cảnh lao động quen thuộc của các bà mẹ miền núi thường phải địu con theo, rồi treo lên cành cây hoặc đặt ở góc nào đó để mẹ làm việc.

Nhưng 2 câu kết thật bất ngờ: *Thằng bé thương mẹ chẳng/ Kiến cần không thêm khóc?*

Tôi đặc biệt chú ý 3 chữ *thương mẹ chẳng* và *không thêm khóc* mà như thấy lòng mình đắng đót. Vì nghĩ em bé kia đã từng phải sưởi củi đắng và dút khoát đã nhiều lần bị kiến cắn (*thịt da ai cũng là người... Truyện Kiều - Nguyễn Du*) đã khóc chán rồi thôi, lần này phải tự thích nghi và mệt quá không thêm hay không khóc nổi nữa.

Tác giả Nguyễn Văn Toại cũng phỉếm chỉ một câu thể thôi, nhưng lại gợi ra một niềm tin yêu cuộc sống. Đó là trước tình thương vô hạn của mẹ và trong sự nhọc nhằn gian khó của cuộc sống con đã lớn, chính vì thế con đã sớm biết *thương*. Cái hay của bài thơ là ở chỗ đó.

Đọc bài thơ *Chuyện gặp trên núi* xin được nhắc lại câu nói của người xưa: Giản dị chính là bản chất của cuộc sống và nghệ thuật càng gần sự giản dị của cuộc sống bao nhiêu càng sâu sắc bấy nhiêu.■



Nhà văn Lê Thị Đức Hạnh sinh năm 1934 tại Hà Nội. Quê quán: Khương Đình, quận Thanh Xuân, Hà Nội. Những tác phẩm đã xuất bản: *Tìm hiểu truyện ngắn Nguyễn Công Hoan* (nghiên cứu, 1979); *Nguyễn Công Hoan 1903-1977* (nghiên cứu, 1991); *Mấy vấn đề trong văn học Việt Nam hiện đại* (nghiên cứu, 1999); *Bàn thêm về mấy vấn đề trong văn học Việt Nam hiện đại* (tiểu luận phê bình, 2007); *Cái ghen dân ông* (tập truyện ngắn Vũ Trọng Phụng, sưu tầm tuyển chọn, 1988); *Nguyễn Công Hoan về tác gia và tác phẩm* (giới thiệu, tuyển chọn, 2000); *Nguyễn Công Hoan- Những tác phẩm tiêu biểu trước cách mạng* (sưu tầm, tuyển chọn, giới thiệu, 2000) và nhiều cuốn sách in chung khác. Giải thưởng văn học: Tặng thưởng của Hội Nhà văn Việt Nam năm 1999 cho cuốn *Mấy vấn đề trong văn học hiện đại Việt Nam*.



NGƯỜI LẶNG LẼ THÀNH DANH

BÍCH THU

NGÀY mới về Phòng văn học Việt Nam hiện đại, Viện Văn học (1974), tôi đã cảm thấy choáng ngợp trước các đàn anh, đàn chị mà tên tuổi đã khá quen thuộc trong giới nghiên cứu và phê bình văn học lúc bấy giờ như: Phong Lê, Chu Nga, Văn Thanh, Tất Thắng và Lê Thị Đức Hạnh. Trong số đó, chị Lê Thị Đức Hạnh là người gần bó với phòng văn học hiện đại cho đến lúc nghỉ hưu. Chị Hạnh không giữ chức vụ gì ở phòng cũng như ở cơ quan nhưng về phương diện nghiên cứu, học thuật, nhất là ở văn học giai đoạn 1932 - 1945 thì chị là một trong những chuyên gia có uy tín. Có dịp đọc lại những cuốn sách và công trình của chị lại thấy càng khẳng định tư cách chuyên gia, nổi bật ở tính chuyên sâu và bản lĩnh của người nghiên cứu nơi chị.

Con đường đến với công việc nghiên cứu văn học của chị không suôn sẻ như những đồng nghiệp khác. Họ tốt nghiệp chuyên ngành ngữ văn đại học trong nước hay nước ngoài rồi về Viện Văn học. Còn chị Hạnh phải trải qua một con đường vòng, nhưng nhờ thế chị lại sở hữu được một khối lượng tư liệu đồ sộ, phong phú, nó trở thành nguồn vốn, trữ lượng để chị khai thác, tìm thấy ở đó những hiện tượng văn học, những hiện tượng tác gia, tác phẩm tưởng đã bị thời gian và định kiến xóa mờ bằng hiển lộ và được hoàn lại hình dáng của nó dưới ánh sáng của công cuộc đổi mới, nhận thức, đánh giá lại di sản văn học quá khứ mà chị có thể nói có sách, mách có chứng một cách thuyết phục từng hiện tượng.

Vốn là một học sinh say mê và có năng khiếu về toán, chị Hạnh có thể làm toán ngày đêm, quên ăn, quên ngủ với mơ ước trở thành sinh viên khoa toán, trường Đại học Tổng hợp Hà Nội. Nhưng không may vào thời gian gần thi, chị đau ốm liên miên nên cha mẹ và những người thân trong gia đình khuyên chị nên thi vào ngành nào ít căng thẳng đầu óc lại phù hợp với thể trạng của chị hơn. Trần trở, suy nghĩ mãi rồi cuối cùng chị đành phải từ bỏ lĩnh vực mà mình có năng khiếu nhất. Sau đó, nhận thấy hoàn cảnh gia đình còn khó khăn nên chị quyết định tìm một việc làm rồi tranh thủ tự học thêm.

Năm 1960, có thể nói là năm mở ra hướng đi cho cuộc đời và bước đường nghiên cứu của Lê Thị Đức Hạnh. Đúng vào thời điểm đó, Viện Văn học đang tổ chức biên soạn cuốn *Sơ thảo Lịch sử Văn học Việt Nam 1930 - 1945*, cần người làm tư liệu. Thế là chị được nhận vào, chuyên sưu tầm, thống kê, ghi chép những tài liệu phục vụ cho việc biên soạn và viết công trình về văn học giai đoạn 1930 - 1945. Đây là công việc mới mẻ và khác hẳn với môn toán mà chị Hạnh đã từng say mê, yêu thích. Điều ấy khiến chị không tránh khỏi ngỡ ngàng, lúng túng, thậm chí chán nản vì công việc đơn điệu, tìm mồi và mất thời gian bởi sách báo thất lạc, lục tìm rất khó khăn, lại toàn chữ là chữ. Có đêm mất ngủ, chị xót xa với thân phận mình đang mê toán mà suốt ngày lại chìm ngập trong cái không khí toàn sách báo, văn chương này. Nhưng lạ thay, rồi chính cái không khí văn chương, chữ nghĩa ấy lại như có ma lực cuốn hút chị. Dần dà, công việc mà tưởng như nhàm chán đã lên ngôi, chiếm được lòng yêu thích và say mê ở chị như môn toán thuở nào. Chị không chỉ làm việc theo yêu cầu đơn giản của cơ quan mà đã âm thầm "tự đào tạo". Lê Thị Đức Hạnh tìm đọc nhiều hơn, kỹ hơn, ghi chép cẩn thận, tỉ mỉ hơn các tài liệu sách báo, các chuyên mục liên quan đến văn hóa, văn học giai đoạn 1930 - 1945. Chị bắt đầu có ý thức tích lũy tài liệu, kiến thức cho

bản thân để nâng cao vốn hiểu biết và trình độ trong việc thẩm định các hiện tượng văn học của giai đoạn này. Sau lần thử bút viết một bài nghiên cứu không mấy ưng ý, Lê Thị Đức Hạnh nhận thấy nghiên cứu phê bình là một công việc gian khó, nhọc nhằn, không chỉ tự học mà cần phải theo một khóa học có chương trình bài bản hẳn hoi. Thế là chị theo học lớp đại học văn sử ban đêm, rồi theo học lớp chuyên ngành của Viện Văn học. Cuối năm 1964, Lê Thị Đức Hạnh, bắt đầu nhập cuộc và hòa hợp với môi trường, không khí làm việc của một cơ quan nghiên cứu chuyên ngành. Đó cũng là thời gian chị lập gia đình, bước sang một giai đoạn khác vừa hạnh phúc vừa gian truân: sinh con, lập nghiệp, làm nghề, chiến tranh, sơ tán, những khó khăn đời thường... Nhưng cũng như những người phụ nữ trí thức khác trong thời chiến cũng như thời bình, chị Hạnh đã vượt lên tất cả những thách thức và vượt lên chính mình để trở thành một nhà nghiên cứu phê bình có tên tuổi trong giới nghiên cứu lý luận, phê bình và giảng dạy văn học Việt Nam hiện đại.

Năm 1979, trên cơ sở của luận án PTS với đề tài *Truyện ngắn Nguyễn Công Hoan*, trong lúc chờ quy chế của Bộ về bảo vệ luận án PTS trong nước, chị Hạnh đã sửa chữa, nâng cấp thành sách, đưa cho NXB Khoa học xã hội, và cuốn sách nghiên cứu đầu tiên có nhan đề *Tìm hiểu truyện ngắn Nguyễn Công Hoan* ra mắt bạn đọc. Đây là cuốn sách dày công trong sưu tầm tư liệu, lục tìm từ kho sách bảo trước cách mạng các truyện ngắn của Nguyễn Công Hoan, bởi có nhiều sáng tác của mình, chính nhà văn cũng không nhớ. Không phải ngẫu nhiên trong *Đời viết văn của tôi*, Nguyễn Công Hoan đã dành một trang viết về Lê Thị Đức Hạnh, trong đó có câu: "tôi rất cảm ơn chị bạn trẻ". Ở thời điểm đó, có đồng nghiệp đã nói với chị: đây là cuốn sách nghiên cứu văn học đầu tiên của phụ nữ. Lúc đó, chị đã hoàn thành luận án, thậm chí đã ra sách nhưng với bằng đại học lúc bấy giờ, phải mất ba năm sau (1982) với nhiều giấy tờ, công văn đi lại, cùng với sự lên tiếng của Hội Liên hiệp phụ nữ Việt Nam, chị mới hội đủ hồ sơ bảo vệ thành công luận án PTS. Trên đà này, chị viết tiếp cuốn chuyên luận thứ hai, nghiên cứu một cách đầy đủ, chuyên sâu hơn toàn bộ sự nghiệp sáng tác của Nguyễn Công Hoan, nhà văn mà chị hết lòng ngưỡng mộ và yêu mến, đó là cuốn *Nguyễn Công Hoan 1903 - 1977* in năm 1991. Cùng năm đó, chị được phong học hàm Phó giáo sư. Kiên trì với quan niệm: chỉ viết khi có ý kiến mới, có đóng góp nhất định, có thể nói hai cuốn sách về nhà văn lớn Nguyễn Công Hoan của chị Hạnh bên cạnh công phu tra cứu, sưu tầm tư liệu, có sự kết hợp hài hòa giữa tư duy, khoa học và cảm thụ, đưa đến cho bạn đọc một cái nhìn toàn diện, hệ thống, đầy tin cậy về hành trình sáng tác của nhà văn. Đó là kết quả của cả một quá trình nhẫn nại, lặng lẽ mà đầy nhiệt huyết, chuyên tâm về một đối tượng nghiên cứu. Đồng thời là kết quả của quá trình tiếp xúc, trò chuyện, trao đổi với nhà văn Nguyễn Công Hoan lúc sinh thời để hiểu những suy nghĩ, tình cảm, ý đồ sáng tác, cung cách lao động nghệ thuật của nhà văn mà chị Hạnh đã thực hiện theo lời căn dặn của nhà phê bình Hoài Thanh lúc mới bước vào nghề. Theo thời gian và năm tháng, các chuyên luận kể trên đã trở thành sách công cụ, làm tài liệu nghiên cứu, giảng dạy văn học, được dư luận đánh giá tốt, và được một số chuyên gia nước ngoài (Liên Xô, Tiệp Khắc) tham khảo. Nhiều luận văn thạc sĩ, luận án

tiến sĩ về Nguyễn Công Hoan hay các nhà văn cùng thời đều đã tham khảo và trích dẫn sách của chị với độ tin cậy cao.

Vào cuối thập niên 90 chị Hạnh nghỉ hưu. Nhưng với những người làm nghề nghiên cứu, phê bình văn học thì nghỉ hưu có nghĩa là bước vào một giai đoạn làm việc khác, tự do hơn, bận rộn hơn, chị Hạnh vẫn ham đọc, say sưa viết và tham gia đào tạo sau đại học. Năm 1999, chị ra mắt bạn đọc cuốn *Mấy vấn đề trong văn học hiện đại Việt Nam* đến 2007 lại *Bàn thêm về mấy vấn đề trong văn học hiện đại Việt Nam*. Từ hai cuốn chuyên luận về Nguyễn Công Hoan đến hai tập tiểu luận về văn học hiện đại Việt Nam, càng cho thấy tính định hướng, chuyên sâu cùng điểm nhấn trong cách đặt tên những sản phẩm tinh thần của Lê Thị Đức Hạnh, không màu mè, thời thượng mà giản dị, trực diện và thực chất. Hai cuốn tiểu luận về văn học hiện đại Việt Nam đã góp phần làm thấu tỏ nhiều vấn đề liên quan đến lịch sử văn học và các hiện tượng tác gia tác phẩm, kịp thời bổ sung, điều chỉnh những bất cập, phiến diện, thiếu hụt trong nghiên cứu văn học sử, đặc biệt với giai đoạn văn học 1932- 1945, làm sinh sắc và đầy đặn hơn diện mạo văn học hiện đại Việt Nam. Không thể không ghi nhận đóng góp của chị ở những bài viết vừa thể hiện bản lĩnh khoa học vừa cho thấy cái tâm của người nghiên cứu trong việc khẳng định tầm vóc của một số nhà văn lớn như Nguyễn Công Hoan, Ngô Tất Tố, Vũ Trọng Phụng, Thạch Lam, Nam Cao, Dương Quảng Hàm, Hải Triều, Lưu Trọng Lư... cùng nỗ lực trả lại vị trí đích thực cho một số tác giả như Trần Tiêu, Tam Lang, Thanh Châu, Từ Ngọc Nguyễn Lân, Nguyễn Đình Lạp... trong lịch sử văn học dân tộc. Hơn nữa với cái nhìn thấu suốt và nhất quán trên tinh thần phản biện khoa học, chị đã lưu ý đến những khía cạnh, vấn đề chưa được nghiên cứu hoặc đánh giá chưa thỏa đáng, góp phần bàn thêm, nhận thức lại với tư liệu chứng cứ rõ ràng, am hiểu lịch sử văn để đi đến những luận giải xác đáng, mang tính thuyết phục như đề xuất *Đề đi tới một quan niệm hợp lý trong phân kỳ văn học, Về văn học 1932 - 1945, những cách nhìn gần đây, Báo chí với văn học 1932 - 1945, Tự lực văn đoàn với phong trào thơ mới...* tạo được sự chú ý và đồng thuận trong giới. Là người nghiên cứu, phê bình của đời sống văn học hôm nay, không chỉ chuyên tâm với di sản văn học quá khứ, tác giả của hai tập tiểu luận cũng đã cập nhật với những vấn đề của văn học hiện đại, với những tác giả quen thuộc Phan Tứ, Thanh Hương, Nguyễn Thị Ngọc Tú, Hoàng Ngọc Hà, và cả những đồng nghiệp trong lĩnh vực nghiên cứu phê bình như Hà Minh Đức, Vũ Tuấn Anh, Trần Đăng Suyền. Đó là những trang viết được chiết xuất từ những tìm tòi, mang tính phát hiện, từ những tư liệu được sưu tầm tới mức tối đa.

Với đức tính khiêm nhường nhưng không tự ti, biết rõ những sở trường sở đoản của mình, chị Hạnh đã âm thầm, chủ động tìm niềm vui, niềm sáng tạo trong công việc nghiên cứu, phê bình. Ở đó, chị có thể khơi gợi và lý giải một cách khoa học và nhân văn, bộc lộ chính kiến cá nhân về những hiện tượng tác gia tác phẩm, những sự kiện, chân dung văn học, cùng các vấn đề của một trào lưu, thời kỳ văn học mà chị quan tâm và thật sự am tường về nó. Thư thái, nhẹ nhàng mà cũng không kém phần bền bỉ, dẻo dai, như mưa dầm thấm đất, tự khi nào nhà nghiên cứu, phê bình, PGS.TS Lê Thị Đức Hạnh đã lặng lẽ thành danh... ■



NĂM ĐIỀU TUYỆT VỜI TỪ SÁCH

NEIL PASRICHA (Úc)

Bạn bè mượn cuốn sách của bạn và đọc nó một cách nghiêm túc

Tôi là một người đàn ông, đồng thời là một tập hợp của các Khoản Nợ Ma.

Có nghĩa là, tôi thường xuyên mượn những cuốn sách yêu thích của người khác và vô tâm để mặc nó trên kệ hàng tháng trời. Tôi chắc chắn một điều là tôi nhìn thấy nó, vẫn nhìn vào nó, nghĩ về nó, muốn đọc nó, nhưng cuối cùng... nó vẫn nằm yên trên kệ sách của tôi. Sau đó thì tôi giữ cuốn sách ấy lại một thời gian, tôi nghĩ rồi thì tôi cũng sẽ đọc nó thôi. Thế nhưng, thường thì tôi phải trả nó về với chủ cũ khi tôi chưa đọc được dòng nào.

Thật là buồn vì điều đó. Nhất là khi mà người bạn của tôi háo hức hỏi: "Cậu thấy cuốn sách yêu thích của tớ như thế nào? Tớ đã vui lòng để cậu giữ nó cả một tháng luôn đấy nhé? Thật là như thiếu cả nửa con người. Cậu thấy nó thế nào hả? Tuyệt không?".

Đó là một sự thật đau đớn.

Một cuốn sách chỉ thực sự thuộc về bạn khi bạn đã đọc nó, và hơn thế nữa, là yêu thích nó. Bạn có thể trả lại cuốn sách mà bạn đã từng mượn với một vài nếp nhăn, hay là một số trang bị nhàu nhĩ và chia sẻ suy nghĩ của mình với người bạn thân đã vui lòng cho bạn mượn cuốn sách ấy.

Sách là một trong những thú vui cá nhân bí mật. Đó là khoảnh khắc im lặng chỉ có bạn và những dòng chữ. Chúng nâng bạn lên, chúng kéo bạn xuống, chúng khuấy đảo cảm xúc và những kỷ niệm, tiếm thức sâu xa trong tim bạn. Khi mà bạn đọc cuốn sách yêu thích của người khác, thì cũng giống như là bạn đang chia sẻ những khoảnh khắc bí mật với họ vậy.

Điều đó thực sự rất tuyệt vời!

Mùi của thư viện

Xin chào mừng bạn!

Hãy kéo cánh cửa gỗ nặng nề, quá khổ để mang ánh sáng về cho những giá sách màu nâu xỉn. Bạn bước đi trên nền nhà có thảm xanh, tận hưởng những tia nắng màu cam buổi sáng với một tâm trạng thư thái, không vướng bận lo toan, nghĩ ngợi. Bạn sẽ cảm nhận được cái không gian tĩnh lặng tuyệt vời của thư viện, nơi bạn có thể hoàn toàn thả lỏng đầu óc và cơ thể

để dạo quanh những kệ sách và chọn ra cho mình một cuốn.

Một tập hợp lớn mở ra trước mắt bạn, có những cuốn sách bìa cứng đã cũ mòn, có những trang sách nhàu nát, có những cuốn sách dành cho trẻ em, có những giá sách bằng kim loại đã bị gỉ sét, và có những chiếc bàn đã được mạ sơn từ rất lâu, một ai đó đã viết lên mặt bàn tên của họ và năm 1988 như là để kỷ niệm. Trang sách đã ngả màu và những dòng bút chì nguệch ngoạc...

Bạn hãy đến, và chia sẻ cảm xúc của mình. Dòng lịch sử in dấu trong từng cuốn sách cũ. Bạn hãy mỉm cười khi quét thẻ kiểm tra, đóng dấu, và nhớ lại mùi hương kỷ lạ của cái thư viện nhỏ bé, cũ kỹ mà bạn vừa mới vào.

Điều đó thực sự không tệ đâu!

Phát hiện một cuốn sách hay nơi phòng tắm của một người bạn

Những độc giả đọc sách trong phòng tắm trên cả thế giới, hãy đoàn kết lại!

Sẽ không có gì là lạ khi thấy một cuốn sách nằm trên bờ hồ bơi, những trang sách nhàu nát trên sàn nhà hay một vài cuốn truyện tranh nằm lẫn lộn bên cạnh chú chó thính tai ngồi sau quầy thanh toán của phòng tắm công cộng. Không, chúng tôi không quan tâm đến điều đó, cái tôi muốn đề ý, đó là những cuốn sách được đặt bên cạnh những chai dầu gội đầu và những thứ khác nữa.

Những người đọc sách cả trong phòng tắm, cảm ơn bạn đã nói điều đó với tôi, cảm ơn bạn đã yêu thích những tạp chí, những cuốn sách...

Và, thật sự mong bạn... thứ lỗi!

Là khi bạn mở chính xác trang sách mà bạn đang tìm kiếm

Nếu bạn bất ngờ lật ra được một trang sách mà bạn cần trong một đồng sách giáo khoa hay một cột dây những tiểu thuyết, nó sẽ thành một khoảnh khắc tuyệt vời đấy.

Đột nhiên, bạn cảm thấy mình giống như là một nhà thám tử tài ba, chỉ cần liếc sơ qua hiện trường là đã lật tẩy được vụ án. Ở đó, có đường phố đang được thu hình vào máy quay, có nhân chứng báo cáo, có cảnh sát điều tra. Và bạn đứng tựa người vào chiếc xe màu lục, bình tĩnh đốt một điếu thuốc rồi

chăm chú quan sát xung quanh. Sau khi kết thúc vụ án, bạn thông thả trở lại con tàu của mình, không quên nhếch miệng cười trước khi tàu khởi hành hướng ra biển khơi thẳng tiến.

Cũng khá là thú vị đấy!

Khi bạn đang sắp đọc xong một cuốn sách

Nó có vẻ giống như là lần đầu tiên bạn mở lòng ra để tiếp nhận thế giới vậy. Bạn muốn được tự mình đánh giá và thẩm định, bạn muốn khởi động cho một trò chơi khó, bạn chú ý đến những cái tên trên kệ sách và bạn thật sự tìm kiếm được thứ gì đó có giá trị với mình.

Và sau đó bạn đã bị nó thu hút.

Sự phát triển của cốt truyện lôi kéo bạn vào tác phẩm. Bạn khóc, bạn cười theo mỗi trang sách được mở ra trước mặt. Bạn hoan hỉ như đang được tham gia vào một chuyến bay dài. Dưới mắt bạn, cảnh vật trôi qua êm đềm, cảm giác ấm áp, thoải mái, dễ chịu nhẹ nhàng len vào tim bạn.

Khi bạn đọc gần hết cuốn sách, thế nào bạn cũng sẽ dự đoán kết thúc của nó. Mặc dù bạn đang ngồi nghiền ngẫm trong một sự im lặng hoàn toàn, nhưng, tâm trí của bạn lại đang chạy đua. Trái tim của bạn đập dồn dập và bạn cố gắng lắng nghe, cố gắng cảm nhận thế giới xung quanh bạn. Có thể là bạn sẽ phải đặt cuốn sách xuống để đi lấy một cốc nước. Trong khoảng thời gian đó, rất có thể bạn sẽ đoán thử xem câu chuyện bạn đang đọc sẽ kết thúc như thế nào: Có ấy sẽ tìm thấy mẹ của mình chứ nhỉ? Anh ta sẽ thừa nhận cảm giác của bản thân? Người đàn ông ấy sẽ chiến thắng?

Để thưởng thức những trang viết cuối cùng, bạn có thể đọc chúng ngay, cũng có thể bạn sẽ dự đoán trước kết quả rồi mới nhâm nhi chúng. Dù là bằng cách nào đi chăng nữa, thì bạn cũng đã hoàn thành việc đọc cuốn sách, bạn gấp nó lại và cẩn thận xếp nó lên kệ sách cá nhân của mình.

Đọc xong một cuốn sách sẽ khiến bạn cảm thấy thoải mái hơn nhiều.

Thật đấy!

Điều đó quả nhiên rất kỳ diệu!■

VŨ HƯƠNG (dịch)

Theo <http://www.theglobeandmail.com>

TIỂU THUYẾT VỀ VIỆT NAM CỦA VINCENT LAM LIỆU CÓ TRỞ THÀNH KIỆT TÁC

JOHN BARBER (Canada)

Vincent Lam sinh ngày 5 tháng 9 năm 1974, tại London, Ontario (Canada) là một bác sĩ y tế, đồng thời là một nhà văn. Anh lớn lên ở thủ đô Ottawa. Cha mẹ anh đến Canada từ cộng đồng người nước ngoài gốc Trung Quốc tại Việt Nam. Hiện anh đang làm việc tại Bệnh viện đa khoa phía đông thành phố Toronto.

Có phải, cho dù xảy ra bất cứ điều gì, thì Vincent Lam, vị bác sĩ trẻ tuổi đã từng đoạt giải thưởng Giller (giải thưởng văn học nổi bật nhất hàng năm của Canada, trao cho các tác giả có tiểu thuyết hoặc bộ sưu tập truyện ngắn hay nhất được xuất bản bằng tiếng Anh) nhờ bộ truyện ngắn đầu tay, cũng đã quyết định là sẽ trở thành một cây viết có vị trí đặc biệt trong văn học Canada?

Chúng tôi đã nghe nói, anh đã viết một cuốn sách về phòng chống dịch cúm, và chính cuốn sách này đã đẩy Lam ra khỏi quỹ đạo của đồng văn học. Nhiều người đã cho rằng, lời hứa chỉ là những lời nói sáo rỗng, tầm thường.

Nhưng, nếu những nỗ lực lần thứ hai có thể tạo ra một kiệt tác văn học thì sao? Cuốn tiểu thuyết đầu tiên của Lam quả thực là cực kỳ ấn tượng. "Cuộc đánh cược của hiệu trưởng" (The Headmaster's Wager). Tác phẩm này được anh nuôi dưỡng ý tưởng từ rất lâu, nó bắt nguồn từ những câu chuyện mà anh đã được nghe ngay còn nhỏ, từ những hiểu biết và cách nhìn của riêng anh về cuộc chiến tranh đẫm máu tại Việt Nam. Những điều đó đã thôi thúc anh lật lại lịch sử để viết về những điều tưởng chừng như đã bị lãng quên.

Tất cả những gì liên quan đến cuộc chiến tranh tại Việt Nam đều được Lam quan tâm chú ý. Anh đã viết kiệt tác này của mình trong khi bản thân anh phải làm việc ít nhất hai ca



một tuần trong phòng cấp cứu của bệnh viện. Chiến thắng Giller năm 2006 với tập truyện ngắn "Đổ máu và chữa bệnh bằng phép lạ" (Bloodletting and Miraculous Cures) đã khiến cho anh trở nên bận rộn hơn rất nhiều.

Một ngày nắng đẹp, tôi đến thăm Lam trong ngôi nhà của anh ở Toronto. Vincent Lam, 37 tuổi, đã mở tả lại cuộc đấu tranh trong tâm trí cho tôi nghe như sau: "Trong bốn năm đầu tiên, tôi có cảm giác là mình đã bị kéo chạy quanh cuốn sách. Tôi cảm thấy tác phẩm như một đồng bunn đã lớn và bản thân tôi không ngừng bị kéo đi, lê lét xung quanh nó". Lý do duy nhất khiến anh phải cố gắng để thoát ra là vì nó khiến anh cảm thấy tồi tệ hơn, "Tôi cảm thấy thật khủng khiếp".

Anh đã viết lại toàn bộ cuốn sách, anh đóng vai tới bốn nhân vật với bốn tính cách khác nhau. Và anh đã thất bại trong công việc của mình. Anh tâm sự, "Tôi biết chính xác là cuốn sách cần phải có những gì. Nhưng bản thân tôi lại không biết phải làm thế nào để cho nó có được đầy đủ những thứ mà nó cần".

Nhưng, các nhà văn khác đã khẳng định

rằng, Lam sẽ không bao giờ bị đánh gục. Và điều đó đã đúng. Khi tất cả đã bị đẩy lên cao trào, "một cái gì đó đã được sinh ra", Lam nói, "và cuốn sách đã được hình thành".

Tiểu thuyết "Cuộc đánh cược của hiệu trưởng", mạch truyện phát triển khá nhanh. Các chi tiết đan lồng, quện se vào nhau, liên kết như một bộ phim hoàn chỉnh. Trong nó tồn tại những âm mưu, manh mối, tiền bạc và bạo lực. Lam đã bỏ ra một lượng thời gian không nhỏ để tham quan, tìm hiểu và lựa chọn khung cảnh làm nền cho tác phẩm. Cuối cùng, anh đã chọn Sài Gòn những năm giữa thế kỷ XX, đặc biệt là khu phố Tàu của Chợ Lớn. Chính khung cảnh này đã đẩy những thâm kịch của truyện lên cao trào và tạo nên những sự cảm thông sâu sắc.

Cảm hứng đầu tiên để Vincent Lam viết tiểu thuyết này là những câu chuyện thực tế của ông bà và cha mẹ anh. Họ đã kể lại đời sống trước đây của mình cho anh nghe từ khi anh còn là một đứa trẻ ở Nepal. Cảm hứng này càng trở nên mạnh mẽ hơn khi anh đọc qua tất cả những tác phẩm lớn về đề tài chiến

tranh viết bằng tiếng Anh.

Lam nói rằng, "Trong một ý nghĩa nào đó, thì nó chính là thứ hấp dẫn tôi viết về đề tài chiến tranh với một quan điểm hoàn toàn khác biệt, quan điểm của riêng tôi. Graham Greene, Tim O'Brien, Marguerite Duras, tôi biết rằng, giữa các cuộc hội thoại của họ có chung một tiếng nói, một cách nhìn".

Trong "Cuộc đánh cược của hiệu trưởng", Lam hóa thân thành Percival Chen, một người Trung Quốc nhập cư giàu sụ và có một chút phóng đảng. Nhân vật này có tham vọng làm giàu từ đồng đô nát, khủng hoảng của ngày tận thế. Tác phẩm không chỉ thể hiện những bất ổn ở châu Á trong những năm chiến tranh đen tối mà còn khám phá ra mặt trái đối trá của con người, những người bình thường bị bắt trong chiến tranh.

Những câu chuyện được truyền tụng từ người thân trong gia đình, với Lam là "những điểm cần thiết cho tôi để hiểu được cốt lõi của sự việc và thể hiện những cảm xúc thật sự của mình trong tác phẩm".

Mặc dù Lam đã quyết định viết một cuốn tiểu thuyết dành cho bất cứ ai đã từng sống trong thời chiến tranh tại Sài Gòn, Chợ Lớn, nhưng có vẻ như chính anh cũng đã bị cuốn hút vào những cảm xúc thoát ra từ tác phẩm. "Có thể là sẽ có tình cảm đặc biệt với thực tế, nhưng thật sự rất khó khi muốn ghi lại chúng. Cũng có thể là những chân lý chỉ được gọi ra bởi tình cảm, thứ tốt nhất để xây dựng lên một tác phẩm hư cấu".

Cuối cùng, đó là những cảm xúc thật sự mà "Cuộc đánh cược của hiệu trưởng" mang đến. Một cảm xúc mạnh mẽ, mãnh liệt đến mức khiến cho chúng ta phải để hết tâm trí vào các dòng chữ.■

VŨ THỊ

Theo <http://legalnews.findlaw.com>

DƯỜNG như sự miêu tả đúng nhất đối với thơ tự do (*Pháp - Vers libre*) – đó là miêu tả bằng phủ định.

Về nguyên tắc, thơ tự do là thơ không bị ràng buộc với nhịp điệu (*rythme*), âm luật (*mètre*), vần (*rime*) và một số "dấu hiệu thứ sinh" khác, như khổ thơ (*strophe*). Mức độ tự do đó có thể khác nhau, nó liên quan tới căn nguyên và phát triển. Hơn nữa, trong các thi phẩm khác nhau, nó được thiết lập với tư cách là phương pháp cơ bản để viết ra những câu thơ không đồng bộ, có liên quan tới khởi nguồn, những đặc điểm của các ngôn ngữ cụ thể và nhiều hoàn cảnh phụ thêm khác. Trong truyền thống Nga, thơ gieo vần theo âm tiết ở mức độ hoàn thiện cũng tồn tại cả 200-250 năm rồi. Kể từ khi bỏ sung âm tiết (*syllabique*) Nga, thì thơ có vần, có âm luật cũng đã trăm năm tuổi.

Thời hạn này trong nhiều ngôn ngữ khác còn lớn hơn. Trong thơ Italia, câu thơ cổ âm luật - khổ thơ được thiết lập từ thế kỷ XIII. Văn được tạo ra từ những vĩ tố đồng nguyên âm trong âm tiết, nên số âm tiết phải cân đối để ngâm hay ca. Trong thơ trữ tình ngôn ngữ Provençal, kết cấu âm vận, âm luật còn xuất hiện sớm hơn, khổ thơ và hệ thống gieo vần vô cùng tinh tế. Còn trước và sau đó, từng song song tồn tại hệ thống âm tiết latin học trung cổ. Nhưng vào thời Phục hưng, bên cạnh thơ gieo vần còn xuất hiện cả thơ không gieo vần. Dù sao thơ cổ niêm luật cũng chỉ là một hình thái sáng tác thơ ca, nó có cả tính khả biến, cả tính tạm thời. Thơ gieo vần theo âm tiết rõ ràng từng có một thời đỉnh cao của mình. Còn hiện nay nếu viết như thế thì phải nghĩ ra cái gì đó mới mẻ, chứ viết như các nhà thơ Thế kỷ Bạc thì không thể. Lẽ nào lại bắt chước phong cách? Thật thú vị nếu so sánh thơ của những nhà thơ Nga hiện đại – những người theo chủ nghĩa đỉnh cao mới (*neocaeleist*) với thơ của những người thực sự thuộc chủ nghĩa đỉnh cao. Ta chắc chắn thấy sức ý, sự trùng lặp của cấu trúc nhịp điệu - từ vựng.

Nếu quan tâm tới lịch sử, ta sẽ thấy rất khó liên hệ những phương pháp viết tồn tại trước thơ có niêm luật cho thơ tự do. Các tên gọi của chúng, như: trắng sĩa, anh hùng ca, tụng ca,...cũng cho thấy chúng không liên quan tới thơ tự do. Không hiểu vì sao ai cũng chú mục tới thơ Pháp, trong khi thơ có niêm luật lần đầu tiên bị thơ mới lần sâu lại diễn ra ở Đức. Điều này liên quan tới nhà thơ Đức Friedrich Gottlieb Klopstock (1724-1803), người cả đời chưa từng viết một dòng thơ có vần. Thực sự ông không trực tiếp đến với "những tiết điệu tự do" (*Freie Rhythmen*) vào thời đó được gọi là Vers libre, mà thông qua thi ca cổ.

Về sau, thơ tự do được rất nhiều nhà thơ sử dụng. Xét về mức độ phổ biến, nó đứng thứ ba trong thơ tiếng Đức ở thế kỷ XVII nhờ nỗ lực của Martin Opitz (1597-1639, nhà thơ Đức sáng lập ra thi pháp đầu tiên trong tiếng Đức. ND) và Rudolf Weckherlin (1584-1653, nhà thơ Đức, đại diện của trường phái Baroco thời sơ kỳ văn học Đức đầu thế kỷ XVII. ND). Vị trí thứ hai, thật bất ngờ, là thơ mang phong cách dân gian, rất hay được các nhà thơ theo chủ nghĩa lãng mạn sử dụng.

Trong số các nhà thơ lớn tích cực dùng "những nhịp điệu tự do" có Friedrich Wilhelm Nietzsche (1844-1900). Thơ trữ tình đồng ca Hy Lạp cổ (*dithyramb*) của ông tự do đến mức, các nhà nghiên cứu thế kỷ XX vẫn chưa biết đánh giá thế nào, xử lý ra sao khi dịch thuật. Đường như nhà thơ đã "đi tạt đón đầu" hậu hiện đại trước khi trào lưu hiện đại xuất hiện. Thơ ông không chỉ là "những nhịp điệu tự do", mà còn có hiện tượng mất những âm giữa (*syncope*) như trong nhạc jazz, nhịp ngắt quãng, các khổ thơ biến đổi... Xét theo quan điểm thi ca hiện đại, hiện tượng này được gọi là hình thái tiến hóa bậc cao (*Hy Lạp - heteromorphosis*) của thơ tự do.

Cả hai nhà thơ Đức vĩ đại Nietzsche và Holderlin là thần tượng của những người theo chủ nghĩa biểu hiện, và chính họ khơi nguồn chủ nghĩa hiện đại. Điều này diễn ra vào năm 1911 và có liên quan chủ yếu tới Georg Heym (1887-1912), Georg Trakl (1887-1914) và Gottfried Benn (1886-1956). Các nhà thơ theo chủ nghĩa biểu hiện thường viết cả thơ có và không niêm luật. Chủ nghĩa biểu hiện Đức từng được coi là hiện tượng vĩ đại trong thi ca, và như những nhà thơ vĩ đại.

HÀNH TRÌNH THƠ TỰ DO Ở CHÂU ÂU



Nhà thơ Đức Friedrich Gottlieb Klopstock

chính họ đã xác lập tiêu chuẩn thẩm mỹ (cho dù ta muốn hay không). Song có những người chỉ viết thơ có niêm luật, còn những người khác chỉ viết thơ không niêm luật. Việc kết hợp "hai trong một" hoặc chuyển từ kiểu này sang kiểu kia, không nhất thiết theo hướng từ có sang không niêm luật. Gottfried Benn đã vận động theo hướng ngược lại: khởi đầu với thơ không niêm luật, khi sáng tác thành thực ông mới chuyển sang những hình thức thơ có niêm luật, song không từ bỏ thơ tự do.

Cần lưu ý rằng chủ nghĩa biểu hiện không đơn thuần xoay quanh bộ chủ đề: chiến tranh – tình yêu – cô đơn – thành phố lớn – cái chết. Nó là phát minh vĩ đại trong thi ca, có tác động tới toàn bộ nền văn hóa. Nghệ thuật chấp nối (*montage*) là phát minh của thi ca, chứ không phải của điện ảnh. Đừng nhầm nghệ thuật chấp nối do Trakt phát minh với thứ nghệ thuật sau này được gọi là cắt dán (*collage*). Nghệ thuật chấp nối và phép ẩn dụ tuyệt đối (*absolute metaphor*), cùng nhiều cách tân thủ vị khác, rõ ràng đã buộc các nhà thơ theo chủ nghĩa biểu hiện từ bỏ thơ có niêm luật, để bạn đọc chú tâm tới những điều quan trọng hơn là những kết thúc dòng.

Ẩn dụ tuyệt đối thường được so với những
phùng dụ (*allegory*) của các nhà thơ và họa
sỹ thời kỳ baroco, song sự giống nhau của

chúng chỉ là vẻ ngoài. Phúng dụ góp phần điều chỉnh thơ bởi nó phải được đặt trong khuôn khổ: cái neo – biểu tượng chốn nương thân trong đời, con tàu – biểu tượng của cuộc sống không ổn định, v.v... Giống như bức tranh cần khung, nó được tạo ra bởi thơ có niêm luật. Phúng dụ cần khuôn khổ để tạo điều kiện cho thơ có vần điệu, còn ẩn dụ tuyệt đối thì phải tới đoạn kết mới hiểu cái ám chỉ và cái được ám chỉ. Ẩn dụ tuyệt đối thúc đẩy thơ có niêm luật phân hóa và chuyển đổi sang thơ tự do.

Trong các nước châu Âu khác, quá trình này diễn ra muộn hơn. Thơ tự do được các nhà thơ theo chủ nghĩa hình tượng ở Anh bắt đầu viết trong và ngay sau Chiến tranh thế giới I, rồi thêm cả nhà thơ Mỹ Ezra Weston Loomis Pound (1885-1972) nữa. Mỗi quan tâm của họ đối với hệ thống hình tượng có phần gợi nhớ tới những người theo chủ nghĩa biểu hiện, nhưng về hệ tư tưởng thì đó là hai trào lưu hoàn toàn khác nhau. Những nhà thơ này bắt đầu viết thơ không niêm luật, mặt khác cũng sử dụng khẩu ngữ bình dân, ngôn ngữ hội thoại (điều mà trước đó không được chấp nhận trong thi ca tiếng Anh). Chủ nghĩa siêu thực ở Pháp xuất hiện sau đó, tuy không khởi nguồn từ chủ nghĩa biểu hiện Đức, song về trục hệ có sự kế thừa. Có thể lấy những bài thơ hoàn toàn siêu thực của nhà thơ Đức theo chủ nghĩa biểu hiện Jakob van Hoddis (1887-1942) làm ví dụ. Ngoài ra, nhiều nhà thơ theo chủ nghĩa biểu hiện, sau khi trở về từ chiến tranh, cho rằng chủ nghĩa biểu hiện đã kết thúc và cần cái gì đó mới. Cái mới đó được họ trình bày bằng những thuật ngữ của các nhà siêu thực Pháp. Tuy nhiên, hệ thống âm tiết có vần hoàn toàn thống trị thơ Pháp, nên thơ tự do rất khó tìm đường cho mình. Quá trình này mãi sau Chiến tranh thế giới II mới kết thúc. Điều thú vị là trong tiếng Đức với trọng âm linh hoạt, với những từ có nhiều trọng âm, dường như có nhiều hạn chế cần được phá bỏ hơn, thơ tự do lại xuất hiện sớm hơn và trở thành chủ đạo nhanh chóng hơn so với tiếng Pháp có trọng âm cố định. Tương tự, không thể nói rằng thơ tự do không ăn sâu trong thi ca Nga chỉ bởi tiếng Nga có nhiều khả năng hơn làm phong phú thơ có vần có luật. Vấn đề ở đây chủ yếu là do quá trình phát triển chung của các hệ thống thi ca. Thơ tự do ra đời trong các nền văn hóa có thi ca phát triển mạnh nhất, nơi có nhiều phương pháp làm thơ rất khác nhau đều được thử nghiệm. Chẳng hạn trong thơ tiếng Anh, không thể không tính đến

Walt Whitman (1819-1892) – nhà thơ Mỹ không viết thơ tự do, mà chủ yếu chú tâm vào thực hành thi ca thánh kinh cổ.

Nhìn chung, sau thơ Đức đến thơ Anh, tiếp theo là thơ Pháp. Điều thú vị là, người Pháp gọi thơ "thơ phóng khoáng" của Nga là thơ tự do, còn thơ không âm luật của nhà thơ theo chủ nghĩa tượng trưng Jean Nicolas Arthur Rimbaud (1854-1891) là "thơ giải phóng". Đừng quên rằng, thơ tự do ở Nga đầu thế kỷ XX hoàn toàn chưa phát triển, dù Blok và M. Kuzmin đã có những thi phẩm tự do tuyệt vời.

Trong thơ ca Italia, con đường đến với thơ tự do cũng khá phức tạp, và sự xuất hiện của nó liên quan tới các nhà thơ vị lai. Cũng như ở Pháp, thơ tự do trở thành hiện tượng phổ biến sau chiến tranh. Ở Rumani, thơ tự do phát triển thịnh vượng vào những năm 70, ở Thụy Điển thơ có âm luật - khổ thơ vẫn thịnh trị cho đến trước thời hậu chiến.

Tomas Tranströmer (*Nobel văn học 2011*) là ví dụ rất thú vị về mặt này. Rất nhiều bài thơ ông viết theo khổ sapfo cổ, có giá trị cao về thẩm mỹ (hoặc tư tưởng) đối với các nhà thơ siêu thực Pháp. Ông nổi tiếng khi dịch André Breton (1896-1966) sang tiếng Thụy Điển. Hệ thống hình tượng trong thơ Tranströmer hoàn toàn siêu thực, được ông chuyển tải bằng hình thái "cổ" nhưng rất tươi mới và đầy triển vọng. Nhà nghiên cứu văn học cổ M. L. Gasparov (1905-2005) cho rằng chính những hạn chế tự thân của thơ tự do sẽ tạo ra chất lượng mới nào đó. Điều thú vị là Tranströmer khẳng định điều này trước Gasparov rất lâu: trong 17 bài thơ, có đủ cả thơ luật (nhưng không vần), thơ tự do, thơ theo lối cổ (alkeev và sapfo). Sau này ông rất ít làm thơ cổ niêm luật, đôi khi thông qua thơ tự do, ông soi chiếu cái gì đó trong thơ trung đại hoặc mã văn hóa của một thời đại nào đó.

Vào giữa những năm 50, thế hệ mới ở châu Âu viết chủ yếu thơ tự do. Điều này có liên quan rất rõ rệt với thảm kịch Chiến tranh thế giới II. Điển hình là các thi phẩm đầu tiên của Paul Celan (1920-1970). Rất nhiều hình tượng và đề tài trong các bài thơ thời đầu được tái hiện sau này ở những bài thơ gieo vần theo truyền thống. Rainer Maria Rilke (1875-1926) – một trong những nhà thơ hiện đại có ảnh hưởng lớn nhất ở thế kỷ XX, thường làm những dòng thơ dài có 6 âm tiết mang trọng âm (hexameter), không vần, giàu ẩn dụ, giàu hình tượng. Đến khi hiểu ra "hỗn hợp nỡ" đó không thể dành cho thường dân, Rilke đã dần rời xa thứ niêm luật mới này, đến với thơ tự do.

Sự phát triển của thơ Nga có phần liên quan tới những nguyên nhân chính trị - xã hội. Tất cả chúng ta từng say đắm với những bài thơ có niêm luật thật sự xuất chúng của Nga, đặc biệt là ở Thế kỷ Bạc. Ngay gần đây, vào cuối thập kỷ 80 – đầu 90, nhiều người còn biết đến Nikolai Gumilev, Georgy Ivanov,... Một phần cổ tích quá vắng vẫn lưu lại trong ta. Thật tuyệt vời, nhiều người Nga và người nước ngoài vẫn ngắm nga, thậm chí muốn thuộc lòng thơ Nga. Ở Nga, thơ có niêm luật trọng âm, cũng như thơ bậc thang của Maiakovski, các hình thái thử nghiệm của Xemen Kirxanov và Ilia Xelvinxki đã có thời phát triển mạnh mẽ, song thời gian tồn tại của chúng ngắn hơn so với thơ châu Âu khác. Đó là hiện tượng kiệt lực khó tránh khỏi sau giai đoạn đỉnh cao.

Vào những năm 80-90 thế kỷ trước, những người sinh dùng phép ẩn dụ (*metametaphorist*) tự cảm thấy sự nhạt nhẽo trong những công thức hoàn toàn nhân bản của mình, còn những người theo chủ nghĩa khái niệm (*conceptualist*) thì coi thường công cụ đó.

Ngay nay mức độ thực hành phổ biến của thơ tự do đã chiếm vị trí của thơ có niêm luật. Nếu trước đây ta ngạc nhiên khi ai đó viết bằng thơ tự do, thì giờ đây ta lại ngạc nhiên khi có ai đó vẫn viết bằng thơ có niêm luật. Trong thực tế, thơ tự do không phủ định thơ có niêm luật, nó buộc thơ có niêm luật thay đổi và phát triển, tìm kiếm những dự định diễn tả và những phương pháp mới, dần có khi thành khi bại. Lịch sử của thơ tự do hiện đang tiếp diễn và dường như nhà thơ nào cũng từng viết thơ tự do. ■

LÝ CHIÊM

Lược từ Open Space 6/4/2012.



TRUYỆN NGẮN DỰ THI

XẼNG đất cuối cùng đổ xuống. Vòng hoa lớp lớp gối nhau cao dần phủ kín ngôi mộ thành một núi hoa nhỏ. Gió đưa khói hương trùn lên cả một góc sườn đồi, len lỏi vào cả trong những vườn cây xa xa. Trong hương khói mịt mù, tiếng khóc nức nở, sục sùi hòa trong tiếng tụng kinh của các nhà sư, làm cả bầu trời ai oán và thê lương. Những ánh mắt thương cảm và đau đớn của con cháu, anh em họ hàng cúi đầu tiễn đưa người đã khuất. Bà Na ngồi bất động trước mộ chồng, không còn nước mắt để khóc nữa, cảm giác chông chênh, rã rời tràn ngập trong bà. Các con các cháu đứng sau lưng gạt nước mắt khóc thương ông và lo lắng cho bà.

Những nén hương cuối cùng cắm xuống. Mọi người đi một vòng quanh mộ vĩnh biệt ông. Bà quay lại nói với các con giọng khản đặc:

- Các con xuống trước đi, để mẹ ở lại với Thầy một lúc.

Bà đang hai tay ôm lấy phần mộ,

qua loa đôi bàn chân đen nhem rồi ngồi bệt xuống góc nhà bồm bồm nhai trầu hoặc bằm bèo chuẩn bị bữa ăn sáng mai cho lợn.

Nhà ông Điều cũng thế, có tiếng là nhà khá giả nhưng buổi tối cũng chẳng ai ra khỏi nhà. Tối nay ông im lặng ngồi ngắm nhìn cô con gái có khuôn mặt trái xoan dễ thương, cái mũi dọc dừa xinh xinh đang ngồi chải tóc. Ông thích thú nhìn khi thấy những ngón tay búp măng đưa chiếc lược đến đầu thì mái tóc dài đổ theo thành sóng mượt mà đến đó. Thỉnh thoảng khuôn mặt khá ái, ánh mắt long lanh đầy sức sống lại ngược nhìn lên như đang cười. Ông tự hào lắm.

Bỗng có tiếng chó sủa ông ổng ngoài cổng và tiếng gọi vọng vào:

- Ông Điều ơi, mở cửa cho tôi với.

Người nhà vội chạy ra xua con chó mực to tướng đang chồm hai chân lên cánh cổng và nhe hàm răng trắng nhớn vào ông khách.

Một người đàn ông bé nhỏ, quần xắn

- Em chịu khó gánh gạo lên thị xã cho thằng Ba. Nó hết gạo ăn rồi, anh em ta không có điều kiện đi học thi giúp em Ba học hành cho tử tế, đó là mong ước của cả nhà.

- Vâng. Thứ bảy này cho em nó về thăm bố mẹ.

Na tò mò muốn biết về Ba. Cả làng ai cũng biết gia đình này nổi tiếng là coi trọng việc học hành và chuyện hai ông anh trai hàng tuần chân đất đi bộ hai mươi cây số gánh gạo về thị xã cho em ăn học.

Chiều thứ bảy, Na thơ thẩn bên cây xoài trước cổng làng có ý chờ đợi. Những lúc có người đi qua, cô lại trốn sau gốc cây sợ người ta nhìn thấy. Khi mặt trời sắp xuống ngọn tre mới thấy một thanh niên thông thả đi vào làng. Na đoán là Ba nên nấp sau lưng cây xoài nhìn trộm. Ái chà! Đẹp trai ghê: khuôn mặt dễ thương, dáng cao dong dong. Nước da trắng trẻo nổi bật trong chiếc áo dài màu nâu. Cô bỗng thấy hồi hộp và không hiểu

bém nhai trầu. Chẳng chào ai, cô ngồi bệt xuống thêm nhà.

Ông gắt lên:

- Mày không có mồm hay sao mà không chào ai?

Na nhốt toẹt bãi nước trầu xuống sân rồi trốn mắt nhìn khách:

- Chào ông.

Khách giật mình trước ánh mắt thiếu thiện cảm của Na, lại thấy cô ăn mặc, nói năng không lễ phép nên cũng đưa đẩy thêm vài câu chuyện cho phải phép rồi ra về.

Ông Điều giận lắm. Khách vừa ra khỏi nhà là ông rút ngay cây roi giắt trên mái nhà, lăm lăm trong tay quát mắng ầm ỉ:

- Con Na nằm xuống đây. Mày bôi tro trát trấu vào mặt cha mẹ thì tao cho mày như đòn.

Đa và Tú cùng chạy ra đỡ lấy cây roi:

- Chúng con xin thấy, thấy tha cho chị. Chị không thích nên mới làm thế.

- Không được, mai ăn mặc tử tế đi với tao sang nhà thằng Thư.

Ông dùng đòn bỏ vào trong nhà. Đang tìm chiếc quạt mo quạt cho đỡ bức bối thì tiếng kêu la, tiếng khóc vang lên. Ông chưa hiểu chuyện gì thì thằng Đa lao vào hốt hoảng:

- Chị Na nhảy xuống giếng tự tử rồi đấy!

Ông vội chạy ra thì mọi người đã kéo Na lên khỏi giếng. Cô nằm bất động, mái tóc dài ướt sũng che nửa khuôn mặt nhợt nhạt như người chết rồi. Mọi người đang hoảng hốt chưa biết phải làm gì thì chú Hạnh nhanh nhẹn cầm hai chân cô xốc ngược lên và vỗ mấy cái vào lưng. Na ọe ra mấy ngụm nước rồi tỉnh dần. Tất cả reo lên "sống rồi". Cô ngơ ngác nhìn mọi người bằng cặp mắt thất thần của người vừa từ cõi chết trở về.

Ông Điều bế con vào nhà và không nhắc đến chuyện đi gặp Thứ nữa.

Ba học xong về quê chờ việc. Khỏi phải nói là anh chị vui sướng thế nào! Chỉ biết là hai giao liên một ngày chạy đi chạy lại không biết bao nhiêu lần đem thư từ qua lại.

Một buổi trưa tháng sáu, Na làm đồng về thì gặp mấy người lạ vào làng. Họ đi qua cây xoài đầu làng rồi rẽ vào ngõ nhà anh Ba. Cô để ý thấy một cô gái xinh xắn, có nước da bánh mật và cái má lúm đồng tiền rất duyên. Tự nhiên linh cảm có điều gì đó bất ổn xuất hiện trong cô. Quên cả cơn khát đang khô cổ họng, Na vội vàng chạy về nhà, không kịp rửa chân tay đã gọi ngay cậu Tú:

- Em sang nhà anh Ba ngay xem có gì lạ không nhé. Nhanh lên.

Tú chạy đi rồi. Na như ngồi trên đồng lửa, đứng ngồi không yên, chốc chốc lại chạy ra ngõ xem Tú về chưa? Tim cô như thất lại khi chờ mãi mà không thấy Tú về, không về nghĩa là bên nhà anh Ba có chuyện, mà chuyện này còn nguy hơn cả cháy nhà! Người cô như muốn nổ tung lên. Cô vịn vịn đôi tay, đi đi lại lại, không gian như đặc quánh lại làm cô không thở được. Thời gian sao đi chậm thế? Có tiếng chân chạy bình bịch, cô như bừng tỉnh khi thấy Tú chạy về. Cậu hồn hồn lòi chị vào góc nhà thăm thi:

- Chị nói đúng, Bố anh Ba nhờ người đưa cô Hồng con nhà ông Thịnh làng bên về ra mắt gia đình. Bố mẹ anh Ba chấm cô này vì xinh đẹp và hiền lành.

Na hoảng hốt cất lời:

- Rồi kết quả thế nào?

Tú thông thả sờ cằm không nói. Na gơ tay cho Tú một phát vào lưng:

- Nói đi nhanh lên. Rồi thế nào?

- Bố mẹ anh Ba thích nhưng anh Ba nói là anh đang bị bệnh nan y, phải chữa mấy năm nữa mới khỏi nên chuyện gia đình chưa muốn bàn đến, thế là mọi

CHÀNG ĐI CHO THIẾP THEO CÙNG

Truyện ngắn của NGUYỄN ĐÌNH LÂM

xung quanh vắng lặng. Hình như cả thế giới bây giờ chỉ còn lại một mình bà. Bà không muốn tin là sự thật: Ông đã bỏ bà mà đi! Ông chỉ nằm cách bà có mấy mét mà sao xa vời vợi, âm dương cách biệt không bao giờ gặp nhau nữa? Nỗi đau đớn làm bà ngê thờ, Bà nấc lên:

- Ông Ba ơi! Sao ông ác thế. Ông nỡ bỏ tôi mà đi để tôi cô cút một mình? Gần bảy mươi năm tôi có ông làm bạn, bây giờ chỉ có một mình, tôi biết sống ra sao?

Bà thấy mình kiệt sức, cảm giác khó thở như có ai đang bóp chặt trái tim. Mắt bà hoa lên khi thấy những khoảng sáng màu đỏ hồng tràn ngập cả bầu trời. Bà gơ tay chơi với rồi gục xuống mộ. Mấy anh con trai chạy đến đỡ bà dậy, vừa khóc vừa bế bà chạy ra chiếc xe ô tô đang đỗ dưới chân đồi. Chiếc xe phóng nhanh vào trạm xá của xã gần đấy. Trong không gian lung linh những vệt sáng cầu vồng. Bà thấy ông tươi cười đứng ở gốc cây xoài mà lần đầu tiên ông bà gặp nhau ở làng Yên Bình hơn bảy mươi năm về trước.

...Đó là một làng quê nghèo nằm ở cuối huyện với con đường vào làng khắp khếnh khó đi. Đất cằn khô vì những ngày mùa hè cháy nắng và những cơn mưa mùa lũ nước ngập trắng đồng. Làng lúc nào cũng vắng người vì ban ngày tất cả đều ra đồng cấy cày "bán mặt cho đất, bán lưng cho trời" để kiếm đủ ăn ngày hai bữa. Ban đêm ai về nhà nấy nên lại càng vắng vẻ, chỉ có mấy con chó cắn nhau kêu ăng ẳng và mấy chú chuột thò đầu ra khỏi hang kêu chít chít, vênh vênh mấy cái râu nhìn ngược nhìn xuôi rồi chạy thoát qua đường trong ánh sáng lập lờ của những con đom đóm như ma trôi bay ra từ bụi cây.

Trong làng, đàn ông sinh hoạt gần như giống nhau. Xong bữa tối, các ông vút que tăm vào góc nhà, nhấp mấy ngụm chè xanh hoặc rít một điếu thuốc lờ lờ giờ chân xoa xoa đập đập mấy cái vào nhau cho bụi đất bay đi rồi trèo lên giường nằm. Các bà dọn dẹp bát đĩa, rửa

lên đầu gối, đi chân đất loẹt quẹt bước vào nhà. Ông Điều ngẩng lên:

- Có chuyện gì mà chú Tốn đến nhà muộn thế?

Tốn nở nụ cười cầu tài:

- Có đây bác ạ, Bác có cô Na vừa đẹp người lại đẹp nết. Em có người họ hàng xa bên Xuân Liễn tử tế muốn giới thiệu cho cô Na.

- Anh ta bao nhiêu tuổi? Làm nghề gì?

- Anh ta tên là Thư - Tốn dừng lại bấm ngón tay - năm nay khoảng hai tư tuổi, đang học trường Pháp, sắp học xong bậc Thành Chung, học xong sẽ là Thông phán, tương lai chắc khá lắm.

Ông Điều gật gù:

- Cũng được, chú cứ giúp tôi, mời họ đến để tôi xem mặt trước nhé.

- Vâng ạ.

- Nếu thành đôi thành lứa, chú muốn tôi thưởng cái gì?

Tốn xoa xoa hai bàn tay:

- Nếu các em thành đôi, bác mua cho em bộ quần áo lụa em mặc tết là được.

Ông Điều cười:

- Được rồi, ngày kia nhé.

Na đã xuống nhà dưới khi khách đến nhà. Cô loáng thoáng nghe nhắc đến tên mình nên nhón chân nhẹ nhàng nấp sau bức vách nghe trộm. Cô bần rùn cả hai chân, ngồi phệt xuống bậc thềm, đầu óc mông lung. Nỗi lo lắng ủa vào trong lòng khi nghe ông Điều hứa hẹn. Cô cứ ngồi như thế cho đến khi có một bàn tay đặt lên vai:

- Chị Na! Có việc gì hả chị?

Na ngẩng đầu lên, đứng sau là cậu em trai:

- Gay thật em ạ. Bố muốn gả chị cho một ông bên Xuân Liễn. Chị chỉ muốn lấy anh Ba thôi. Lấy người khác thì thà chị đi tu còn hơn.

Na quen và yêu Ba cũng đã lâu. Hai nhà chỉ cách nhau có một bờ tre nhưng muốn đến ngõ thì phải đi vòng khá xa. Một lần Na thấy hai anh em đang đứng đầu ngõ, anh Hai gánh một gánh gạo trên vai đứng nghe anh Cả dặn dò:

sao tìm bỗng đập loạn xạ. Ngơ ngẩn nhìn trộm, chiếc nón tuột khỏi tay cô xoay mấy vòng ra đất ngay trước mặt Ba. Anh ngơ ngác nhìn chiếc nón, nhìn trước nhìn sau mà không thấy ai đành cúi xuống nhặt lên. Ngẩng lên anh mới phát hiện ra Na đang nấp sau cây xoài. Anh mỉm cười hỏi:

- Có phải chiếc nón của cô không?

Na đỏ bừng mặt:

- Vâng, anh cho em xin lại.

Bốn mắt nhìn nhau. Họ cảm thấy như đã quen nhau từ lâu lắm rồi nhưng không ai cất lời được. Mấy phút yên lặng, Na giật chiếc nón trên tay Ba chạy một mạch về nhà với khuôn mặt đỏ bừng và nụ cười trên môi. Thời gian sau, hai em trai của Na trở thành giao liên mang thư từ qua lại cho đôi trai gái mới yêu nhau.

...Trời nắng như đổ lửa. Mây trốn sạch chẳng có một đám nào mặc cho ông mặt trời tác oai tác quái. Anh phu xe mồ hôi nhễ nhại kéo chiếc xe tay lộc cộc chạy vào làng trên con đường trải đá dăm lổn nhổn. Một thanh niên trong bộ quần áo ka ki màu trắng, đầu đội mũ phớt màu xám thời thượng, tay cầm một chiếc ba toong bằng gỗ rất lịch sự ngồi chễm chệ trên xe, thỉnh thoảng lại gõ gõ chiếc ba toong vào thành xe theo nhịp xe đi.

Ông Điều ra tận cổng đón khách. Ông mỉm cười có vẻ ưng ý. Khi chủ khách đã ngồi yên vị, ông lắc lắc ăm trà rồi rót ra chén:

- Cậu uống nước đi. Bố mẹ cậu làm nghề gì?

- Bố cháu làm thông phán trên tỉnh. Mẹ cháu quản lý mấy cửa hàng trên huyện.

- Cậu học xong chưa?

- Cũng còn một năm nữa, sau này cháu cũng đi theo nghề của cha cháu.

Chuyện trò vui vẻ một hồi, ông Điều gọi với vào:

- Na ra đây thấy bảo.

Ông tròn tròn mắt ngạc nhiên khi thấy Na xuất hiện trong bộ áo váy nhàu nát. Tóc rối bởi không chải. Miệng bồm



Minh họa của ĐÀO QUỐC HUY

người ra về. Chị sướng chưa?
Mắt Na sáng bừng, thấy mình như vừa chết đi sống lại.

Thời gian trôi đi. Cũng có thêm nhiều đám đến giới thiệu cho Na nhưng cũng chẳng đem lại kết quả gì. Ông Điều biết tình cảm của Na và Ba nên đồng ý cho nhà Ba sang làm lễ đám hỏi.

Đám cưới của Ba và Na diễn ra đơn sơ nhưng vui vẻ. Đôi vợ chồng mới được hai gia đình dựng cho một ngôi nhà nhỏ hai gian để ở riêng. Cuộc sống mới tuy khó khăn nhưng tràn đầy hạnh phúc.

Một chiều muộn, Ba về nhà, đi đi lại lại về trầm tư. Na lo lắng:

- Anh có việc gì phải không?

Ba thở dài:

- Trên điều anh đi dạy học bên huyện Nghi Lộc mà em lại sắp sinh. Anh thật không yên tâm. Bên đó ban ngày dạy cho học sinh, buổi tối lại dạy bình dân học vụ nên anh không có thời gian về nhà chăm em được, nhất là em lại sắp sinh.

Na nắm tay Ba:

- Anh cứ đi làm việc của nhà nước cho tốt. Em ở nhà có mấy chị em lo rồi. anh không phải lo.

- Đáng phải nhờ mấy chị em vậy.

Thời gian trôi nhanh, Thấm thoát đã hơn một năm. Thằng cu con nằm trên giường đã chống hai tay ngóc cái cổ lên ngó ngáo nhìn quanh nhà rồi lại gục mặt xuống chiếu vì cái cổ vẫn còn yếu quá. Ngoài vườn, Na lui húi làm cỏ cho mấy luống rau cải, xu hào đang xanh mơn mớn, thỉnh thoảng đưa dài áo bạc màu lau những giọt mồ hôi ướt đầm trên má.

Có tiếng đàng hăng ngoài ngõ, Na ngẩng lên. Chị Hòa vợ bác Hai bước vào với nét mặt nghiêm trọng. Chị nhìn trước nhìn sau hỏi nhỏ:

- Cô nghe tin gì chưa?

Na lo lắng:

- Chưa! Tin gì hả chị?

- Chị nghe nói chú Ba có quan hệ với con gái chủ nhà trọ cạnh trường chú dạy học, không biết có đúng không?

Na lặng đi. Tay mân mê cán cuốc, một lúc sau quả quyết:

- Em phải đi đến đó xem cho ra lẽ - nhờ chị trông giúp cháu Bình hộ em vài hôm.

- Bao giờ em đi?

- Sáng mai em đi luôn. Chị giúp em nhé.

Đêm tràn trọc không ngủ, Na ôm thằng bé vào lòng với nỗi giận hờn và tủi thân vô hạn: "Sao anh lại không thương mẹ con em? Một mình em sớm hôm vất

vả vừa làm ruộng vừa nuôi con! Chăm sóc hai bên nội ngoại, không dám chơi không một ngày nào! Thế mà anh nỡ...". Cô ngồi dậy lau nước mắt rồi lấy chiếc áo rách cắt thành mấy chiếc tã để dành cho con. Thằng bé bỗng giật mình ọ ẹ. Na vội ôm nó vào lòng, vỗ vỗ vào lưng mấy cái rồi cất giọng hát ru:

"Chàng ơi cho thiếp theo cùng.

Đôi no thiếp chịu lạnh lùng thiếp cam".

Lời ru tan vào trong những giọt nước mắt buồn tủi.

Gà gáy canh ba thì Na đã ra đi. Lầm lũi qua những con đường vắng hoe mà sương đêm còn ướt đầm trên ngọn cỏ. Cái bóng bé nhỏ của cô thật còi cút trong không gian mênh mông. Khi mặt trời lên qua đỉnh đầu thì cô đặt chân lên dãy núi ngăn cách hai huyện. Na trèo lên núi mà thấy nản lòng. Con đường ngoằn ngoèo khó đi. Những hòn đá nhỏ sắc nhọn đâm vào bàn chân trần đau nhói, mấy cái gai nhọn của mấy khóm muống um tùm mọc bên đường cào vào bắp chân rớm máu. Càng gần trưa, nắng càng xối vào lưng như đốt da đốt thịt, hơi nóng bốc lên từ nền đá lấy gần hết sức lực của cô. Na cần rắng từng bước, từng bước lê chân sang bên kia núi.

Mặt trời chênh chếch sang phía tây thì Na đến xã Ba dạy học. Hỏi thăm thấy Ba thì ai cũng biết nên chẳng mất mấy thời gian mà Na tìm được đến nơi. Ngôi nhà Ba ở trọ là nhà tranh vách liếp có ba gian giống như các nhà nông dân trong vùng. Một cô gái chừng hơn hai mươi tuổi đang ngồi bệ ngó trước cửa. Đây rồi! chắc chắn là con này rồi! Cơ giận trào lên cổ, Na hít một hơi dài cố lấy vẻ tự nhiên bước vào sân:

- Chào em, chị đi qua đường khát quá, cho chị xin bát nước.

Cô gái ngẩng lên đơn đả:

- Chị vào đi.

Rồi với tay lấy chiếc ấm bên cạnh rót cho Na một bát chè xanh đặc sánh.

Na liếc nhìn cô gái: Có gì mà xinh? Da thì đen, mũi thì rộng, lại có lông mày lười mắt như ông tượng trong đình làng mình. Đáng ghét.

Cô hỏi thêm mấy câu về đồng áng rồi hạ giọng thăm dò:

- Nhà có đông người không em?

Cô gái lắc đầu:

- Nhà chỉ có hai mẹ con thôi, bố em mất cũng đã được mấy năm rồi.

Na liếc thấy áo của Ba đang phơi trên dây:

- Thế sao có áo đàn ông?

- Nhà ít người nên mẹ em cho thầy giáo ở nhờ trong nhà cho vui.

- Thấy giáo quê ở đâu? Tính tình thế nào?

- Thấy tên là Ba, quê ở huyện bên, rất hiền lành và tốt bụng.

Na hỏi lạc cả giọng:

- Em lấy chồng chưa?

- Em chưa.

- Sao không lấy thầy giáo luôn cho tiện?

Cô gái như được dịp trút bầu tâm sự:

- Thấy đã có vợ con rồi chị ạ. Thấy hay kể về cô vợ xinh đẹp đảm đang của thầy, mỗi lần như thế thầy đều rất vui. Em cũng quý thầy lắm. Nhiều người khuyên em làm vợ lẽ của thầy chắc sẽ sướng hơn làm vợ cả người khác. Em cũng muốn thế vì con gái như hạt mưa sa chẳng biết rơi vào chỗ nào thì sướng, chỗ nào thì khổ nhưng thầy chỉ coi em như em gái thôi. Em đành chịu vậy.

Na thấy trong người như cắt được gánh nặng. Cô nhìn lại cô gái: Cô này cũng được đấy chứ! Tính tình coi bộ dịu dàng, da đen rất duyên! Mũi rộng chắc sống cũng thoáng lắm, bộ lông mày nhìn kỹ cũng hay hay. Cô vội vàng cảm ơn cô gái rồi bước đi như chạy: "Nếu Ba về bây giờ thì biết nói gì đây? Xấu hổ chết được".

Cô ngược đường về nhà. Trời sao đẹp thế? Cứ trong veo. Chân vấp phải đá cũng chẳng thấy đau, trong lòng như có ai đang hát. Cô đi một mạch về nhà mà không nghĩ một lần nào.

Thời gian đi thật nhanh, Na một mình vừa làm ruộng vừa chăm sóc mấy đứa con. Ba trở thành lãnh đạo cao cấp của tỉnh với các huân huy chương các loại. Bốn đứa con trai lớn lên và trưởng thành trong vòng tay vất vả của Na rồi hai người cũng lên ông lên bà như những người cùng trang lứa.

Chiều mát mẻ, ông bảo chị giúp việc đi ra vườn. Khu vườn cây của ông có thể nói là hiếm có trong thành phố này. Dưới cây xoài xum xuê xanh mát, ông đặt một bộ bàn ghế để ngồi uống trà. Ngồi đây ông cảm thấy thật dễ chịu khi ngắm cây bưởi Diễn oằn mình gánh chùm quả to tròn treo lủng lẳng trên cành. Cây hồng xiêm trong góc vườn những cánh tay dài trĩu quả. Mấy chậu hoa trạng nguyên đỏ hồng vẽ thêm những nét chấm phá tuyệt đẹp trong bức tranh cảnh vật. Mỗi khi ông ra, mấy con chim trong lồng nhảy lên nhảy xuống hót líu lo nghe thật vui tai.

Bà mang bát cháo buổi chiều. Chị giúp việc đỡ ông ngồi dựa vào cánh tay mình rồi thông thả bón cho ông ăn. Bà nhìn ông với ánh mắt đầy yêu thương và lo lắng. Bỗng nét mặt bà thay đổi, vẻ không vui hiện rõ lên khuôn mặt. Bà đi ra rồi lại đi vào. Cuối cùng bà đi đến đá mấy cái vào chân chị giúp việc. Chị ngẩng lên nhìn bà ngờ ngác không hiểu chuyện gì? Ông nhìn xuống thấy chân mình đang dựa vào chân chị nên cố gắng đưa chân ra xa, miệng tủm tủm cười: "Rõ cái bà này, hơn chín mươi cả rồi mà vẫn còn...".

Trăng hạ tuần tỏa ánh sáng mờ mờ xuống khu vườn. Ông ra hiệu gọi bà, chị giúp việc biết ý tránh đi chỗ khác. Ông đặt tay mình lên tay bà nói chầm chậm:

- Tôi dạo này yếu lắm rồi, không biết được bao lâu nữa. Tôi đi cũng chẳng ăn hột gì vì bà và các con đã hết lòng chăm sóc, với lại có vợ chồng mấy ai sống thọ hơn chín mươi tuổi cả hai như tôi với bà? Tôi chỉ lo bà ở lại một mình sẽ buồn lắm. Bà phải chịu khó ăn uống, giữ gìn sức khỏe thì tôi đi mới thanh thản được.

Bà khóc òa lên. Mọi người chạy ra vườn, ông ra hiệu cho tất cả lại gần, ông dặn dò:

- Thấy thấy có đỡ rồi nhưng thấy cũng dặn trước để lỡ có chuyện gì thì các con khỏi lúng túng. Mọi điều cần dặn thầy ghi vào giấy cùng tờ di chúc. Bình là anh cả cứ thế mà làm. Điều thầy muốn dặn các con là sau này các con phải thương mẹ. Mẹ già khó tính nên các con phải thông cảm, không được to tiếng với mẹ, đừng làm mẹ phiền lòng. Các con nhớ chưa?

Mấy anh em nhìn nhau cùng gật đầu. Một tuần sau ông ra đi nhẹ nhàng sau một giấc ngủ dài. Buổi tối ông đưa mắt nhìn các con một lượt rồi bảo: "Các con đi ngủ đi, thầy cũng ngủ một tý". Ông nằm ngủ và không bao giờ dậy nữa. Tim ngừng đập nhưng nét mặt ông vẫn hồng hào như còn sống.

Đám tang ông được cử hành trọng thể. Vòng hoa mang tên các cơ quan, học sinh cũ của ông. Cơ quan và bạn bè của các con, các cháu xếp đầy đường từ ngõ vào nhà. Sau lễ truy điệu, một đoàn xe ô tô gần ba mươi chiếc đưa ông về làng Yên Bình theo nguyện vọng của ông khi còn sống. Rất nhiều anh em, họ hàng và cả những người quen biết ông ở làng Yên Bình cùng đi tiễn ông về nơi an nghỉ cuối cùng.

Bàn thờ ông được đặt trang trọng giữa nhà. Một mâm cơm cúng bày ngay ngắn trên bàn. Trong làn khói hương nghi ngút và tiếng mõ tụng kinh, bức ảnh của ông thật gần gũi và hiền lành.

Bà vịn tay Bình loạng choạng bước vào nhà. Mũi tiêm ở trạm xá làm bà khỏe hơn nhưng cảm giác trống vắng đang ủa vào lòng làm lòng bà tan nát. Vẫn nhà mình đây mà sao không thấy ông? Bà đến bàn thờ, ánh mắt ông nhìn bà sao hiền dịu thế? Bà đưa tay xoa nhẹ vào di ảnh của ông: "Ông ơi! Tôi chỉ còn một mình thật sao? Bây giờ tôi còn biết chuyện trò cùng ai? Đã ở với nhau được từng đấy năm trời sao không chờ nhau đi cùng một lần?" Bà nhìn mâm cơm cúng lẩm bầm: "Ông ơi! Ông phải ăn cơm một mình chắc buồn lắm, để tôi ăn với ông cho vui".

Bà đến bên bát cơm cúng, vắt một nắm cơm đưa lên miệng nhai trệu trạo:

- Ông ăn đi nhé, tôi đang ăn cùng ông cho vui đấy.

Nước mắt lăn dài trên gò má đã nhăn nheo của bà làm ướt đầm cả miếng cơm đang nhai trong miệng.

Trên bàn thờ, ông nhìn bà với ánh mắt hiền hậu và đầy yêu thương. ■



ĐẾN VỚI TIỂU THUYẾT NGUYỄN HIẾU

(Nhân đọc ba tiểu thuyết của Nguyễn Hiếu)

CHU LAI



GẤN đây, do cơ duyên tôi tạm gác văn chương chuyển sang sân chơi sân khấu. Cái sân chơi nghiệt ngã mà không ít nhà văn nhảy sang một thời gian va đập rồi lại ôm đầu máu trở về. Một đôi lần mở trại sáng tác có Hiếu tham dự, bất ngờ thấy ở kịch bản của Hiếu, ngoài những miếng meo sân khấu chần chu lại toát lên chất văn học khá đậm đặc, một điều mà cánh viết kịch thường trần trở hướng đến. Chất văn học nằm ngay trong số phận, tính cách, tâm lý, lời thoại của nhân vật chứ không chàng màng đơn điệu như thường gặp. Thế là tò mò, tôi mới hỏi một bạn văn có tên tuổi nghe nói có chơi với Hiếu từ lâu hiện cũng đang dự trại: Này, ông đọc kịch bản của Nguyễn Hiếu chưa? Đọc rồi, cả xem nữa, sao, có gì không ổn à? Không, rất ổn, có cảm giác như mỗi vở kịch của cái tay Hiếu đều có hơi hướng của một cuốn tiểu thuyết được nén lại, đúng không? Thì rõ, hẳn được mệnh danh là một lực sĩ tiểu thuyết đấy, viết như Thụy, nằm nào cũng ra sách, tính đến nay ít nhất đã có chòm chòm 30 đầu cả ngắn lẫn dài, cả tuyển cả rời, nhìn thấy ngán....

Trong thư viện, sách của Nguyễn Hiếu chứa đầy cả một khạp mà cuốn nào cuốn đó cứ dày nhưng nhức bằng viên gạch cả. Thôi thì đủ các loại tên đặt cái thì trần trụi, cái thì pha chút mùi mẫn cái lương, cái lại như thơ mà chỉ khê đọc lên thôi là đã muốn bắt mắt rồi. Nào là *Vết xoáy trước ngực làng, Dòng sông màu máu, Người đàn bà quý ám, Bụi đường, Quá cảnh, Chân trời vỡ đôi, Vầng trăng hững hờ, Những mảnh trần gian* (tuyển tập hài), *Bốn bước đến chân trời, Trái tim nhiều màu, Trẻ làng mình, Trăng mùa đông, Làng êm ở bên sông, Lặng lẽ cuối cùng, Tây tây Ta ta* (tuyển tập hài), *Biến toàn là nước, Truyện tình người điên, Con ngó, Tuyết lạnh sau mặt trời, Tôi bán mình, Tình nhân, Mặt nạ để đời... Cười dành cho tất cả* (tập truyện ngắn hài), *Chuyện cái vôi nước* (tập truyện ngắn hài), *Bóng ánh cuộc đời, Trưởng thôn xứ án, Khi người đàn bà quay về, Trên mặt đất lại có người...* Và đặc biệt, nhìn ở cuối sách, phần lưu chiếu tôi bỗng kinh ngạc khi nhận ra chỉ trong vòng có 5 năm, từ năm 1988 đến 1993, Hiếu đã cho ra đời đến 13 cuốn tiểu thuyết, chưa kể truyện ngắn, kịch và phim, tức là trung bình mỗi năm xong được trên hai cuốn thì tốc độ sáng tạo này đúng là không đùa được thật. Cô nhân viên thư viện mang đôi kính trắng rất điệu thấy tôi cứ loay hoay, hít hà ở cái đóng sách đó bèn đến gần, nói nhỏ: "Chú ơi, nếu chú muốn đọc tác giả Nguyễn Hiếu thì chú có thể đọc cái này tiện và gọn hơn." Rồi cô dẫn tôi đến một quầy khác lễ mễ rút từ trên kệ xuống đưa tôi trọn bộ tuyển tập 10 cuốn chứa bên trong gồm 19 tiểu thuyết, non trăm truyện ngắn, gần chục vở kịch, ba trăm bài thơ của gã. Nhưng cuốn nào được đọc nhiều nhất? Cô gái nhíu mày nghĩ ngợi một chút rồi trả lời ngay như cái đó đã có sẵn trong đầu, để ợt: Có ba cuốn chả biết có hay không nhưng cháu thấy người ta hay mượn, có khi mượn rồi không trả, phải tư giấy đòi. Cuốn nào? Đó là cuốn *Chân trời vỡ đôi, Con ngó* và *Chuyện tình người điên*.

Cảm nhận đầu tiên và ấn tượng khá mạnh về tác giả này là sự táo tợn, táo tợn trong ý tưởng và trong cách triển khai, táo tợn cả về nội dung lẫn hình thức. Có cảm giác Hiếu không tuân thủ theo bất kỳ một lễ luật, một khuôn hướng sáng tác nào nhưng tìm trong đó lại có tất cả các khuynh hướng, phong cách. Ngay trong một cuốn sách như *Con ngó*, lúc thì hiện thực trần trụi, lúc lại hiện thực huyền ảo, lúc lại vô cùng lãng mạn. Cả ba yếu tố đó tạo nên cái thật cái giả, cái mơ hồ cái sắc nét rất cần có để miêu tả sự ngổn ngang, phức tạp một người đàn bà bằng sự bản năng đến ngây thơ, đến hoang dại, cả chút tình nguyên của mình đã chấp nhận chuyện chăn gối với hết thầy các loại đàn ông, dù bên này hay bên kia, dù xấu hay tốt, dù chung tình hay sở Khanh để được yêu, để được sống tận cùng cái cần cốt đàn bà. Hãy khoan nói đến đạo đức và đạo lý của một phụ nữ đồng phương vì ngay từ đầu tác giả đã cho

nhân vật này kế tiếp từ mẹ đến con là không bình thường, là ngổ, là con diếm làng. Có rất nhiều cảnh xác thịt, có không ít pha nhục dục nhưng đọc không thấy ghê thấy nhóp để rồi sau đó, một cái gì đó như là sự triết luận tất yếu và xa xót nhen lên: Trong quá vãng con người Việt Nam, văn hóa làng xã Việt Nam đã bao phen bị xâm thực, bị cưỡng dâm bởi đủ các loại chủ thuyết, chủ nghĩa đến từ bên ngoài khiến cho một thời gian dài con người không tìm được cái bản ngã đích thực của mình nhưng lại không thể không tìm vì đó là nét sống còn của dân tộc. Chung chạ với đủ thứ người như thế thì việc đề ra những đứa con dị dạng, quái thai là tất yếu. Thụ động vì đói, vì khát, vì để tồn tại lao vào chén trợn chào thẳng cổ đủ thứ trường phái tư tưởng, triết học ắt sinh ra một xã hội nhớ nhàng, phi luật pháp, hỗn mang chỉ sơ là vậy. Để tải cái ý tưởng nặng nề, gai góc không phải ai cũng dễ dàng nhận ra này, nếu tác giả không xử lý tinh hư thực, thậm chí tính phi lý thì mọi sự sẽ trở nên sống sít, giả tạo ngay. Có lẽ cái giỏi của Hiếu là ở chỗ ấy. Cái giỏi của sự dám nói và biết cách nói.

Trong *Chân trời vỡ đôi* lại là một thể nghiệm hoàn toàn khác nhưng vẫn không kém phần táo bạo, thẳng thừng. Rõ ràng để khắc họa chân dung một gã nông dân lưu manh độc ác không từ một thủ đoạn nào, kể cả khống chế người bạn thân nhất để thực thi được tham vọng quyền lực của mình, tác giả đã không nương tay mỗ xê nhưng lại tìm được cách mỗ xê hữu hiệu nhất là thông qua một biên bản hỏi cung có đan xen phục hiện theo kiểu điện ảnh. Đây quả là một thi pháp đảo để và thông minh khiến người đọc đã đọc trang đầu không thể không đọc tiếp những trang sau như chịu một ma lực. Những con chữ có ma lực. Sự ma lực đó ở cuốn tiểu thuyết này khái quát một hiện thực ít người dám chạm đến, nói đến một cách sòng phẳng và nghệ thuật - người nông dân của xã hội ta bị nghèo nàn, đói khát và dễ bị thoái hoá chính vì liên tiếp và trọn đời bị lừa dối và lợi dụng.

Ở *Chuyện tình người điên*, Nguyễn Hiếu lại khảo chân sang một thể loại hoàn toàn khác, thể loại đã sử dụng thông qua một người điên và những mối tình cũng điên loạn của nhân vật chính để tập trung miêu tả một triều đình xa xưa do hoang tưởng mà ngu quên trên giá trị, chiến tích cũ mà quên đi xã hội xung quanh mình đang còn rất nhiều dang dở, bất hạnh, trái ngang, phi lý, bất công và hàm chứa cả hiểm họa nổi loạn. Ý tưởng thì nghiêm cẩn, nặng nề thế nhưng lại được khai triển theo phong cách huyền ảo, hài hước nên nó thấm vào người đọc rất ngọt, không lên gân, không khô cứng, không rao giảng. Ấn dưới hình thức tiểu thuyết dã sử, thần thoại mà trong hơi thở, trong nhịp văn hao hao chất anh hùng ca của Hôme nhưng cuốn tiểu thuyết độc đáo không chỉ của riêng tác giả này lại là sản phẩm của sức tưởng tượng lạ lùng của Nguyễn Hiếu. Một Vương triều Bi đã (Bịa đệt) của xứ sở Tithu (tiểu thuyết) được dựng lên

không chỉ mô tả, bảo động về một hiện thực khủng khiếp khi dân chúng đang bị trị vì bởi một hôn quân chỉ say sưa với tuyên ngôn của mình mà còn là sự xung đột mang tính muôn đời, nhân loại giữa lý trí (chàng dũng sĩ Ly Tri) và bản năng (nàng công chúa Ba Na) trong guồng quay khắc nghiệt đa đoan của nhân thế....

Văn của Nguyễn Hiếu không bao giờ rao giảng, không làm duyên, không cố tình triết lý triết luận, nó cứ tự nhiên trào lên như nước mạch với tất cả những bụi bặm, trong đục của nó và chính vì thế mà nó rất đời. Có nhiều đoạn Hiếu viết như nhập đồng, như lên cơn, như... kể điên. Phải chăng chính vì cái điên này mà một *gã nhà quê* như Hiếu tự nhận mới có thể có được những trang viết như bị ma làm như thế. Chợt nghĩ, nếu Hiếu tỉnh hơn một chút, sáng suốt hơn một chút thì chưa chắc đã có được những con chữ nổi mẩn nổi cục lên như vậy. Những con chữ xum xuê, xô đẩy, chen chúc, ồn ào, bám quanh một trục, lúc hợp lúc tan, biến ảo, đông đặc, nóng lạnh đan xen, đa chiều đa nghĩa. Đó là cái mạnh và cũng là cái yếu của Hiếu.

Hiếu như một dũng sĩ cời trần giữa sa mạc, dám một mình liều mạng xông vào tất cả các mảng cuộc sống hóc hiểm, khuất tối để nói lên sự thật mà không sợ va đầu vỡ mặt. Phải cuồng si và đảo điên, trí lực lăm lăm Hiếu mới có thể vung cây gậy chỉ huy lên điều hành tất cả gom được về một hướng, cái hướng của sự truyền cảm thẩm mỹ trung thực.

Nhưng những vấn đề Hiếu đặt ra lại hết sức nóng bức, quyết liệt, thẳng băng, không khoan nhượng thậm chí cực đoan, như một hồi chuông gióng lên chói gắt giữa thình không bảo động về những điều nhá nhem, bất trắc đang còn ẩn náu ở đâu đó trong lòng dạ tối đen, thâm sâu của con người (Chắc bạn đọc chưa quên năm 1996 NXB Lao động tung ra thị trường sách cuốn *"Lặng lẽ cuối cùng"* (tên gốc là *"Hội chứng ung thư"*), cuốn tiểu thuyết viết về sự băng hoại đạo đức của công chức, dân nơi thành phố khi xã hội mở cửa.

Hiếu vẫn vội, viết như lửa cháy, viết như lũ lụt, như không viết ngay, không viết hết ra một lúc thì cảm hứng nó sẽ nguội lạnh đi mất. Thành thử bên cạnh những trang viết tinh tế, sâu xa có sức lay động mãnh liệt vẫn lọt vào những chương hồi dễ dãi, những kết cấu sơ sài, những suy tưởng suy tư chưa được nén chặt nên đôi lúc nó trở thành lực cản, nó phá nhau, nó có tác hại làm loãng nhạt đi cái trực chính đã phát hỏa và đầy công chăm bốn.

Một lực sĩ văn xuôi là một danh xưng đáng tôn vinh, nhất là vào thời buổi người đọc không còn mặn mòi với văn chương và người viết cũng bắt đầu thấy chán cái công việc của mình. Nội trong năm 2011 này với một trăm bài báo, truyện ngắn, phê bình, tiểu luận văn học các loại, rồi một tuyển tập, hai vở kịch dài, 10 tập phim truyền hình... Nguyễn Hiếu đã hoàn toàn xứng đáng là một cây viết, sức viết có thể gọi là tử vi đạo. Nhưng một nhà văn biết chắt chiu, nghiêm cẩn, nghiền ngẫm, khổ đau, vật vã với từng con chữ, với từng trang viết của mình lại còn đáng tôn vinh hơn. Quý hồ tinh, có lẽ với nghề văn, đó là một chân lý bất di bất dịch.

Cùng với năm tháng dài dẫu, cơn lên đồng đã tạm dứt, tuổi tác và sự trải nghiệm đã chín muồi, bạn đọc có quyền tin rằng, Nguyễn Hiếu, với tất cả bầu nhiệt huyết nóng lửa và ngọn bút tài hoa của mình, chắc chắn sẽ đi tiếp được đoạn đường văn chương chông gai, khổ nhọc phía trước và cho đến lúc này, bằng hết thấy những gì đã có trong hành trang chữ nghĩa đã dành dụm, tu luyện cả đời của mình, Nguyễn Hiếu đã tạo được một mùi văn, một hơi văn riêng, rất Nguyễn Hiếu và như vậy, anh hoàn toàn có thể và phải được xã hội nhìn nhận một cách chính xác và đối xử một cách công tâm, công bằng. Dẫu rằng nếu có nói điều này ra, Hiếu lại gãi trán cười xòa, nhưng nhìn tinh sẽ thấy trong cái xòa tưởng chừng rất vô tâm đó lại có cả một chút buồn man mác.

Chút buồn của người luôn biết mình chỉ đứng ở bờ trầm. ■



LẤP LÁNH TÌNH NGƯỜI

(Đọc tập thơ Cây vắn trở hoa – Nxb Công an Nhân dân, 2012)

ĐẶNG VĂN TOÀN

CÂY vắn trở hoa là tập thơ của những người khuyết tật.

Trước hết, họ luôn ý thức về tấm thân khuyết tật của mình so với những người bình thường, so với cộng đồng.

Dương Phương Hạnh không ngại một thực tế: "Em hao khuyết, nghĩa là không lành lặn / ... / Em hao khuyết, nên không nhiều cơ hội / Chọn cái này hay chọn cái kia..." Ở một góc độ khác, sâu sắc hơn, Đỗ Trọng Khơi thừa nhận: "Tôi không ca ngợi nỗi cô đơn nhưng tôi tôn trọng nó / Nỗi cô đơn thật sự con người và Tôi không ca ngợi nỗi bi thương nhưng tôi tôn trọng nó / Nỗi bi thương cũng thật sự con người..."

Dù vô tình hay hữu ý thì trên cơ sở ấy, hay xuất phát từ thực tế ấy mà tâm tư, tình cảm rồi cảm xúc thơ được hình thành và triển khai, khi thì thâm trầm hướng nội, lúc lại xôn xao nhìn ra cuộc sống bên ngoài.

Do hoàn cảnh đặc biệt, những người khuyết tật hay dành ra những giây phút suy tư, ngẫm ngợi về những người thân yêu ruột thịt. Nhớ thương và ân nghĩa về người mẹ hiền, Nguyễn Ngọc Hưng viết: "Tâm tâm bóng mẹ cuối trời / Ba thập niên / Gió / Lá rơi ngập đường / Con ngồi trông nắng mà thương / Nghe mưa mà nhớ góc vườn quê xưa..." Bùi Ngọc Thanh nhớ như in bóng hình và công lao người mẹ: "Ngày khai giảng con vào lớp học / ... / Khai nét chữ cho con nguồn hy vọng..." Và đây nữa, vô cùng biết ơn, thấm thía khi: "Cả đời mẹ đã vì con / Bao giờ trả hết vương trôn mẹ đi..." (Trần Xuân Trường)

Với bè bạn, đó là những tấm lòng, những vòng tay thân ái, yêu thương. Trân trọng và cảm động biết bao những câu thơ bình dị mà thấm đậm nghĩa tình: "Thân bằng di, ngoài cha mẹ yêu thương? / Nửa thế giới trong tôi là các bạn" Và, "Ơi những



bàn tay ấm áp tình người / Đã đỡ tôi lên, đã dìu tôi bước..." (Nguyễn Ngọc Hưng) Rồi những kỷ niệm cũ về cái Bập bênh của Nguyễn Thanh Hương, về: "màu áo trắng trinh nguyên hay cái buổi chiều mưa / Chiếc ô che...quãng đường xưa ... chúng mình..." của Lương Trọng Trung v.v... Tất cả đều là những kỷ ức đẹp, trong sáng và bao giờ cũng ngọt ngào làm cho người ta xao xuyến, nhớ nhung...

Có một bài khá hiếm hoi của tác giả Đàm Lan viết về vùng cao nguyên với cuộc sống hiện tại bộn bề mà trong lành, tươi mát: "Hương cà phê miền man tràn khắp lối / Tỏa muôn người hơi ấm gió mùa đông / Mặt trời lên, ửng ửng mà em hồng / Tay thoăn thoắt hái mùa xuân trên lá..."

Rồi những người vợ hiền hôm sớm bên

chồng. Với người khỏe mạnh bình thường đã là một chuyện. Còn đây, với người bại liệt, toàn bộ mọi sinh hoạt không thể tự chủ, thì điều đó càng có ý nghĩa. Thấy giáo Nguyễn Ngọc Ký viết tặng người vợ hiền tảo tần: "Đôi tay em / Giúp anh hái hoa và Đôi tay em / Đôi tay vững lái / Đưa anh qua bao đoạn đường xa..."

Thiết nghĩ, đây là sự gánh chịu, là đức tính hy sinh cho chồng cho con của những người vợ, những người phụ nữ Việt Nam!

Nhưng cũng ở đây, trong tập thơ này, những người không may mắn lại có dịp thể hiện tấm lòng nhân ái, đồng cảm của mình với những người không may mắn khác.

Tác giả Hữu Nam tỏ ra xót xa, ngậm ngùi trước những cảnh đời ngang trái, bất hạnh: "Em tôi, trẻ mồ côi không nắm cơm nguội cuối ngày mưa..." Và, "Em tôi ra đi để lại di chúc bằng đôi dép rách / Người ta gom lại thả vào ngọn lửa nơi bãi rác / Linh hồn em có tôi thiên đàng..."

Vô cùng thương tâm và vô cùng nhân đạo, nhân sinh!

Trường hợp nữa, rất xúc động trước hoàn cảnh nghèo hèn của một em bé bán hoa dạo, Vũ Thủy đã biết chia sẻ với em bằng cách mua lấy mấy bông hoa bởi vì, so với em, tác giả tự thấy mình hãy còn là người dư đủ.

Nhưng không chỉ có thế. Đi xa hơn còn là những tư duy thâm trầm, những cảm xúc thơ tinh tế.

Nguyễn Văn Công thể hiện tinh cộng đồng của mình bằng cách sống cởi mở, hòa nhập với mọi người xung quanh: "Tôi đã cho họ một cơ hội để tìm hiểu mình / Và cũng là cho mình một cơ hội..." Và sau đây là niềm tin, hy vọng: "Muộn phiền hết, tôi hết / Em, chuyện kể ngày sau / Rồi cũng hết / Chỉ có bình minh dịu dàng / Hát vang mãi: Rồi sẽ nắng lên..."

Niềm tin và hy vọng ấy càng đặc biệt sâu sắc ở tác giả Đỗ Trọng Khơi. Những hình ảnh gần gũi, trong sáng mang chở được những tâm sự, suy nghĩ lớn: "Tôi chờ đợi vào phép màu nhiệm của thời gian / con chim sẽ mổ hạt để ven đường / con chuồn chuồn chuyển nắng / và chờ đợi vào trái tim tôi / nỗi khổ đau của trái tim có thể làm thay đổi!" Nó có cơ sở của nó. Đó là nghị lực, là bản lĩnh, là ý chí: "Bởi tôi tin vào bản thân nỗi khổ đau / Có bước đi riêng – trong bóng tối... Để cuối cùng, tôi được : một thứ ánh sáng riêng!..."

Bước đi riêng chính là bí quyết thành công của mỗi người. Còn một thứ ánh sáng riêng lại là dự cảm, cảm nhận được thăng hoa rực rỡ không để gì ai cũng có.

Nguyễn Bích Lan làm thơ không nhiều. Bài *Triển sông trắng* rất đáng chú ý ở những hình ảnh xôn xao sắc màu sinh động. Quang cảnh cảnh đồng, sông nước quê hương sáng đẹp gợi về sâu thẳm những băng khuâng diu diu tâm hồn: "Ta lặn lội đi tìm mùa chín ngọt / Thương ta buồn triển sông ấy vào thơ / Đòi khe khát ta miệt mài vẽ đất / Chỉ bởi bởi hoa đây trắng trong mơ..." Hay như Huệ Nguyễn đột ngột với bài *Ngày nhỏ nhắn*, xinh xinh và giản dị. Thơ lục ngôn rất chắc. Câu chữ gọn, linh hoạt. Thể chung của toàn bài rất rõ. Tiếng gọi cất lên ở cuối bài có cái gì đó động lại, lắng lại, triu mến, thiết tha: "Lặng im ngắm hồn lên tiếng / Ngày đi tha thiết bao điều!..."

Làm nên diện mạo và chất lượng của *Cây vắn trở hoa* là công sức, tâm huyết của 47 tác giả với hơn trăm tác phẩm. Tôi rất quý trọng tập thơ và quý trọng tất cả các tác giả tập thơ. Sự đóng góp của mỗi người đã là sự tự khẳng định của chính họ trong cộng đồng và trước cuộc sống. ■

TÌM VỀ CỘI RỄ

(Đọc Đường đến cội Samadhi của McAmmond Nguyen Thi Tu - Nxb Hội Nhà văn Việt Nam, 2011)

BÙI VIỆT THẮNG

MƯỜI một truyện trong tập *Đường đến cội Samadhi*, nếu có thể nói, có chung cái cấu tứ: những kiếp người tha hương trên đất khách quê người đều có một "khung trời bỏ lại" phía sau.

Họ rời bỏ thói quen, phong tục tập quán lâu đời để hòa nhập một cách khó khăn với môi trường sống mới hết sức xa lạ, nếu không nói là nhiều đối kháng. Trạng thái cô đơn với mỗi người Việt định cư ở nước ngoài nhiều khi thậm chí xảy ra do chỗ "đứt rễ" với ngay cả người thân, ruột thịt của mình như chàng trai trong truyện *Không ai yêu thương tôi*, vì anh ta là đồng tính nam (gay). Những giọt nước mắt đã chảy, nỗi đau khổ này không còn của riêng chàng trai Việt nữa mà là của con người nói chung trên trái đất này khi tạo hoá đã khiến họ trở nên lệch lạc. Nhưng có những nỗi đau khổ của con người chỉ có thể giải quyết bằng cái chết như là một lối thoát tối ưu (cái chết của "Dung Judas" ở cuối truyện *Mùi Thiên Đàng* làm tức tưởi cả chính tác giả và cả độc giả: không phải vì nó tội lỗi xấu xa, không phải vì nó ngu dốt mà chỉ vì "Nó không hòa nhập nổi nơi nào. Như một người bị ruồng bỏ, bị cô lập, đi đến đâu cũng bị bật ra, lạc lõng"). Số phận và cảnh ngộ cũng như kết cục của nhân vật "Dung Judas" tuy là một hiện tượng đơn lẻ, cá biệt nhưng phản ánh cái tâm thế khá phổ biến với cộng đồng người Việt ở nước ngoài (không riêng gì ở Canada, nơi tác giả định cư và viết về đồng bào mình), đó là sự lạc loài giữa đồng loại. Thật đáng tiếc khi một số người lại có lối hành xử đáng phê phán khi họ cố tình chối bỏ gốc rễ của mình "Tôi liền bỏ tên Phúc, đẹp luôn họ Trần, vứt cả chữ lót Văn. Đoạn tuyệt những thứ "trần

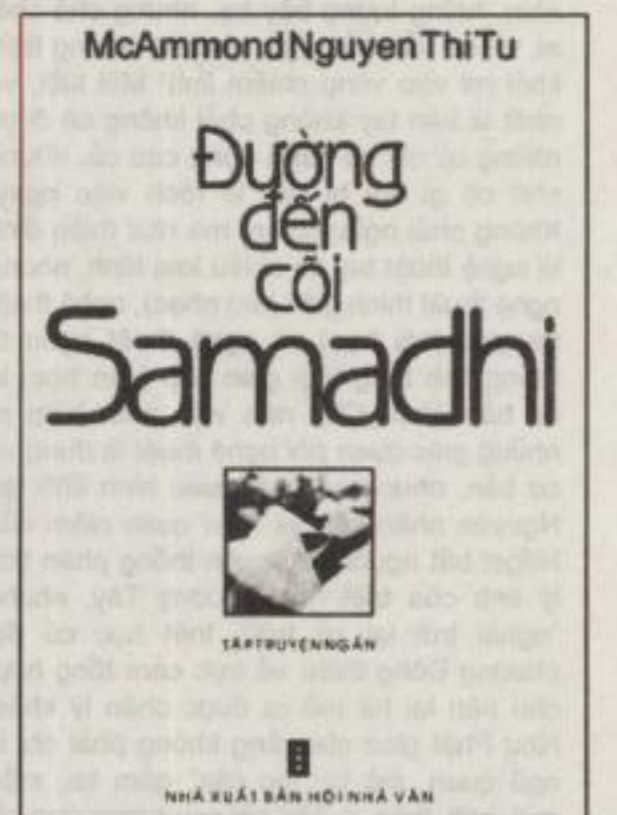
văn", "nguyên thị" của đám di dân" (*Không ai yêu thương tôi*). Nhưng không phải tất cả đều đánh mất mình như nhân vật Phúc, vẫn còn không ít những người đã ngộ ra được ý nghĩa cuộc sống sau những trăn trở trên đất khách quê người, như nhân vật Gã (trong truyện *Dường như là chuyến hành trình sau chót*). Sau khi chờ một bà già người sở tại đến trại dưỡng lão, không nhận tiền công và rất mệt mỏi sau một đêm thức trắng "Gã bỗng thấy cuộc đời thật ra rộng lớn hơn những ưu phiền tủn mủn cứ như độc được giết mòn trí não gã (...). Lần đầu tiên sau mười lăm năm từ khi đặt chân đến đất nước Canada, gã ngẩng người ngắm cảnh mặt trời mọc". Các nhân vật và cảnh ngộ, số phận của họ đều làm nảy bật một vấn đề về hòa nhập văn hoá như là một nhu cầu nội sinh của con người di cư thời hiện đại. Đó chính là tâm thế của người dân ông sở tại với một người phụ nữ Việt Nam trong truyện *Lông ngỗng trắng* "Chúng mình từ hai nền văn hoá khác biệt, không biết có sống được với nhau không?". Trên nền tuyết trắng xóa là một truyện ngắn, theo tôi, chuyên chở chủ đề xuyên suốt nhiều tác phẩm - người ta có thể chết vì "một bữa no" như cách Nam Cao viết về bị kịch muôn thuở của con người trong truyện ngắn cùng tên. Người ta có thể no, dư thừa về vật chất, nhưng có thể đói và nghèo về tinh thần, tâm hồn. Tìm về cội rễ trong khi thân cảnh và ngọn lại vươn ra xa, tưởng như là một nghịch lý, nhưng cần thiết phải làm như một hành xử có tính văn hoá của cộng đồng người Việt định cư ở nước ngoài hiện nay.

Chọn kể từ ngôi thứ nhất (xưng "Tôi"),

có thể là một cách khôn ngoan của người viết truyện (có đến 6 trên tổng số 11 truyện được kể từ ngôi thứ nhất trong tập *Đường đến cội Samadhi*). Cách kể này ta thường gặp khi đọc truyện hiện đại vì nó phát huy được tối đa hiệu ứng nghệ thuật - gây niềm tin cho độc giả với tất cả những gì nhà văn kể ra. Nhưng cũng dễ chủ quan vì cái "tôi" nếu không được tiết chế có thể rơi vào tình trạng "biến thái" vốn sống chung của đồng loại, đồng nghiệp. Tôi nghĩ, mặt khác sự lựa chọn nào cũng có mục đích của nó khi tác giả thể hiện sự trải nghiệm của mình về cuộc đời và con người qua cách kể này. Âu cũng là một cá tính trong sáng tác văn chương.

Về hình thức truyện, tôi thấy tác giả tỏ rõ là một cây bút rất hoạt do biết cách làm cho độc giả không cảm thấy chán khi được thưởng thức nhiều "món" bởi người chế biến khá sành điệu. Có truyện mang hơi hướng ngụ ngôn (*Đường đến cội Samadhi*), có truyện đậm đặc chất hài hước theo lối truyện cười (*Bữa tiệc gà tây*), có truyện nổi bật tính luận đề (*Dường như*), có truyện gần với ẩn dụ (*Dường như là chuyến hành trình sau chót*), có truyện mang yếu tố huyền kỳ (*Chiếc nhẫn cầu hôn*)...

Người ta vẫn nói "Văn chương là nghệ thuật ngôn từ", câu này như một định đề song song với một định đề khác "văn là người". Truyện của McAmmond Nguyen Thi Tu, theo tôi, hấp dẫn ở phần "chuyện", với ý nghĩa là những chuyện là ở một xứ sở xa xôi, nay được kéo lại gần bằng một "kính hiển vi" có độ phóng cực đại. Toàn những chuyện éo le, nhiều nhương, trái khoáy, mang đậm chất bi - hài kịch, cười ra nước mắt về những phận người, kiếp người tha



hương. Nhưng phần văn, thoát tiền tôi cứ chờ đợi một chất giọng, một sự lựa chọn từ ngữ hợp với người nữ cầm bút viết văn. Nhưng trái lại, không phải là thất vọng, nhưng đôi khi bị "sốc", vì thế mà cái cảm tình đang trào dâng tự nhiên bị rút xuống (chẳng hạn như khi đọc truyện *Linh hồn tôi đau*, nó động đến vấn đề rất nhạy cảm về tôn giáo, nhưng tác giả lại viết một cách "trắng phốt", tôi có cảm giác người viết chơi trò bịt mắt đi trên dây, khá mạo hiểm). Lối viết của tác giả hơi "dữ dằn", tôi không muốn nói là "bạo liệt", thành thử mỗi truyện đều đem lại cái cảm giác căng thẳng, nhức buốt cho độc giả. Phải là người trải nghiệm và có bản lĩnh, tôi nghĩ, mới tiếp nhận truyện một cách từ tốn được. Tôi không nghĩ đây là nhược điểm, mà là đặc điểm trong cách viết của tác giả nữ này. Mỗi truyện khi đọc, tôi hình dung cứ như một mũi khoan, xoay sâu vào lòng người và căn não người. Vì thế tôi gọi đây là những "đòn cần não". Âu cũng là một cách thử thách độc giả của thời đại nghệ - nhìn. ■

DIỄN ĐÀN LÝ LUẬN, PHÊ BÌNH VĂN HỌC

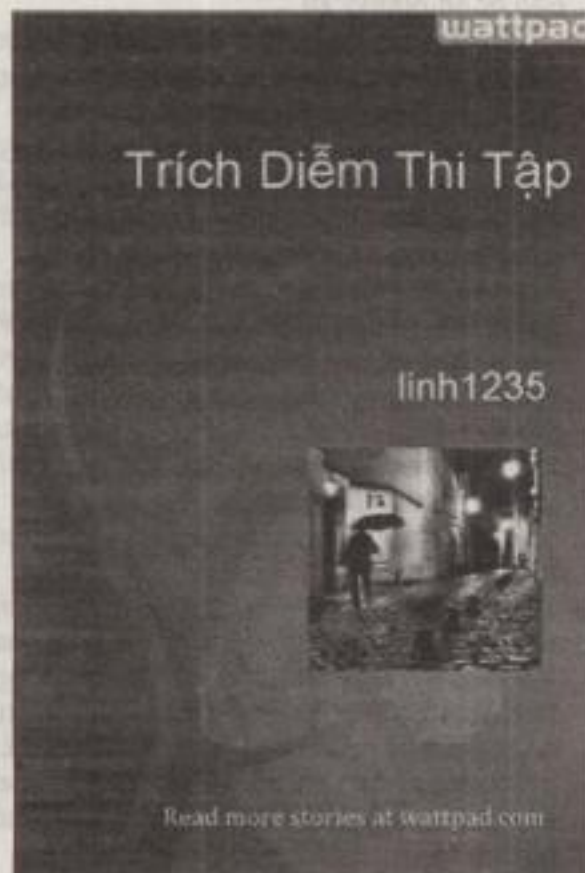
CÓ THỂ NGỦ, NÉM, SỜ VÀO VĂN THƠ ĐƯỢC CHĂNG?

(Vai trò các giác quan phi nghệ thuật trong thi học cổ điển Trung Hoa)

PHƯƠNG LỰU

Rõ ràng là không thể dùng mũi lưỡi, bàn tay để sáng tác và thưởng thức thơ văn. Nhưng ít nhiều lại có thể, nếu vận dụng được lối "tương giao cảm giác" (correspondance) dù chỉ là ngẫu nhiên vô tình. Chuyện vật này mà muốn tỏ tường thì không khỏi chạm đến mỹ học phương Tây, triết học phương Đông, nhất là thi học cổ điển Trung Hoa.

Mỹ học phương Tây mà tiêu biểu là Hegel có phân biệt giác quan nghệ thuật với giác quan phi nghệ thuật: "Sự vật cảm tính của nghệ thuật chỉ liên quan đến cảm quan nghe nhìn mang tính nhận thức. Còn vị giác, khứu giác và xúc giác thì hoàn toàn không liên quan với việc thưởng thức nghệ thuật" (Mỹ học). Căn bổ sung vào các giác quan nghệ thuật bằng óc tưởng tượng với tư cách là giác quan tổng hợp thì đầy đủ hơn. Nghệ thuật chỉ là bóng dáng chứ không phải là bản thân cuộc đời, nó cốt thỏa mãn tâm hồn, chứ không đem lại quyền lợi gì thiết thực, sát sườn cho dù rất mực chính đáng. Tiếp nhận nó chỉ là thưởng thức, thưởng ngoạn, chiêm ngưỡng, chứ không cần mà cũng không thể chiếm lĩnh. Cho nên mũi, lưỡi, bàn tay là không cần thiết, còn tai, mắt, óc tưởng tượng luôn luôn mang tính chất "gián cách" với đối tượng thì lại rất phù hợp. Ở đây tuyệt nhiên không có chuyện xếp loại về phẩm chất của các giác quan. Không phải người ta không nghe, nhìn, tưởng tượng bậy bạ, nhưng chả chết ai, vì nó vẫn bảo đảm cho sự thưởng thức khỏi rơi vào vòng chiếm lĩnh! Mũi lưỡi, và nhất là bàn tay không phải không có được những cử chỉ và hành động cao cả, nhưng nhờ có gì hơi bị sai, là rách việc ngay! Không phải ngẫu nhiên, mà như thiên định là nghệ thuật tuy có nhiều loại hình, nhưng nghệ thuật thính giác (âm nhạc), nghệ thuật thị giác (hội họa) và nghệ thuật ngôn từ mang tính tổng hợp gián tiếp (văn học) là cơ bản nhất. Cho nên việc phát hiện ra những *giác quan phi nghệ thuật* là đúng về cơ bản, nhưng có phần siêu hình tính tại. Nguyên nhân sâu xa là vì quan niệm của Hegel bắt nguồn từ truyền thống phân tích lý tính của triết học phương Tây, nhưng "ngoài trời lại có trời", triết học cổ đại phương Đông thiên về trực cảm tổng hợp, cho nên lại hé mở ra được chân lý khác. Như Phật giáo cho rằng không phải chỉ là ngũ quan, mà là "lục căn" gồm tai, mắt, mũi, lưỡi, thân, ý. Hai cái sau tương ứng với thân xác và tâm hồn. Sáu cảm quan này tương giao với nhau, cho nên có thể "vô mục nhi kiến" (không mắt vẫn thấy) "vô nhĩ nhi thính" (không tai vẫn nghe), "phi tỵ văn hương" (không mũi vẫn ngửi được mùi hương), "dĩ thiết tri vị" (không phải lưỡi cũng biết được vị), bởi vì "tỵ lý âm thanh" (trong mũi có âm thanh), "nhĩ trung hương vị" (trong tai có hương vị), "nhân trung hàm đạm" (trong mắt có mặn nhạt), "thiệt thượng huyền hoàng" (trên lưỡi có đen tím vàng). v.v... Nghe hơi phi lý, nhưng có căn cứ, ngay ở phương Tây. Baudelaire chẳng đã rất nhấn mạnh: "Hương thơm, màu sắc, âm thanh tương giao lẫn nhau". Như thế là có sự tương thông giữa khứu giác với thính giác và thị giác rồi! Không phải chỉ tương giao mà còn chuyển hoá nữa cơ! Mà điều này cũng chả cần viện dẫn đến triết gia và nghệ sĩ thế giới làm gì. Bởi vì nó quá ư phổ biến ngay trong lối nói thông thường của ta: "Nghe lạnh ghê", "Thấy ngọt quá", "Nghe thơm thật", "Thấy sâu sắc lắm" v.v... nghĩa là có chuyển hóa rất tự nhiên, giác quan



Trích diễm thi tập là bộ sách được biên soạn xong vào năm Hồng Đức thứ 28 (1497), khép lại cả một thời kỳ dài sưu tập thơ văn Lý - Trần từ Phan Phu Tiên với Việt âm thi tập đến Dương Đức Nhan với Tinh tuyển chư gia luật thi. Trích diễm thi tập xưa nay từng được đánh giá rất cao, tác giả Hoàng Đức Lương đã có công tìm kiếm, lưu chép cho hậu thế đến 15 cuốn (trên thực tế chỉ còn 6 cuốn) về thi ca các triều đại trước Lê sơ.

này có thể cảm thấy được đối tượng của giác quan kia. Cũng cần lưu ý thêm rằng văn học là loại hình nghệ thuật phi vật thể, chất liệu của nó là ngôn từ với tư cách là ký hiệu của vật chất, chứ không phải bản thân vật chất. Cho nên ngay đến các giác quan nghệ thuật chủ yếu như thị giác, thính giác cũng tỏ ra không đủ dùng với văn học. Đọc những câu thơ có thanh âm, cảnh sắc hẳn hoi như "Mục đích nhất thanh thiên nguyệt cao" của Nguyễn Trãi, thật ra có trực tiếp nghe thấy tiếng sáo của mục đồng và vắng trăng vươn lên trời cao gì đâu? Tất nhiên rồi cũng nghe thấy được cả, nhưng ít nhiều phải qua óc tưởng tượng. Đã tưởng tượng thì cái gì mà không hiện lên trong đầu óc được, còn hay dở, thiếu đủ là chuyện khác. Tưởng tượng là giác quan mang tính chất tổng hợp gián tiếp, rất tương thích với sáng tác và thưởng thức văn học. Cho nên hiện tượng cảm giác tương giao là tất yếu và phổ biến nhất trong sáng tác văn học cổ kim đông tây, xưa nay Tây Tàu đều thế cả.

Nhưng đây là đang bàn về thi học, nghĩa là không phải vấn đề nghệ thuật mà là vấn đề khoa học về nghệ thuật với những khái niệm phạm trù cơ bản của nó. Khác với phương Tây, các khái niệm, phạm trù thi học cổ điển Trung Hoa thiên về tư duy kinh nghiệm, rất chú ý đến vai trò của trực giác, trực cảm. Đã trực giác, trực cảm nghĩa là làm sao có thể cảm thấy ngay được cái điều cốt lõi của đối tượng, thì ắt hẳn phải huy động tổng hợp đến mức tối đa có thể được chức năng của tất cả các loại giác quan. Chính từ đây mới xuất hiện vai trò đáng kể của các giác quan "phi nghệ thuật" với những khái niệm có thể hình dung việc *ngủ, ném, sờ vào* văn thơ theo một nghĩa nào đó. Tất nhiên khái niệm phạm trù lý thuyết gì rồi cũng phải có căn cứ trong sáng tác.

Trước hết, về chuyện *ngủ văn* thì khá phổ biến ở Trung Quốc, như truyện *Ty vân*

lang của Bồ Tùng Linh kể về một hòa thượng mù có biệt tài ngửi các bài văn sau khi đốt đi, thì biết hay dở thế nào. Hai chàng nho sinh trước khi đi thi đều đến thỉnh giáo hòa thượng. Chàng Vương thông minh tuấn tú đốt văn của mình trước, hòa thượng liền bảo: "Văn của anh ban đầu là có học của các bậc đại gia, tuy không giống hẳn, nhưng cũng là tương tự... Có thể đỗ được đấy". Còn chàng Dư đốt nát mà khoác lác liền đốt theo, nhưng vừa châm lửa, thì hòa thượng lập tức ngăn lại: "Thôi đừng đốt nữa! Không ngửi được, bắt ngửi thì tắt thở mất, đốt nữa thì sẽ nôn ọe ra hết!". Ấy thế, nhưng khi trường thi yết bảng thì Dư đỗ cao, còn Vương lại hỏng! Hòa thượng liền than thở mà rằng: "Ta tuy mắt mù, nhưng mũi không mù. Còn quan khảo thí thì mũi lại mù". Hẳn đây là điều cảnh báo cho muôn đời! Sáng tác sâu sắc như thế, mới mở đường cho việc khái quát lý thuyết được. Đọc câu thơ của Lý Bạch: "Thiên hương sinh hư không" (Hương trời bay ra từ hư không), người đời Tống cho rằng "Vị nghi trong thẳng cảnh yên tĩnh có khí tự nhiên trong trẻo nên gọi là hương trời". Nói rộng ra cả thơ Thịnh Đường, thì Viên Trung Đạo đời Minh nhận xét chung là "Xem thì có màu sắc, thắt lại thì có thanh âm, ngửi thì có hương vị". Người đời Thanh lại mở rộng, nâng cao lên thành châm ngôn: "Học thơ của người xưa không phải ở câu chữ, mà là ở *hương vị*. Câu chữ chỉ là phách, *hương vị* mới là hồn". Nói chung đời Thanh có xu hướng đột xuất hương vị của thơ văn. Tiền Khiêm ích lập luận rằng thơ ca "đốn tích thần minh, đào thải ô uế... là *hương vị* giữa đất trời". Chính vì thế ông đã nêu ra khái niệm *Ty quan* (quan sát bằng mũi) bởi vì "nhân quan", "mục quan" là quan sát bằng mắt thì không thấm được hương vị: "Tôi bỏ qua mắt mà dùng mũi, cốt để ngửi không cần nhìn. Phẩm cấp của thơ cũng giống với hương vị có thượng, trung, hạ... Cảm được thanh sắc, hương vị, mũi đều kiêm nhiệm được cả, đây là cách xem thơ tiện lợi nhất".

So với hương thơm từ khứu giác, thì mùi vị từ vị giác lại càng phổ biến trong thi học cổ điển Trung Hoa. Tất nhiên cũng như hương thơm, mùi vị ở đây không phải theo nghĩa thông thường, nó đã chuyển nghĩa, nhằm chỉ cái gì hay ho, hấp dẫn, diệu kỳ toát ra từ phẩm chất thẩm mỹ với nhiều sắc thái khác nhau của tác phẩm. Chúng ta bắt gặp ở đây hàng loạt khái niệm: *tư vị, phong vị, vận vị, thiên vị, tinh vị, thanh vị, chí vị, đặt vị, di vị, dư vị*, thậm chí cả *vị ngoại chí vị* (vị ở ngoài vị).v.v... Nó tồn tại đấy, nhưng rất khó giải thích rạch ròi. Nói như Vương Sĩ Trinh đời Thanh, nó nằm giữa "khả giải và bất khả giải... không giải thích được thì *vô vị*. Mà giải thích được thì *hết vị*". Đặc biệt là khái niệm *vô vị chí vị* (mùi vị của cái vô vị). Nó tổng hợp mọi vị, cho nên không còn (vô) mang một mùi vị cụ thể nào, nhưng lại làm nên được một mùi vị mới chưa từng có. Điều Xuân có giải thích: "Trong thức ăn vốn có các thứ chua, mặn, ngọt, đắng, mỗi thứ đều không thể vượt qua được mùi vị của mình, nhưng người giỏi chế biến đều làm cho các mùi vị ấy không còn nữa (vô vị). Các loại thuốc nóng, lạnh, lành, dữ, đều không thể tự mất đi cái tính chất của nó, nhưng thấy thuốc giỏi có thể làm cho chúng mất đi những tính chất đó (vô tính). Mây gió trăng sương, cá, sâu, cây, cỏ đến nhân tình thế thái gửi gắm trong các vật ấy đều không vượt qua gốc tích của nó, nhưng người hay thơ dùng đến đều có thể làm cho chúng trở nên vô tâm tích. Ba việc

khác nhau này đều kỳ diệu là vì sao? Nấu được thức ăn vô vị, chế được bài thuốc vô tính như thế là rất quý, rất hiếm, và làm được loại thơ vô tâm tích là thần vậy". Thi học cổ điển Trung Hoa thường đề cao cái mùi vô vị này, cho nó là *chân vị* hay *đạm vị* (vị nhạt): "Đạm trung hữu vị, vị chân vị" (Trong nhạt cũng có mùi vị, đó là *chân vị* vậy). Tất nhiên vị nhạt cũng có nhiều loại: *binh đạm, xung đạm, giản đạm, cổ đạm, đạm phác, đạm viên*.v.v... Nhưng cái chung nhất của *đạm* (nhạt) là ôn hòa thanh nhã, chứ không phải nhạt nhẽo. Ở đây có mối quan hệ biện chứng giữa *đạm* (nhạt) với *nóng* (đậm, mặn) như Viên Mai có nói: "Thơ thích nhạt, chứ không thích đậm, nhưng là cái nhạt sau khi đã đậm". Như thế *nhạt* ở đây không phải là hơi hợt, dễ dãi, mà là thâm trầm sâu sắc. Cho nên Hứa Tứ Tôn mới tổng kết: "Thơ cổ làm mặn nồng quá lại rất mong manh, mà nhạt lại dày dặn hơn".

Về mặt xúc giác, thì trong thi học cổ điển Trung Hoa thường xuất hiện những khái niệm như *cứng* với *mềm*, *thô* với *tinh*, nhất là *nóng* với *lạnh* như Lưu Hy Tải nói: "Trong *câu lạnh* có *chữ nóng*, trong *câu nóng* có *chữ lạnh*" (Lãnh cú trung hữu nhiệt tự, nhiệt cú trung hữu lãnh tự).v.v... Nhưng nhìn chung nếu những khái niệm mang tính chất khứu giác và vị giác xuất hiện nhiều hơn trong lý luận thơ, thì những khái niệm mang tính chất xúc giác lại xuất hiện nhiều hơn trong lý luận kịch và tiểu thuyết. Nhà lý luận kịch Lý Ngư có nhận xét rằng vì bản tính con người thích vui nhộn ồn ào nên nhiệt cho nên "kịch bản mà *lạnh* quá, thì sẽ làm cho người ta sinh chán... làm sao bên ngoài có vẻ *lạnh*, nhưng bên trong phải cực *nóng*... *nóng trong lạnh* hơn hẳn *lạnh trong nóng*". Về tiểu thuyết, thì có ý kiến phân loại thành hai loại *lạnh* và *nóng*: "*Tiểu thuyết lạnh* với những ấn tượng khó luận bản làm cho người ta nghĩ hoặc; *tiểu thuyết nóng* làm cho con người trở nên trang nghiêm túc mà khoái chí có thể khẳng khái tuốt kiếm chém đất" (Đọc mẫu đại trùng tiểu thuyết).

Thế nào là hương, là vị, là nhạt đậm, là nóng lạnh.v.v... trong văn thơ chỉ có thể phải bàn thảo đảo trong rất nhiều dịp khác, ở đây chỉ cốt nêu lên vai trò của các giác quan" phi nghệ thuật "trong việc hình thành một số khái niệm trong thi học cổ điển Trung Hoa. Mà điều này nói đến cùng cũng là vì để hiểu thêm văn học cổ Việt Nam từ hai mặt sáng tác và lý luận. Về mặt sáng tác, thì hiện tượng này quá phong phú, chỉ cần nhắc đến một câu thơ của Nguyễn Trãi: "Câu thơ hay có hương thơm của hoa chỉ, hoa lan" (Giai cú chỉ lan hương). Đó là thơ, còn làm sao quên được truyện *Ngủ văn* kể một anh mù mà mới cảm sách lên đã biết ngay đây là *Tây sương ký* vì ngửi thấy có mùi phấn son, còn kia là *Tam quốc*, vì có mùi binh đao. Nhưng khi thấy tú nọ đưa văn của mình ra, anh ta liền bảo: "Văn của thấy chứ gì?". Thấy tú hỏi: "Sao biết?". Anh ta liền đáp: "Nghe có mùi thum thum!".v.v... Nhưng có phần đáng quý hơn là về mặt lý luận, ông cha ta dường như vô tình mà cũng đã ý thức được điều này, song không cực đoan mà đều coi trọng cả hai loại giác quan nghệ thuật với phi nghệ thuật trong việc bình luận cái hay, cái đẹp của thơ văn. Hoàng Đức Lương viết: "Về thơ, người xưa hoặc ví như gió chả, như gấm thêu. Gió chả là vị ngon nhất trên đời, gấm thêu là sắc đẹp nhất trên đời, hễ ai có miệng có mắt đều biết quý trọng, không dám khinh thường. Nhưng với thơ, thì lại là *sắc ở ngoài mọi sắc*, *mùi ở ngoài mọi vị*, miệng thường không thể nếm được" (Tựa Trích diễm thi tập).■

NGHỆ THUẬT



MỘT NỮ NGHỆ SĨ ĐIỀU KHẮC TÀI HOA

TRẦN THỊ QUỲNH NHƯ



Nghệ sĩ điêu khắc Nguyễn Thị Kim

Đó là nữ điêu khắc đầu tiên của Việt Nam - Nguyễn Thị Kim (1917-2011). Sinh thời, bà luôn nhắc đến một kỷ niệm sâu sắc trong cuộc đời và sự nghiệp sáng tác của mình. Vào tháng 5-1946, bà cùng họa sĩ Tô Ngọc Vân, Nguyễn Đỗ Cung được Hội Văn hóa cứu quốc cử vào vẽ và nặn tượng Bác Hồ, chuẩn bị cho triển lãm Mỹ thuật. Đã hơn nửa thế kỷ, bà vẫn nhớ như in giây phút xúc động đó, và như vẫn lặng đi trong niềm vui, niềm vinh dự được gặp Bác, với nỗi lo khi nhận nhiệm vụ mới. Nhớ lại lúc mang giá nặn và thùng đất lúng túng chưa biết đặt vào đâu, Bác đã gọi người mang đến một chiếc chiếu để đặt dụng cụ làm việc. Rồi Bác hỏi rất thân mật: "Mẫu phải ngồi thế nào đây?"; "Hôm nay mẫu ngồi thêm giờ phải có bồi dưỡng đấy nhé"... Lúc bà lúng túng vì sợ các dụng cụ điêu khắc chạm vào Bác, Người ôn tồn nói: "Cố gắng đi, cứ đo chừng ngại. Không đo, làm không được thì hỏng việc"; hoặc "Lúc nào làm việc cũng phải mang đủ thứ như thế này à? Thế ra làm công tác văn nghệ cũng nặng nhọc và vất vả nhỉ"; hay "Cô Kim không biết hút thuốc thì Bác mời ăn kẹo". Ngày ngày, trước khi các nghệ sĩ làm việc xong, chuẩn bị ra về, Bác đều xem lại tranh, tượng. Người góp ý: "Này, hai tai Bác không đều nhau đâu, bộ râu thế mà khó đẩy nhỉ, hãy xem người Ai Cập xưa họ thể hiện râu ra sao?"... Hơn hai mươi ngày, mỗi ngày hai giờ được gần Bác, nặn tượng Bác giờ đây đã trở thành kỷ niệm, song cái thần thái vĩ đại, giản dị của Chủ tịch Hồ Chí Minh đã in sâu vào tâm khảm của Nguyễn Thị Kim - vì để tài về Bác Hồ là để tài lớn, và cũng là công đóng góp của người nghệ sĩ với nền điêu khắc Việt Nam.

Tại phòng Triển lãm Mỹ thuật Tháng Tám, khai mạc ngày 18 - 8 - 1946 tại Thủ đô Hà Nội, nhân kỷ niệm một năm Cách mạng Tháng Tám thành công, nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa tròn một tuổi; bức tượng *Chân dung Hồ Chủ tịch* của Nguyễn Thị Kim được đặt tại vị trí trang trọng. Nhà điêu khắc thể hiện Bác Hồ đang trong tư thế đọc sách (họa sĩ Tô Ngọc Vân vẽ Bác đang ngồi viết, họa sĩ Nguyễn Đỗ Cung vẽ chân dung)... Tác phẩm của nữ điêu khắc Nguyễn Thị Kim tuy chưa nhiều để đại diện cho ngành điêu khắc hiện đại Việt Nam còn quá non trẻ, nhưng đã thể hiện những bước tiến của điêu khắc - "Một bước tiến thứ nhất trên con đường xa vút mà hội họa đã vượt qua được nhiều chặng ..." (Nguyễn Văn Tý - Tạp chí Tiên phong của Hội Văn hóa cứu quốc Việt Nam - số 24, trang 23).

Sinh ra và lớn lên tại Hà Nội, tuổi thơ của Nguyễn Thị Kim gắn bó với phố Hàng Gai - một trong những phố buôn bán cổ của Hà Nội. Bà thích vẽ từ nhỏ, người cha chính là người thầy đầu tiên nhen nhóm trong tâm hồn bà lòng đam mê nghệ thuật. Lúc thiếu thời, bà cũng được tiếp xúc với họa sĩ Lê Thị Lựu (nữ họa sĩ đầu tiên của Việt Nam - khóa III, trường Cao đẳng Mỹ thuật Đông Dương 1927 - 1932). Ước mơ được vào trường mỹ thuật là niềm khát khao cháy bỏng của cô thiếu nữ trẻ đất Thăng Long (hồi đó, phụ nữ theo học mỹ thuật rất hiếm, trong nhiều năm, trường chỉ thu nhận ba sinh viên nữ trong số 128 sinh viên tốt nghiệp từ năm 1925 - 1944). Năm 1937, Nguyễn Thị Kim học lớp dự bị trường Cao đẳng Mỹ thuật Đông Dương do thầy Nam Sơn phụ trách. Năm 1939, được tuyển vào chính quy cùng 11 sinh viên, và năm 1944, bà tốt nghiệp cùng các họa sĩ Nguyễn Sỹ Ngọc, Huỳnh Văn Thuận, Trần Đình Thọ, Phạm Văn Đôn, Nguyễn Trọng Hợp... trong số 12 sinh viên khóa XIII (1939 - 1944). Khi được hỏi tại sao bà theo một ngành nghệ thuật rất vất vả và xa lạ như thế, nhất là đối với phụ nữ thời bấy giờ. Bà mỉm cười trả lời: Đó cũng là bản khoán của các giảng viên trường Cao đẳng Mỹ thuật Đông Dương khi hỏi về nguyện vọng của tôi muốn theo học ngành điêu khắc. Nhưng vì từ thuở nhỏ, ấn tượng khi đi thăm đình chùa Việt Nam, ngắm những pho tượng, những bức chạm khắc, tôi rất thân phục các nghệ nhân cổ xưa; mặt khắc điêu khắc hiện đại thật mới mẻ, ít người theo học, nên tôi muốn thử sức mình...

Trong cuộc đời sáng tạo nghệ thuật, để tài Bác Hồ luôn chiếm một phần lớn sự nghiệp của Nguyễn Thị Kim. Bà đã tập trung nhiều suy nghĩ, đầu tư sức lực, tr

tuệ để thể hiện tình cảm đối với Bác và sáng tác khá đều đặn. Số lượng tác phẩm của bà nhiều lên theo năm tháng, tiêu biểu là tượng *Bác Hồ* (1946 - đồng, Bảo tàng cách mạng); *Bác viết Tuyên ngôn Độc lập* (1945, thạch cao); *Tiếp quản Thủ đô* (1958, đất nung); *Chân dung cháu gái* (1958 - đồng, Bảo tàng Mỹ thuật), *Bác Hồ ở Pháp năm 1930* (1978 - thạch cao);... Các bức phù điêu *Hạnh phúc* (1949 - chạm nổi thép vàng, Bảo tàng Mỹ thuật); *Luyện quân lập công* (1949 - sơn đắp); *Chiến thắng Điện Biên* (1953 - thạch cao, Bảo tàng Mỹ thuật); *11 cô tự vệ thành Huế* (1968 - thạch cao, Bảo tàng Huế)...

Các tác phẩm điêu khắc của Nguyễn Thị Kim thiên về tả thực, nghệ thuật không có những đột phá lớn, nhưng lại thuần phác một vẻ đẹp bình dị. Ngôn ngữ nghệ thuật lặng lẽ, không gồ ghề góc cạnh, không phô trương hình thức, qua vẻ bình thản bên ngoài của nhân vật, ta thấy nội tâm sâu lắng bên trong. Tác phẩm của bà tuy không có những bước chuyển đột ngột, nhưng qua các thời kỳ đã phản ánh những đổi thay của hiện thực Cách mạng, Nguyễn Thị Kim muốn bộc lộ một nhân sinh quan, một thế giới quan Cách mạng, góp phần xây dựng tư tưởng con người mới Xã hội chủ nghĩa, ghi lại dấu ấn thời đại của nền nghệ thuật vì nhân sinh, nền nghệ thuật của nhân dân lao động.

Cuộc đời nhà điêu khắc Nguyễn Thị Kim là cuộc đời cần cù lao động sáng tạo như con ong chăm chỉ tích mật cho đời. Đó là một trong những tấm gương điển hình của người phụ nữ biết kết hợp hài hòa giữa sự nghiệp và gia



Hạnh phúc (phù điêu sơn đắp)

đình. Niềm hạnh phúc của bà được tạo dựng nên cũng phải kể đến công lao của người bạn đời, bạn nghề cùng nhau song hành thủy chung, đó là họa sĩ Phạm Văn Đôn. Họ đã giúp nhau trong cuộc sống cũng như trong sự nghiệp, cùng nhau đi sáng tác tại Campuchia, Lào, Tiệp Khắc, Đức... cùng triển lãm chung năm 1979, 1986, 1988, 1993, 1997... tại Việt Nam, Ba Lan, Đức, Tiệp Khắc, Thái Lan... Ấn tượng về nhà điêu khắc Nguyễn Thị Kim, là ba điểm mấu chốt trong cuộc sống và sự nghiệp của bà: Đó là nữ điêu khắc gia đầu tiên, duy nhất của Việt Nam được đào tạo chính quy tại trường Cao đẳng Mỹ thuật Đông Dương; một trong những nữ giảng viên đầu tiên của trường Cao đẳng Mỹ thuật Việt Nam; và là nhà điêu khắc đầu tiên được vinh dự trực tiếp gặp và tạc tượng Chủ tịch Hồ Chí Minh.

Trải qua hơn nửa thế kỷ của nền mỹ thuật Cách mạng, điêu khắc Việt Nam hiện đại đã có những bước phát triển mạnh mẽ trong xu thế hội nhập, tiếp thu những tinh hoa nghệ thuật thế giới, hài hòa trong bản sắc văn hóa dân tộc. Điêu khắc với những triển vọng của các tài năng đã đưa Việt Nam có vị trí trong nền mỹ thuật thế giới. Mà trong đó, Nguyễn Thị Kim đã nắm một vị trí, một điểm son, là người góp viên gạch đầu tiên xây dựng điêu khắc hiện đại Việt Nam. Tác phẩm của bà góp phần ghi dấu một thời lịch sử Việt Nam qua chân dung các nhân vật, đặc biệt là hình tượng Chủ tịch Hồ Chí Minh, vị lãnh tụ thiên tài, nhà nhân văn lớn của thời đại. Tấm gương lao động sáng tạo của bà để lại cho hậu thế những hình ảnh tốt đẹp. Những bài học của bà được lớp học trò tiếp thu và đổi mới không ngừng. Năm 2000, một vinh dự lớn đã đến với nhà điêu khắc Nguyễn Thị Kim - bà được Nhà nước trao tặng "Giải thưởng Hồ Chí Minh về Văn học - nghệ thuật" - Đó là phần thưởng cao quý và xứng đáng nhất, dành cho người nghệ sĩ của Cách mạng, của nhân dân.■



Mẹ con (tượng gốm)

HOA SEN TRẮNG

Truyện ngắn của VŨ TUẤN HOÀNG

Tôi giật mình khi chợt nhận ra bức tranh đồ treo ở góc trên cao của phòng triển lãm, trong lòng nhói lên một nỗi buồn cay đắng, trạnh nghĩ đến cái hư vô của kiếp người. Lẽ nào, đã từng có một con người tồn tại trên cõi đời này, đam mê hội họa, yêu đến tận cùng của bản thể, rồi chỉ để cho gió xóa hết đi dấu vết của sự hiện hữu trong cõi nhân gian, ngoài một bức tranh lặng lẽ và khiêm nhường kia thôi sao?

Bà già trực ngồi bên chiếc đàn dương cầm cố đã lên nước bóng loáng, tóc bạc trắng như cước rất hợp với bộ đồ dân tộc Ukraine truyền thống mặc trên mình, nhắc nhở tôi đã đến giờ đóng cửa bảo tàng. Tiếng nói của bà rất khó nghe, phần vì giọng khàn phần vì pha trộn cả tiếng Nga và tiếng Ukraine như hầu hết những người già sinh sống ở vùng miền trung, dọc hai bên bờ sông Dnepr. Tôi vâng vâng dạ dạ nhưng vẫn nán nã chân chưa chịu rời bước khỏi vị trí của bức tranh mà tác giả của nó là bạn đồng học thuở trước. Đây là bức tranh duy nhất trong cả khu bảo tàng khác họa chân dung một người phụ nữ Á đông khóa thân. Góc bên trái bức tranh có gắn một miếng đồng nhỏ đã hạn gì với hàng chữ "???" (Hoa sen trắng tựa gốc Bạch Dương) - Evgheni Nikolaevich 1960-1991. Giải thưởng đặc biệt mang tên danh họa Repin.

Bức tranh như một đứa trẻ mồ côi được sinh ra trên cõi đời, kết tinh của một mối tình đầy chất bi. Có lẽ, khách tham quan không ai biết được rằng, chính người mẫu trong tranh mang cái tên Hoa sen trắng - Bạch Liên.

Tôi thần thờ bước ra ngoài sân và lại gần đài phun nước trong khuôn viên tràn ngập ánh nắng thu. Những chiếc lá phong vàng xoay tít trong không trung rồi đáp nhẹ xuống mặt nước xáo động vì làn gió thổi tới từ phía con sông rộng mênh mông chảy xuyên lãnh thổ vùng Trung Âu. Kỳ ức của quá khứ bỗng ào trở lại, nhưng không hiểu sao, các khuôn mặt thậm chí cả giọng nói của những con người có liên quan tới bức tranh kia cứ nhòe đi như những viên sỏi đủ màu sắc lung linh dưới đáy bể nước, vừa thực lại vừa hư ảo. Tôi lưỡng lự không biết nên bắt đầu từ đâu để gỡ dần sợi dây kỳ ức mong manh đang rối lên trong đầu...

II
Buổi học vẽ hình họa của thầy Igo bị hoãn. Nhóm sinh viên ngoại quốc chúng tôi mỗi người phỏng đoán một kiểu, nhưng cuối cùng mới vỡ lẽ: cô người mẫu bị chống thượng cẳng chân hạ cẳng tay, đánh thắm tím mặt mày khi biết vợ kiểm thêm bằng nghề này. Tôi nhớ, thời điểm đó để kiểm được một người mẫu có thân hình chuẩn cũng không phải dễ dàng vì thực sự đây không phải là một nghề được xã hội công nhận và tiền công lại rẻ mạt. Đúng suốt tám tiếng đồng hồ gần như liên tục mà chỉ được 50 rúp. Hơn nữa, dư luận xem nghề này cũng chẳng khác gì nghề gái điếm nên quy định của trường là phải giữ bí mật danh tính cho các người mẫu. Họ làm đủ các nghề từ công nhân xây dựng, nhân viên bán hàng, diễn viên múa và cả phu khuân vác ở bên cạnh đường sông... Trong lịch sử mỹ thuật, trừ trường hợp người làm mẫu là những nhân vật quan trọng, nổi tiếng thì mới được lấy tên đặt cho tên tác phẩm. Thỉnh thoảng có họa sĩ để tên người mẫu vào tranh, nhưng đa phần người mẫu mãi mãi vô danh. Thực tế sáng tác cũng cho thấy, trong các kỳ họa thi tác giả thường ghi chú cẩn thận mình đang vẽ ai, nhưng khi chuyển kỳ họa đó thành tác phẩm thì cũng thường "lờ" người mẫu đi. Với nghề làm mẫu khóa thân, không có đam mê và sự hy sinh cho nghệ thuật thì khó đạt được kết quả như mong muốn. Tác phẩm hội họa phải là đứa con của một mối tình say đắm giữa họa sĩ và người mẫu, phải là sự thăng hoa của cảm xúc, hay nói đúng hơn là ham muốn của họa sĩ với người mẫu trong quá trình sáng tạo.

Bọn tôi chia nhau đi dán quảng cáo ở dưới ga tàu điện ngầm, cổng các nhà máy và các khu chợ đông đúc... Cũng có vài người phụ nữ đến nhưng nghe điều kiện làm việc và tiền công họ đều nhún vai bỏ đi mặc dù đây là thời điểm Liên xô bắt đầu tan rã, đời sống rất khó khăn. Một cường quốc rạn nứt từ trên bàn ăn của mỗi gia đình.

Cuối cùng, người mẫu mà chúng tôi mong đợi cũng xuất hiện.

Zenhia (Tên gọi thân mật của Evgheni) một sinh viên lớn tuổi hơn lứa chúng tôi, tính tình cũng như điện mạo hơi kỳ quặc, có thể nói là lập dị, đã tìm ra, Nghe nói, anh thuộc loại du thủ du thực, lang bạt kỳ hồ khắp các xó xỉnh của Liên Xô rộng lớn: đã tham gia các toán người đào vàng ở miền tây Xibiri hoang vu, buôn trứng cá đen trên biển Bắc, vẽ tranh thánh giá cổ bản cho các thương gia Tây Âu... Và bây giờ, làm thêm nghề thợ sửa chữa trong nhà máy dệt may Zytomi cách Kiev hơn 100km. Anh thuê giá rẻ một căn gác xếp tối tăm trên phố Sadova để vừa trú chân vừa làm nơi vẽ, mùa hè thì nóng hầm hập còn mùa đông lại lạnh giá, chỉ vì hai lý do: cửa sổ mở ra toàn cảnh khu nhà thờ nổi tiếng Pechersky - Lavr bên bờ sông Dnepr và luôn luôn đón nhận được ngọn lửa sống động của ánh nắng mặt trời tràn ngập gần như suốt ngày. Tôi vẫn còn ấn tượng về những bức tranh mà anh vẽ hồi đó, rất quái dị và màu sắc có gì đó hơi rợn. Anh thích lấy bố cục tranh theo các tích trong kinh thành hoặc các truyện kinh dị, huyền hoặc từ truyền thuyết dân gian, tạo cảm giác vừa rợn rợn vừa bí ẩn và khó hiểu. Anh nói với tôi "đấy là cảm giác của con người trước vũ trụ vô cùng".

Lúc Zenhia dẫn cô người mẫu tới phòng vẽ hình họa thì tôi đang phải trả nốt bài kiểm tra môn lịch sử mỹ thuật cổ đại Y. Cậu bạn người Á rập vào sau, khi đi ngang qua chỗ tôi ngồi, nói khẽ:

- Có người mẫu rồi! Người mẫu phương Đông hẳn hoi nhé!

- Có xinh không? Tôi ngẩng đầu lên buột miệng hỏi

- Người mẫu khóa thân che mặt! Nói xong, cậu ta đi thẳng về chỗ ngồi. Còn tôi, mặc dù vẫn còn thời gian chuẩn bị nhưng đã hấp tấp giờ tay xin được trả lời câu hỏi.

Tôi đẩy cửa bước vào phòng vẽ hình

họa, bỗng chứng người lại, sững sờ trên ngưỡng cửa vì đập ngay vào mắt là thân hình tuyệt đẹp của cô người mẫu vóc dáng châu Á ở tư thế như đang lơ thiếp đi trong một giấc ngủ trưa nhẹ nhàng trên ghế xích đu đặt ở giữa gian phòng rộng. Mấy người bạn quay lại nhìn tôi, im lặng dùng ánh mắt và giọng một ngôn tay cái lên, ngấm bảo: "Tuyệt!".

Tôi gần như nín thở rón rén bước lại bên giá vẽ của mình, tay vừa ghim tờ giấy nhưng mắt không rời thân hình người mẫu. Trong đầu tôi bật ngay ra một câu Kiều: "Rành rành sẵn đúc một tòa thiên nhiên." Không biết cái thằng cha hâm hấp kia kiếm ở đâu ra? Tôi tự lẩm bầm trong bụng - Nhưng tại sao cô nàng lại choàng khăn voan che kín mặt đi như thế kia nhỉ? Chắc lần đầu tiên nên xấu hổ chăng? Thân hình thế kia, chắc khuôn mặt trông cũng khá đi đấy!

Quả thực, sự bí ẩn của người mẫu phương Đông và vẻ đẹp đầy nữ tính cứ lỏng lẻo tỏa ra từ da thịt cô khiến đám sinh viên chúng tôi bị cuốn hút, háo hức mãi mê vẽ quên cả thời gian, quên cả đói. Tôi đoán cô là người vùng Trung Á hay Triều Tiên gì đó. Tất nhiên, bộ ngực và các đường cong của eo hông rất chuẩn và quyến rũ nhưng bàn chân cô mới khiến tôi chú ý đặc biệt. Không hiểu sao, trong đầu tôi bỗng nảy ra một ước muốn được ôm ấp vuốt ve bàn chân thon nhỏ và rất quý phái kia, thậm chí được đặt lên đó một nụ hôn. Tôi giật mình đưa mắt nhìn ra xung quanh như sợ có ai đọc trộm được ý nghĩ trong đầu này của mình. Nhưng cả căn phòng rộng khá đông sinh viên của nhiều dân tộc cứ im phăng phắc, không ai nói với ai câu nào, chỉ nghe thấy tiếng bút chì chạy sột soạt trên giấy, thỉnh thoảng ai đó lỡ tay đánh rơi cây bút hay cục tẩy xuống sàn đá hoa. Có chàng, tiếng ồn chỉ của mấy chú ong đất kêu rí rí chúi đầu vào ổ cửa kính cao rộng. Cơ thể tuyệt đẹp của người đàn bà khóa thân quả là có một ma lực ghê gớm. Hình như, ai cũng cảm thấy cần phải tranh thủ từng giờ từng phút để lưu giữ lại hình ảnh một báu vật của tạo hóa, một kiệt tác mà ông Tạo chỉ may mắn làm ra được vào những khoảnh khắc xuất thần vô tình hiếm hoi trong quá trình vận động ngẫu nhiên của trời đất. Nói đơn giản hơn, có thể ngày mai, cô người mẫu kia lại từ chối không đến nữa vì nhiều lý do khác nhau.



Minh họa của TÔ CHIÊM

Và, quả đúng như vậy, ngày hôm sau, ngày hôm sau nữa, chúng tôi ngồi đợi dài cả cổ mà chẳng thấy cô quay trở lại. Mọi người ồn ào bàn cãi và nhanh chóng đi đến quyết định bỏ tiền túi mình ra để trả thêm cho cô. Nhưng rồi, ngày đến cả Zenhia cũng mất tăm luôn, suốt cả tuần. Thấy Igo tức giận, trợn tròn con mắt duy nhất và động chiếc nạng gỗ xuống sân nhà, quát ầm lên:

- Lớp trưởng tìm Zenhia xem có chuyện gì xảy ra, thật là vô tổ chức, vô kỷ luật!

Ngay sau giờ học, tôi tức tốc tới căn gác xếp của anh trên phố Sadova. Hành lang tối lờ mờ, chẳng có điện đèn gì cả. Một bà già tóc bạc trắng, khuôn mặt nhăn nhúm mở cửa thò đầu ra, nhìn thấy tôi vội thụt ngay vào. Tôi bước chậm và đứng lại trước cánh cửa bọc da màu nâu đã ngả màu bạc phéch. Những ý nghĩ không lành cứ lờn vờn trong đầu. Tôi ấn ngón tay trở mấy lần liền vào nút chuông màu trắng bị sứt một miếng. Cánh cửa vẫn im lìm. Hay cậu ấy không có nhà? Hoặc có nhà, nhưng có chuyện gì đó... Tôi không dám nghĩ tiếp nữa, vội quay lại chỗ bà cụ già vừa mở cửa để hỏi han xem có nhìn thấy người hàng xóm không.

- Tôi cũng không biết đâu, tại tôi bị điếc - Nói đến đây bà chỉ vào chiếc hộp công tơ điện treo bên cạnh cửa, phía trên cao sát trần nhà - Anh thử nhìn xem, công tơ có làm việc không?

Tôi thăm thăm phẩy đầu óc nhanh nhẹn của bà cụ nghiền ngẫm. Vì hành lang có gió lùa nên phải bật đèn que diêm thứ ba tôi mới nhìn rõ chiếc đĩa sơn màu đỏ. Tôi giật thót người, đánh rơi cả bao diêm xuống sàn. Chiếc đĩa đang quay! Có người trong nhà!

Tôi lại bấm chuông một lần nữa, giữ lâu hơn. Sau hồi chuông thứ hai thì từ trong nhà vọng ra tiếng bước chân loẹt quẹt kèm theo âm thanh của một vật gì đó bị đổ trên sàn nhà. Hình như là cái chai vì có tiếng lãn. Tôi cảm thấy như nhòm như trút được một gánh nặng khi nhận ra bước chân của Zenhia.

"Chắc bị ốm thôi - Tôi trộm nghĩ và không bấm chuông nữa mà đập cửa thỉnh thỉnh

- Mở ra ngay! Nhanh chân lên!

Tiếng mở khóa loạch xoạch và cánh cửa hé mở. Một luồng không khí nóng nực mùi rượu Vodka xộc ngay vào mũi khiến tôi giật mình bước lùi trở lại. Tôi ở lên một tiếng đấy kinh ngạc khi nhìn thấy khuôn mặt của ông bạn học hiện ra trong khoảng hẹp của khe cửa.

- Vào đi, sao còn... đứng.. đứng... được ra đây ...

Tôi hiểu Zenhia đang ở trong tình trạng say xỉn, giọng nói méo mó. Trên bộ râu quai nón rậm rì, ướt mềm vương đầy mẩu vụn bánh mỳ. Tôi đẩy mạnh cánh cửa ra và bước vào phòng. Một cảnh tượng bừa bãi bày ra trước mắt. Tôi bước tới bên cạnh chiếc giá vẽ và hiểu ra tất cả. Hàng chục bức kỳ họa chân dung treo la liệt trên tường, để trên bàn và cả dưới sàn nhà. Có gái được tái hiện ở nhiều tư thế khác nhau, trong phân xưởng may cũng như ngoài thiên nhiên. Tôi giật mình vì tiếng khóc nức nở của Zenhia ở sau lưng, lúc đầu nhỏ sau to dần và trở nên thống thiết như một đứa trẻ bị lạc cha mẹ.

- Cô ấy bỏ đi rồi!

- Cậu phải lòng người mẫu thì chẳng khác gì phải lòng gái làng chơi? - Tôi quay sang nói, giọng tỉnh bơ - Thật không thể ngờ nổi phản ứng của ông bạn sau khi tôi thốt ra câu nói trên. Zenhia chồm lên như một con thú bị trúng thương, hai tay giơ cao chiếc ghế đầu. Tôi vội lùi ra sau chiếc bàn để tránh và hiểu rằng chỉ cần mình trót lỡ lời thêm một câu tương tự thì chắc chắn khó có thể ra khỏi căn hộ này lành lặn và nguyên vẹn.

Zenhia văng ra một câu chữ thể và ném chiếc ghế vào bức tường đối diện mạnh đến mức bốn chân ghế văng ra mỗi chiếc một ngã.

Tôi đứng như trời trồng, mãi sau mới lắp bắp được mấy câu rồi rạc:

- Tôi... xin lỗi, tôi chỉ... ý muốn nói... không yêu cô này thì yêu cô khác, thiếu gì người trên đời...

Zenhia buông người ngồi phịch xuống chiếc đi văng cũ kỹ, mặt vãi bọc rách bươm, hai tay ôm đầu.

- Cậu im đi! Tôi không cần ai khác trên đời này, ngoài cô ấy!

Để tìm cách giảng hòa và làm dịu không khí căng thẳng, cái bản năng tình

khôn của người châu Á đã mách cho tôi lối thoát duy nhất và cũng khôn ngoan nhất. Tôi quay ra giúp dọn dẹp nhà cửa, cứ để mặc cho chủ nhà ngồi thừ ra trên ghế, mắt dính vào một điểm vô định ngoài cửa sổ. Sau khi căn phòng đã trở lại thoáng đãng, trật tự, tôi lảng lạng vào bếp nấu cơm. Lần đầu tiên, tôi được chứng kiến ở cự ly gần nhất sự đau khổ vì thất tình đã xô đẩy con người ta vào một tình trạng tuyệt vọng đến mức nào. Có lẽ, ông bạn tôi đã nhìn dói mấy hôm nay, chỉ uống rượu suông trừ bữa, nên ăn uống ngốn ngấu nhồm nhoàm, rất ngon miệng. Tôi chỉ im lặng, thỉnh thoảng gắp thêm thức ăn vào bát cho Zenhia. Tôi đã giấu chai rượu Vodka đi, mặc dù bất gặp ánh mắt tìm kiếm của anh. Hai chúng tôi ngồi ăn trong bếp, không ai nói với ai câu gì. Hoàng hôn đã buông xuống bên ngoài. Lác đác xuất hiện những ô cửa sổ sáng ánh đèn của tòa nhà đối diện. Đầu đó, vọng tới tiếng nhạc jazz, hình như từ tầng dưới. Tôi cũng hiểu rằng trong những trường hợp này, làm một thỉnh giả tốt bụng, im lặng, bao giờ cũng hợp lẽ hơn một diễn giả nhiều lời, bẻm mép với cái giọng an ủi dạy đời. Nỗi đau khổ nào cũng sẽ với đi nếu được thổ lộ ra như trích máu độc vậy. Và, Zenhia bắt đầu câu chuyện của lòng mình mà chẳng cần tôi phải gợi ý.

"Có lẽ vì mất mẹ sớm nên ngay từ nhỏ tôi đã luôn cảm thấy khao khát tình cảm của người phụ nữ. Cuộc sống mưu sinh kiếm tiền từ lúc mới 14 tuổi đã khiến tôi sớm trở thành người lớn. Những năm tháng đầu đời không mấy dễ dàng, ba chìm bảy nổi và thường xuyên phải thay đổi chỗ ở như dân Di-gan đã xô đẩy tôi chung đụng với đủ các hạng đàn bà của nhiều sắc tộc trên mảnh đất Liên Xô mà phần lớn tôi chỉ nhận được nỗi thất vọng và khinh bỉ. Đa phần họ đều tham lam và ích kỷ, chỉ cố gắng quy đổi tình yêu thể xác ra tiền và quà tặng. Song, ẩn sâu dưới đáy tận cùng của tiềm thức, tôi luôn luôn tìm kiếm người đàn bà duy nhất của cuộc đời mà hình ảnh mẹ tôi là mẫu mực, với khuôn mặt gầy gò, đôi mắt đượm buồn và bàn chân của Đức mẹ đồng trinh. Tôi không ngờ người phụ nữ mà tôi luôn tìm kiếm lại hiện diện trong hình hài của một cô gái Việt Nam, một nữ công nhân may nơi tôi làm việc."

- Cô ấy là người Việt? Tôi kinh ngạc thốt lên, nhưng cũng không giấu được vẻ tự hào, hân diện vì là đồng hương của người mẫu đáng thân phục không quen biết – Tại sao anh không nói cho tôi biết?

- Bạch Liên đã có chồng ở Việt Nam - Zenhia dừng lại một lát như ngẫm ngụ ý rằng quan hệ của họ là điều cấm kỵ - Chồng cô là thương binh nặng trong chiến tranh chống Mỹ. Trước khi sang đây hợp tác lao động, cô làm y tá trong bệnh viện thuộc tỉnh... Ben Tre (Zenhia rất khó khăn phát âm hai từ này và phải nhờ đến tấm bản đồ treo trên tường. Tôi đoán chắc, chỉ khi quen cô, anh mới tìm hiểu về đất nước Việt Nam). Cậu biết đấy, ở nhà máy dưới Zytomi có tới hàng trăm cô gái Việt Nam sang làm việc. Thoạt đầu, tôi không thể phân biệt được ai với ai, hình như họ đều có khuôn mặt giống nhau, mắt đen giống nhau và giọng nói cũng như tiếng chim hót vậy. Thế mà trong hàng trăm cô gái làm việc trong ba phân xưởng chuyên may hàng xuất khẩu, tôi lại để ý đến Bạch Liên. Không phải vì khuôn mặt có vết sẹo lớn do bom napan khi còn nhỏ mà vì... thân hình của một người mẫu, đặc biệt là đôi bàn chân, đôi bàn chân rất giống của mẹ tôi. Cậu cũng biết đấy, mùa hè ở đây nóng kinh khủng, nhiệt độ trong xưởng có khi lên đến bốn chục độ. Xưởng toàn nữ cả, nên các cô ăn mặc rất thoải mái. Có khi trên người chỉ khoác hờ một chiếc áo blu mỏng tang. Tình cờ một hôm, tôi nhận được giấy yêu cầu sửa chữa tại bàn máy số 13, một con số định mệnh. Tôi cúi lúi cúi xuống ngắm bàn máy để thay chiếc dây cuaroa và giật mình nhìn sang đôi bàn chân của cô thợ may. Ngay lúc đó, tôi đã phải thốt lên trong lòng: "Tuyệt tác!". Và, ánh mắt của tôi không kim giữ được cũng bạo dạn ngược lên trên cao hơn, để một lần nữa lảng đi vì thân phục. Mọi lần, thay dây của roa chỉ hết năm phút, thế mà lần này tôi lóng nga lóng ngóng phải mất gần nửa tiếng đồng hồ mới xong. Ở bên cạnh, đôi bàn chân ngọc ngà cũng cảm thấy sốt ruột, vẹo vọ bên này bên kia, dầm lên nhau như hai chú thỏ con đang nô đùa đánh vật. Các ngón chân hồng hào, thon mảnh ngọc

THANH THẢO

Những người bạn của Kim Đồng

Những người bạn của Kim Đồng
ngồi bán hương trước mộ anh
sau bảy mươi năm
những bà cụ già như núi đá
tóc không mấy trắng
da chẳng đổi mới
mà loang lổ đất thung Hà Quảng
nửa đen nửa nâu

ngồi bán hương
bên mộ người bạn thời chân trâu
Đến đi, bạn dùng năm mươi bốn tuổi
còn bạn của bạn chậm chạp lê cho hết vòng đời

bán hương ngày được dăm ba nghìn tiền lời
tiền ấy bạn cho, bạn đã chết
người chết nuôi người sống được sao ?

sao không được

mười hai giờ trưa
khô lên thẳng lưng còng xuống
nước mắt khô ngay trên mí mắt
cô lẽ do trời nắng quá.

* Liệt sĩ Kim Đồng tên thật là Nông Văn Dền

Hoa anh đào Jeju

Mịn như da mặt con gái
những cánh hoa chọt ửng hồng

không phải sakura Nhật Bản
anh đào JeJu tên but

không phải xe bus
không phải tên Tổng thống Mỹ

có lẽ gần với But, nhưng chưa hẳn
vì cái Đẹp vẫn có đường đi riêng của nó

ngất ngây
choáng

những cánh hoa rụng tươi nguyên
xếp lớp trên mặt đất

em nói: đó là những sinh viên chết cho nền dân chủ
ở đại học QuanZhu

chết trẻ như hoa anh đào

em nói: đó là linh hồn những người bị thảm sát
ở JeJu

lơ lửng một không gian anh đào

những cánh hoa
nhẹ
rơi
như
đá
trắng.

nguyệt thật đáng yêu. Bất chợt, ý nghĩ mới cô làm người mẫu lóe lên một cách lên lút ngay dưới gấm bàn máy, trong cái nóng ngọt ngào, nồng nặc mùi khét của dầu cháy máy bằng chuyển, quện với mùi mồ hôi hăng hắc, ngấy ngấy của thể giới đàn bà. Và thế là từ đó, tôi hành động giống như bác sĩ nha khoa vẫn thường làm, chữa chiếc răng này nhưng đã cảnh báo với bệnh nhân chiếc răng khác cũng cần phải sửa chữa vì có vấn đề. Không biết từ lúc nào, niềm vui của tôi suốt cả ca làm việc chỉ bó gọn lại trong khoảng thời gian và không gian ba mét vuông xung quanh bàn máy số 13. Cậu có biết, tôi tỏ tình bằng cách nào không? Zenhia đặt câu hỏi, rồi không đợi tôi trả lời, tiếp luôn – Cũng trong một lần có "sự cố" máy móc dưới gầm bàn, tôi đã liều mạng đặt một nụ hôn lên bàn chân đó và kết quả là nhận được một cú đá đau điếng vào ngực. Nhưng kinh nghiệm đời từng trải đã tạo cho tôi đức tính lý mặt. Rồi, nụ hôn thứ hai, thứ ba...và đôi bàn chân đó cũng thay đổi dần thái độ. Từ một củ đá, rồi chuyển sang vùng vàng, né tránh và cuối cùng là để yên như hai chú thỏ con thiếp đi trong

Đồng Tháp Mười

Bàn tay mùa mưa nặng nặng
triu vai tôi
bập bõm trong sương
những cây tràm lội về rặng đồng
chiếc xuống và bóng tôi
trôi vô tận
bóng diên điển nụ cười vàng mắt ngủ
cá rô tấp ánh mặt trời
còn tôi ngầu nghiêng nhai
đồng nước phèn lạnh ngắt
im lặng nên
thành khối
tôi chột xộp
hút mệnh mang
những cái nhìn lơ ngơ của cỏ
những viên sỏi của cá
bầu trời xanh phát sợ
bấy giờ phải bám xuống giao liên
nhưng hồn tôi lạc
trên một bóng diên điển
lướt lách qua những cú đập
lách chạch
trôi nhưng nặng
che chở tôi những cỏ nân cỏ lác cỏ bàng
he he mắt liếc bầu trời thăm họa
vô tư đi tôi vô tư đi cỏ
chúng mình là anh em
cùng hiến thân cho đêm tù mù không trực thăng
cùng ngủ vùi mơ về nhà mình
cha mẹ cỏ ở đâu
cha mẹ tôi thăm thẳm
chúng mình không lợi dụng ai chẳng muốn ai lợi dụng
cỏ ngai ngái mùi thôn nữ
cỏ thúc những miến thân thể
từ lâu ngủ quên
cỏ cồn cào giấc mơ tái sinh
những đám lửa đốt đồng.

Có những lúc

"Hạt mưa thì quả nặng
Nghe ngào trong giếng xưa"

(NGUYỄN KHOA ĐIỂM)

Có những lúc chân như con gián
anh lặng nhìn cây mai
mọc bình thường rễ trong đất ngọn lên trời
miễn uốn éo
cây mai cũ như lời hứa
ngày cha mẹ thành duyên
chiếc nhẫn đính hôn là một bình vôi
màu gan gà

cha mẹ không sống mãi với anh, trừ cây mai và bình vôi
thanh thân
mỗi mùa xuân hoa vàng vôi trắng
trời xanh đất nâu

như người thân chưa gặp đã lâu
anh vô nhà chào bình vôi ra ngoài sân chào cây mai cổ
chợ lớ ngớ như đứa nhỏ
quên mặc áo mồi đôn xuân về.

một giấc ngủ ngon, dưới những cái vuốt ve âu yếm của bàn tay người chăm sóc...

- Sao cô ấy lại đồng ý tới làm người mẫu? Tôi sốt ruột cắt ngang, hỏi bằng một giọng hơi sỗ sàng.

- Vì cần tiền. Chồng cô phải mổ tim rất tốn kém. Tôi cũng dồn cả những đồng tiền ít ỏi còn lại của mình để giúp. Nhưng cuối cùng vẫn không cứu được. Chồng Liên đã qua đời. Cô vội vã trở về Việt Nam với tâm trạng dằn vặt bởi mặc cảm chính mình có lỗi trong cái chết của chồng. Tôi đã quỳ xuống cầu xin cô ở lại, người chết rồi không thể sống lại được, nhưng cô ấy vẫn kiên quyết ra đi. Phụ nữ phương Đông thật bí ẩn, không thể hiểu nổi ...

Kể đến đây, Zenhia úp mặt vào hai lòng bàn tay lấm lem màu vẽ. Không còn nghe thấy tiếng khóc nữa mà chỉ thấy những giọt nước mắt hòa với thuốc vẽ màu đỏ như máu rỉ qua kẽ ngón tay, lăn dài theo cánh tay gầy gò và nâu sạm của anh. Tiếng nấc khô khan, đứt quãng của một người đàn ông đau khổ trên nền ánh hoàng hôn chập choạng, trong một căn bếp chật chội ám mùi khét của dầu hướng dương hôm

đó, đã lý giải cho tôi thế nào là nghệ thuật chân chính. Đó không chỉ là Cái đẹp thuần túy mà còn phải thấm đẫm nỗi xót xa động lòng trắc ẩn của kiếp nhân sinh.

III
... Tôi gặp Zenhia lần cuối trước khi lên đường về nước mấy ngày, ngay cổng trường Mỹ thuật. Tôi nhớ, cũng vào mùa thu, anh khoác chiếc áo thể thao màu xanh da trời, gương mặt trông xanh xao, tóc để dài búi ra phía sau. Anh bắt tay tôi thật chặt và chúc lên đường bình an.

"Sau bức tranh đó, tôi cảm thấy không thể vẽ tốt hơn được nên tạm gác bút. Và, cũng có thể là mãi mãi". Đó là câu cuối cùng tôi được nghe từ miệng một người anh, một nghệ sĩ đã có ảnh hưởng không nhỏ đến con đường sáng tác của tôi sau này.

Mấy năm sau, qua thư từ của bạn bè, tôi được biết anh tình nguyện đăng lính thuộc lực lượng gìn giữ hòa bình quốc tế trong cuộc chiến tranh ở Chechnya và tử nạn ngay ở ngoại ô thủ đô Grozny khi chưa đầy ba mốt tuổi đời, tay vẫn đang cầm cây bút chỉ cho một phác thảo ký họa chiến trường dở dang.■

HỒI ÂM TRUYỆN NGẮN DỰ THI

MỘT TRUYỆN NGẮN DỮ DỘI VÀ ÁM ẢNH

(Về truyện ngắn "Đêm hoả châu" của Nguyễn Hiệp, Văn nghệ số 17 + 18 ra ngày 28- 4 -2012)

NÓI "Dữ dội và ám ảnh" vì tình huống truyện, cái xấu và cái đẹp, cái bi và cái tráng, mọi trạng thái xúc cảm "ái, ố, hi, nộ" của nhân vật (và của cả độc giả), rồi thiên nhiên trong truyện... tất cả đã được đẩy lên và mang "kích thước" lớn.

Tên truyện là "Đêm hoả châu" nhưng chỉ một phần ba truyện miêu tả cái đêm chiến tranh ấy, hai phần ba còn lại là kể chuyện 37 năm sau. Tuy nhiên cái kí ức về "Đêm hoả châu" vẫn ám ảnh hiện tại và chi phối số phận của các nhân vật.

Truyện mở đầu bằng một đêm kinh hoàng của chiến tranh. Nhân vật chỉ có hai: mẹ và con (thằng Sa) trong hầm trú ẩn. Người mẹ luôn thay đổi tư thế để che chắn cho con. Hầm sập, mặc dù bị thương bà vẫn vồng lưng lên chống đỡ cả tấm ván dày rất nặng lệch nghiêng bên trên cho đến khi kiệt sức, mặt máu me nhầy nhụa, đôi tay chống đỡ run run, suýt quy xuống dưới sức nặng của tấm ván nhưng bà vẫn cố gắng sức che chở cho đứa con trai bé bỏng. Bà sẵn sàng lấy tính mạng của mình để bảo vệ sự sống cho con. Hình ảnh người mẹ ở đây thật bi tráng: vừa đau thương vừa vạm vỡ cao cả. Bà như một tín đồ sẵn sàng "tử vì đạo", xả thân để "cứu nạn". Hình tượng người mẹ ấy làm xúc động sâu xa trái tim, gây nên những "cú sốc" thẩm mĩ cho người đọc.

Truyện thật dữ dội và ám ảnh. Có gì dữ dội hơn khi tác giả miêu tả chiến tranh qua đôi mắt kinh hoàng của trẻ thơ. Thấy mẹ bị thương và trong tình thế hiểm nguy, thằng bé "giật bắn, khiếp đảm, môi đánh lập cập, chân tay run lập cập, tâm hồn nhỏ bé của nó muốn vỡ vụn ra." Nó kêu cứu "tiếng nó gào lên xé rách màn đêm". Đứa bé, nạn nhân của chiến tranh đã bị chấn thương tinh thần ghê gớm.

Có gì ám ảnh hơn khi bao nhiêu năm sau, kí ức kinh hoàng về chiến tranh như một cơn ác mộng vẫn trở đi, trở lại với mẹ con Sa. Có hai chi tiết đã được lặp lại nhiều lần như một thủ pháp nghệ thuật diễn tả nỗi ám ảnh không nguôi đó. Chi tiết thứ nhất: mẹ Sa, lúc tuổi

già đã lần mỗi lần giặt mình lại lấm lấm thêu thảo: "Chưa chắc... chưa chắc...đầu...con" (chi tiết này được lặp lại đến 6 lần trong truyện). Rồi đến thằng Sa bị "chia trí" bởi câu nói mê sảng của mẹ, cũng có lần buột miệng "chưa chắc... đầu...con". Chi tiết thứ hai: tiếng kêu "ki ri, ki ri" của con để nằm xư trong hầm, tiếng kêu "bi ai, buồn thảm" ấy, 37 năm sau lại như một sự nhắc nhở kinh hoàng, như một tiềm thức vang lên trong đầu Sa (chi tiết được lặp lại tới 13 lần) làm nhân vật sống không bình an.

Sau cái đêm khủng khiếp, người mẹ đã mang thương tật suốt đời: "vết sẹo xếp nếp hẳn một đường từ đỉnh đầu xuống trán", "tấm lưng tật nguyên co rút cong vồng", đi đâu khuôn mặt cũng "đi sát xuống mặt đất".

Nhưng truyện "dữ dội" không chỉ ở những đoạn miêu tả chiến tranh mà cơ bản vì những xung đột tâm lí, vì số phận của nhân vật.

Truyện có ba cái kết ứng với ba thằng Sa ở 37 năm sau.

Người đọc sốc khi "chứng kiến" những thằng Sa báo hiếu mẹ. Một thằng Sa thường dân phân công em: mỗi người nuôi mẹ một tháng. Thế là mẹ hẳn "con vồng, lợm khom và nhỏ thó", "bao nhiêu năm nay mong một là ngày xách gói của bà, mưa gió cũng phải đi, bão bùng cũng phải đi". Một thằng Sa là nhà văn tên tuổi "hắn thành công vang dội trên văn đàn nhờ khai thác đề tài người mẹ trong chiến tranh". Nhưng mĩa mai thay hắn đã để mẹ "chết thảm thương vì nghèo đói, bệnh tật và cô đơn, cô độc" trong khu vườn xưa. Một thằng Sa "đại gia tộc phú" nổi lên nhờ nghề cò lái bất động sản chuyên nghiệp "không biết làm gì cho hết tiền của trong khi mẹ hắn lại lang thang cầu bất cầu bơ".

Một người mẹ từng vì con như thế giờ đây có số phận thật đáng thương. Những cái "kết" truyện thật "dữ dội" ngoài sức tưởng tượng của người đọc.

Nhưng những thằng Sa ích kỉ, ăn ở bạc, bất hiếu, vong ân bội nghĩa đó đâu được sống thanh thản. Bị

lượng tâm cắn rứt, chúng luôn trong tâm trạng day dứt, trong mặc cảm tội lỗi. Cái thằng Sa phân công nuôi mẹ ấy luôn luôn thấy "có cái gì bất yên tận tâm can"; hắn "kinh tởm cái giọng hùng hồn của mình trong cuộc họp gia đình"; nhìn mẹ mong một xách gói ra đi, hắn không dám mở mồm chào mẹ... Còn cái thằng Sa nhà văn khi "cánh cửa của trí nhớ vừa mở ra đầu đó" thì "linh hồn thứ hai đã thức dậy trong hắn", đưa hắn về với kí ức xưa. Hắn không thể vô tình, vô tâm với thân phận đáng thương của mẹ. Trong hắn "cái linh hồn thứ hai thức dậy" đã "đé bẹp hẳn xuống, vật vờ hẳn"... Hắn đã phát điên. Đây cũng là một sự quả báo.

"Đêm hoả châu" đọc thật hấp dẫn. Ngoài cốt truyện, số phận nhân vật thì "cách viết" của tác giả cũng gây ấn tượng trong lòng người đọc. Để viết về một câu chuyện "dữ dội" ấy, Nguyễn Hiệp đã chọn một "giọng kể" và "nhịp điệu truyện" thích hợp. Đó là giọng kể có phần lạnh lùng, hết sức kiệm chể. Tác giả biết giấu cảm xúc của mình dưới lớp ngôn từ được chăm chút giàu sức biểu cảm. Nhịp điệu truyện nhanh, linh hoạt. Truyện không có những đoạn văn miêu tả rườm rà và càng không có chỗ cho những đoạn thừa. Chi tiết trong truyện được chọn lọc kĩ, mang giá trị nghệ thuật cao. Câu văn ngắn gọn, chắc: "Giờ đây, linh hồn thứ hai đang đé bẹp hẳn xuống, vật vờ hẳn. Lệnh vỡ! Vang vang. Ấm ảm". Tác giả tỏ ra rất kiệm lời. Và sau hết ba cái kết khác nhau của truyện tạo nên tiếng nói đa âm về thân phận con người và tăng hiệu quả thẩm mĩ cho tác phẩm.

Truyện "Đêm hoả châu" như một hồi chuông báo động tình trạng tha hoá, xuống cấp về đạo đức của con người trong xã hội hiện đại và tình trạng cái thiêng, cái đẹp bị chà đạp, ruồng bỏ. Truyện kết thúc nhưng nó lại "mở" về phía người đọc làm họ day dứt không nguôi. Và đó là thành công của tác phẩm. ■

NGUYỄN THỊ LAN,

90 Mạc Thị Bưởi, thành phố Hải Dương

NHỮNG MÂU THUẪN CẦN THÁO GỖ TRONG GIÁO DỤC HIỆN NAY

(Tiếp theo trang 3)

qua, lại phủ nhận những cải cách, đổi mới từ năm 1986 đến nay, nhưng hướng đổi mới căn bản và toàn diện là gì, một hệ thống quan điểm cơ bản và nhất quán phải được xác định rõ rệt mới có thể bắt tay vào thực thi các nội dung đổi mới cụ thể đối với từng lĩnh vực trong giáo dục. Tại Kỳ họp Quốc hội đang diễn ra tháng 5, tháng 6 này, đã có nhiều ý kiến rất hợp lý của các đại biểu quốc hội khi thảo luận dự thảo "Luật giáo dục đại học" theo hướng chỉ ra mâu thuẫn này. Đến nay, chúng ta chưa có sự bàn bạc để đi đến thống nhất hệ thống quan điểm gốc đó.

4. Hai mươi năm qua, nhu cầu mở rộng quy mô giáo dục là khách quan, là một đòi hỏi của sự phát triển kinh tế - xã hội, phát triển mọi mặt đời sống. Đáp ứng đòi hỏi đó, có thể thấy, chưa bao giờ giáo dục của chúng ta mở rộng quy mô với tốc độ phi mã như hai lần năm qua, đặc biệt mười năm gần đây. Nhoáng một cái, đã ra đời hàng trăm trường Đại học và Cao đẳng. Sự sinh sôi đến chóng mặt các khoa, các ngành, các nghề, các bộ môn mới. Thi nhau mở rộng quy mô, tăng nhanh số lượng. Trong khi đó, hầu như không có sự chuẩn bị thực sự về nhân lực, đội ngũ, cơ sở vật chất - kỹ thuật, đội ngũ đầu ngành, các chuyên gia thực thụ lại có chiều hướng giảm đi, và một người cùng một lúc có thể "đóng nhiều vai" trên các lĩnh vực, các ngành mới mở! Để án 20.000 tiến sĩ được tung ra như một giải

pháp đột phá, song phải chăng đó có phải là biểu hiện của việc chạy theo số lượng, quy mô mà không tính đến chất lượng và tính khả thi. Bao nhiêu trường đại học, cao đẳng mới thành lập nhưng đội ngũ giáo viên cơ hữu chiếm tỉ lệ rất thấp, còn giáo viên thỉnh giảng nhiều khi là "áo", trong khi đó, không ít trường không tuyển được sinh viên, dẫn tới phải hạ thấp điểm chuẩn đến mức khó tin?

Điều đáng lo ngại là, đến nay, xu hướng chạy theo số lượng, quy mô vẫn tiếp tục như một quán tính, không thấy dấu hiệu, nhu cầu phải chặn lại để tập trung sức lực, trí tuệ, tâm huyết cho việc nâng cao chất lượng, hiệu quả. Phải chăng vì thế hình như không còn mâu thuẫn giữa số lượng, quy mô và chất lượng cần tháo gỡ nữa, mà mở rộng quy mô, số lượng đã và đang trở thành xu hướng phát triển được chấp nhận của giáo dục?

5. Nhu cầu phát triển của xã hội cần tri thức, kiến thức. Để mưu sinh và tìm được chỗ đứng trong nền kinh tế thị trường, người được đào tạo luôn có nhu cầu tiếp nhận tri thức, kiến thức có lợi cho mình, phù hợp với đòi hỏi của thị trường, của xã hội. Và dưới áp lực đó, xu hướng phát triển của giáo dục trong những năm qua nghiêng hẳn sang việc truyền thụ tri thức, kiến thức đối với người thầy và tiếp nhận tri thức, kiến thức "có lợi" cho mưu sinh, đối với người học. Báo Tiền phong ra ngày 28/1/2011 thông tin, theo nhà giáo Phan Thúc Xán, Giám đốc Trung tâm

hướng nghiệp - tâm lý - giáo dục trẻ Tp. Hồ Chí Minh, kết quả điều tra xã hội học cho thấy, trong giáo dục "đầu tư cho Trí (kiến thức) chiếm 85%, trong khi đó, đầu tư cho Đức chỉ 10%, cho Thể 5% và cho Mỹ là 0%". Đó là một tỷ lệ rất đáng lo ngại. Trong khi đó, thực trạng đời sống chính trị, tư tưởng, tinh thần và đạo đức xã hội lại đang biến động sâu sắc, phức tạp, dẫn tới sự chao đảo, đôi khi đảo lộn các giá trị tinh thần, đạo đức. Cùng với những tác động ngày càng phức tạp của môi trường xã hội (ngoài nhà trường) đối với nhân cách, đạo đức học sinh, có lẽ phải thấy rằng, hiệu quả thực tế của giáo dục nhân cách, giáo dục toàn diện trong nhà trường có sự giảm sút rõ rệt, dù thời lượng và hoạt động dành cho nó không thay đổi. Từ đó, dẫn tới một mâu thuẫn giữa dạy người, dạy làm người, giáo dục toàn diện với dạy và học chữ, dạy và học kiến thức. Học sinh không quan tâm học các môn luân lý, đạo đức, giáo dục công dân, không hứng thú học môn văn, môn sử, tỷ lệ học sinh thi khối C tụt giảm thảm hại không chỉ là dấu hiệu của khuynh hướng chọn nghề dưới tác động của kinh tế thị trường và nhu cầu xã hội, mà đó còn là biểu hiện của sự sa sút trong giáo dục nhân cách, thiếu định hướng giáo dục toàn diện trong nhà trường. Hàng trăm ngàn dẫn chứng về sự xuống cấp, rồi loạn của đạo đức học đường là nỗi lo lớn, nỗi đau của giáo dục những năm qua.

Nói rằng, phải kiên định hay phải trở lại với nguyên tắc gốc của giáo dục là

dạy người, giáo dục toàn diện để nuôi dưỡng và xây dựng nhân cách, không ai phản đối, song tư tưởng đó phải được thực thi trong toàn bộ quá trình giáo dục, toàn bộ chương trình, nội dung đào tạo của tất cả cấp học, trong từng bài giảng, từng quan hệ ứng xử trong nhà trường... lại là một đòi hỏi bức thiết của đổi mới căn bản và toàn diện giáo dục hiện nay. Và câu hỏi tưởng như cũ, nhưng rất mới, rất khó là, vậy mục tiêu, nội dung, chuẩn mực của dạy người, đào tạo toàn diện nhân cách là gì? Chắc rằng, sự giải đáp còn rất khác nhau, vì vậy, có thể xem đó là thách thức gay gắt, là việc tháo gỡ nhọc nhằn một mâu thuẫn lớn đang nằm ở chiều sâu nhất của hoạt động giáo dục hiện nay. Đổi mới căn bản và toàn diện giáo dục, phải chăng, phải bắt đầu từ quan điểm gốc này. Trước một khối lượng đồ sộ tri thức cần phải nạp cho học sinh, sinh viên, việc lựa chọn cái gì để có được một chương trình, nội dung giáo dục cơ bản, vừa đủ và phù hợp với sự phát triển là một bài toán cực khó, đồng thời xuyên suốt trong đó là mục tiêu đào tạo nhân cách, dạy người kết hợp sinh động với dạy chữ, dạy nghề là con đường để tạo nên bước phát triển về chất lượng của giáo dục. Giải bài toán đó còn khó hơn nhiều để tìm thấy câu trả lời cho yêu cầu đổi mới căn bản và toàn diện giáo dục.

Mấy suy nghĩ tản mạn mong được góp một tiếng nói nho nhỏ vào một vấn đề cực lớn đang được toàn xã hội quan tâm. ■

Đ.X.D



KỶ NIỆM 50 NĂM NGÀY THÀNH LẬP XỔ SỐ KIẾN THIẾT THỦ ĐÔ

(26/2/1962 - 26/2/2012)

Nhân dịp 50 năm kỷ niệm ngày thành lập Xổ số kiến thiết Thủ Đô (26/2/1962 - 26/2/2012)

Hội đồng Xổ số kiến thiết miễn Bắc phát hành đợt vé Đặc biệt 10.000 đ - 20 ký hiệu.

MỞ THƯỞNG NGÀY 23/2/2012

CƠ CẤU GIẢI THƯỞNG NHƯ SAU

Tổng số có: 108.200 giải thưởng



BỘ GIẢI ĐẶC BIỆT

Mỗi giải 250 Triệu đồng

5

TỶ ĐỒNG



20.000 GIẢI KHUYẾN KHÍCH CỦA GIẢI ĐẶC BIỆT - MỖI GIẢI 30.000 Đ

Cho các vé có 2 số cuối (Hàng chục, hàng đơn vị) trùng với 2 số cuối của Giải Đặc biệt

BỘ GIẢI NHẤT: 400 TRIỆU ĐỒNG

MỖI GIẢI 20 TRIỆU ĐỒNG

Quay 1 lần 5 số

40 GIẢI NHÌ	- Mỗi giải 5.000.000 đ	(Quay 2 lần 5 số)
120 GIẢI BA	- Mỗi giải 2.000.000 đ	(Quay 6 lần 5 số)
800 GIẢI TƯ	- Mỗi giải 400.000 đ	(Quay 4 lần 4 số)
1.200 GIẢI NĂM	- Mỗi giải 200.000 đ	(Quay 6 lần 4 số)
6.000 GIẢI SÁU	- Mỗi giải 100.000 đ	(Quay 3 lần 3 số)
80.000 GIẢI BẢY	- Mỗi giải 30.000 đ	(Quay 4 lần 2 số)

● Vé trùng nhiều giải được lĩnh đủ giá trị các giải

XỔ SỐ KIẾN THIẾT

Ích nước - Lợi nhà

XEM KẾT QUẢ XỔ SỐ

Soạn tin:

XS gửi đến 8297

HOẶC 8197, HOẶC 8597, HOẶC 8797

**CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN
XỔ SỐ KIẾN THIẾT THỦ ĐÔ**

THÔNG BÁO TĂNG GIÁ BÁO VÀ MỜI ĐĂNG KÝ MUA BÁO QUÝ III/2012

DO tình hình giá vật tư và công in ấn tăng cao, nên bắt đầu từ quý III năm 2012, báo Văn nghệ sẽ tăng giá để đảm bảo chi phí sản xuất. Cụ thể từ số báo 27, ra ngày 7-7-2012, giá báo Văn nghệ và Văn nghệ Trẻ sẽ tăng từ 7.500 đồng lên thành 9.800 đồng/số

LỊCH RA BÁO VÀ GIÁ THÀNH TRONG QUÝ III/2012 NHƯ SAU:

Báo Văn nghệ: Có 13 số, từ số 27 đến số 39
Từ số 27 đến số 34 = 8 kỳ
Giá thành 8 kỳ X 9.800đ = 78.400 đồng
Số đặc biệt kỷ niệm ngày Quốc khánh 2-9 (Số 35 + 36)
Giá thành = 28.000 đồng
Từ số 37 đến số 39 = 3 kỳ
Giá thành 3 kỳ X 9.800đ = 29.400đ

Tổng số tiền báo Văn nghệ quý III là 135.800 đồng (Một trăm ba mươi lăm ngàn tám trăm đồng)

Báo Văn nghệ Trẻ: Có 14 số, từ số 27 đến số 40

Từ số 27 đến số 35 = 9 kỳ
Giá thành 9 kỳ X 9.800đ = 88.200 đồng
Số đặc biệt kỷ niệm ngày Quốc khánh 2-9 (Số 36 + 37)
Giá thành = 28.000 đồng
Từ số 38 đến số 40 = 3 kỳ
Giá thành 3 kỳ X 9.800đ = 29.400đ

Tổng số tiền báo Văn nghệ Trẻ quý III là 145.600 đồng (Một trăm bốn mươi lăm ngàn sáu trăm đồng)

Xin mời quý độc giả đặt mua báo tại các bưu cục gần nhất
Độc giả đã đặt báo dài hạn vẫn được áp dụng theo giá cũ đến hết năm 2012
Xin trân trọng cảm ơn.

VĂN NGHỆ

KÍNH BÁO

THEO quy định mới của Hội Nhà văn Việt Nam, bắt đầu từ tháng 6-2012, báo Văn nghệ và các ấn phẩm khác của Hội gửi cho hội viên sẽ do các cơ quan cấp 2 trực tiếp đảm nhiệm. Báo Văn nghệ đã tiến hành thủ tục gửi báo biểu đến hội viên thông qua hệ thống phát hành trên toàn quốc. Vậy nếu hội viên nào không nhận được báo, xin liên hệ với cơ quan phát hành báo chí tại địa phương nơi mình cư trú, hoặc trực tiếp với tòa soạn theo số điện thoại (04) 62702629 - số di động 0982001171 (gặp anh Bắc). Trong trường hợp có thay đổi địa chỉ, xin thông báo ngay cho tòa soạn để kịp thời điều chỉnh.

Cũng bắt đầu từ quý III-2012, việc thí điểm gửi báo Văn nghệ Trẻ cho hội viên sẽ tạm dừng. Hội viên nào có nhu cầu xin liên hệ với tòa soạn theo số điện thoại nói trên, hoặc đặt mua tại các bưu cục gần nhất.

khách không phải ngủ nhờ ở trạm bưu điện. Tôi mang theo cái Đài Ô Ri Ông Tông được huyện trang bị cho anh Trưởng. Tôi điều chỉnh tiếng đài tròn vo lại, kéo ăng ten, xoay hướng để nghe chị Đinh Nhâm, chị Trần Thị Tuyết ngâm bài *Núi Đôi* của Vũ Cao và bài *Cô gái Bạch Long Vĩ* của Xuân Thiêm. Anh Phạm Thụy biết tâm trạng tôi đang thổn thức vì những câu thơ:

"Anh vẫn đùa em sao khéo thế/Núi chống núi vợ đứng song đôi"

Anh đưa tay kéo vỏ chăn của anh đang đắp ngang bụng sang tôi nữa vạt, anh bảo: "Huyện ủy không chọn nhầm cậu làm văn hóa". Rồi ông sư Phạm Thụy chùa làng Hải Dương đột ngột hỏi: "Trong công tác Đảng có văn hóa không?" Câu hỏi này đối với tôi lúc đó thật chưa có sự hiểu biết, tôi ậm ừ. Anh nói: "Có đấy Cường ạ! Nó ở trong cách ứng xử của mỗi đảng viên với nhau, trước đúng, sai làm sao biết đoàn kết, tôn trọng nhau, đúng như lời người xưa "chị ngã em nâng", "môi hở răng lạnh". Đây chính là văn hóa! Cường làm văn hóa, tìm cách ngăn chặn cái phi văn hóa trong Đảng vì như bè cánh, như việc tìm cách lừa gạt nhau tung tin xấu cho nhau, kiện tụng nhau...".

Đến nửa năm sau tôi mới biết đó là lời khuyên cáo của anh đối với ai đó trong Thường vụ Huyện ủy. Lúc đó có sự manh nha mất đoàn kết, đâu phải chỉ việc gỡ lạt của anh Phụng.

Rồi việc dựng tượng Bác đã đến (19/5/1968). Thời điểm ấy những cây dưa đại, củ bánh xe được đơn vị bộ đội K5 san hết, chỉ còn lại trắng cát nắng cháy, đồng bào chiến sĩ đã vội trồng lên những hàng thông non.

Khởi xướng dựng tượng Bác do anh Chim Chim lúc bấy giờ vẫn còn là bí thư đảo ủy vào thời điểm (5/1961). Bác ra đảo Ngọc rồi đến Cô Tô. Với chủ tịch Hoàng Chính tinh Quảng Ninh. Anh Tô Hải trưởng ty văn hóa đã xuống huyện đảo bàn với anh Phạm Thụy, tôi làm văn hóa cấp nòng theo hầu.

Anh Đỗ Mạnh Kha, trưởng phòng bảo tàng Quảng Ninh và anh Nguyễn Nụ - Sĩ Hùng cho tôi tin nghệ sĩ điêu khắc Phước Sanh trưởng Mỹ thuật đã hoàn thành tượng Bác cao 9m đúc bằng xi măng cốt thép. Tượng được dựng từng phần, dùng những thuyền có kinh nghiệm vượt sóng ra đảo (khánh thành vào 19/5/1968).

Năm 1976 tượng được trùng tu. Năm 1995 được nâng cấp bằng đá cao 12m, đưa ra đảo bằng tàu quân sự. Tôi và anh Sĩ Hùng đi sưu tầm hiện vật của Bác trên đảo. Chiếc ghế Bác ngồi, chiếc giường Bác nghỉ, cái bàn Bác viết, dòng chữ Bác ghi, nét chỉ Bác gạch. Tất cả được gom lại. Tôi báo cáo với anh Phạm Thụy cho anh Túc người xã Cộng Hòa hiện đang là cán bộ phòng văn hóa ra Cô Tô trông nom công viên và nhà lưu niệm.

CÔ TÔ

Bút ký của VÕ BÁ CƯỜNG

(Tiếp theo trang 4)

anh Túc chỉ trụ được vài tháng, sau anh Lý Tác Phu, phó bí thư huyện đoàn tìm cho tôi ông già người Hoa chăm chỉ như con lạc đà công nước trên bãi sa mạc tuổi cây quanh tượng Bác.

Không biết nhà thơ Trần Anh Trang ra đảo bao giờ, tôi không gặp. Trước tượng Bác đã viết:

"Nơi ngút mắt chỉ có trời và nước/Tưởng bốn chốn cả cánh hải âu/Bắc đứng đó vô cùng thân thiết/Như cuộc đời hạt gạo cánh buồm nâu"

Bác ra đảo chỉ cách làm ăn mới cho dân, trong nông nghiệp ngư nghiệp. Mỗi lần có thành tích anh Chim Chim thường dẫn dân đến báo công với Bác, rồi lại khóc trước Bác.

Người ta nói Cô Tô là tấm chắn cho vịnh Bắc, lại có người bảo Cô Tô như một cánh buồm trong vịnh hồng. Đúng thế sau khi dựng tượng Bác anh Hùng Châu Võ lại dẫn chục cặp thuyền đã đổi ra biển để đánh cá hồng. Anh ra Bến Loan Đầu gánh nước, anh bảo lần này đi khơi nên lấy nhiều nước ngọt. Giếng nước ngọt như bến đậu của ngư dân đảo, trước khi đi biển ai cũng qua đó khi ở khơi về ai cũng vào đó. Ở giếng lần này mọi người đều gặp Hùng và Huệ quê ở Thái Bình. Họ ở lại giữ đảo. Đám cưới của họ ở ngay đối thông Tô Bắc sau trận bom Mỹ dội.

"Tiệc cưới chưa xong giặc lại đến rồi/Chú rể, cô dâu băng lên trận địa/Ai có biết cánh dâu da vừa bẻ/Lại nhuộm màu máu đỏ cô dâu/Hùng còn đang nhả đạn phía sau/Huệ ngã xuống ôm vai chống chết gục/Ngón tay Hùng vừa xiết lên cò súng/Máy bay thù bốc cháy giữa trời cao/Tiếng gọi Huệ đi như tiếng sóng gào/Máu Huệ vọt cầu vồng lên vách cát/Cán hăm ấy vừa chặt càng tiếng hát/Giờ đổi thành tiếng khóc cô dâu".

Bài thơ trên tôi viết ở Tô Bắc, đến nay chưa in ở đâu. Tôi ngồi dưới cát bỏng sau cuộc chiến đấu quyết liệt. Viết trong tiếng khóc của tiểu đội dân quân trên đảo trước ở đối thông Cô Tô.

Nước thủy triều rút càng thấy mùi nồng của biển "Củ Sủ chày" như một chiến hạm ngoài khơi. Trên boong tàu là chiến sĩ dũng cảm, mỗi một con người, mỗi tình cách đều là những nhân tố tạo nên sức mạnh Cô

Tô đang trụ vững để bảo vệ hồn Việt. Cô Tô đồng bào, Cô Tô đẹp, Cô Tô anh hùng. Tất cả đã hình thành gương mặt cốt cách trong tôi cùng với dân Củ Sủ. Ý nghĩ ấy đang thôi thúc trong tôi, như sóng dội vào kè đá Bắc Loan Đầu. Từ chỗ mấy cô dân quân đang khóc trước thi thể Huệ, tôi quay lại bắt gặp gương mặt phiến muộn của bà mẹ đầu đội một giỏ hoa muống biển lẫn màu trắng hoa dâu da ra bến nước. Tôi cản đường, sợ máy bay Mỹ quay lại, Mẹ không nghe, bảo: "Ra để thả những bông hoa này xuống biển; chồng mẹ chết ở cửa Thiên Môn (biển lớn) nay là ngày giỗ ông ấy, ông chết trong bão giạt, sóng vùi xương cốt ông nằm dưới đáy biển. Mẹ thả hoa gọi hồn ông về, hồn ông từ biển chui lên theo gió thổi vào bàn tay mẹ, vào người, vào mắt mẹ. Gió càng mạnh là ông đã về gần lắm rồi, khi nào gió thổi làm ngã mẹ xuống bãi ấy là lúc gặp được ông ấy. Bất thần tay mẹ chỉ ra con sóng lớn. Ông ấy sắp về tới nơi rồi! Sóng càng lớn đến càng gần chỗ mẹ. Quả thật lúc đó con sóng đập vào bờ đá tung bọt trắng. Mẹ ngã xuống bãi vật vã khóc.

Lúc tình dây mẹ bảo tôi. Mộ của ông nằm trên mặt sóng. Lời mẹ làm tôi thức tỉnh đến trận đánh từ cửa biển Thiên Môn rồi tới Cửa Lục sa trường kéo dài qua Vân Hải, qua biển Ngọc Vũng vào tận phá Bãi Cháy Hòn Gai, nơi đã tiêu diệt bao chiếc thuyền lương của Nguyễn Mông (vào 1288). Chiến thắng ấy đã góp phần oanh liệt cho Vương Triều Trần ba lần thắng ngoại xâm, để sau này mới có sự thông thương hòa hiếu giữa hai nước Việt Nam - Trung Hoa.

Tôi chấp chờn thức ngủ với sóng để tự hỏi. Tổ quốc ở đâu? Ở rừng hay ở biển. Rừng biển nước Việt tương hỗ lẫn nhau, bà mẹ mang hình chữ S cong lưng ra với biển trong mọi sự lo toan. Mỗi lần tôi vượt sóng ra. Hoặc từ Cô Tô vào đất liền lòng ngẫm ngợi câu thơ "Thái Bình tu nỗ lực - Vạn cổ thử giang san". Vâng thưa mẹ Việt Nam nước muốn hòa bình toàn dân phải nỗ lực, để mang lại cái ngàn thu sau này...".

Cô Tô là lá chắn biển Bắc cho mẹ. chúng con nguyện giữ lấy bờ biển Việt Nam, đó là đặc ân trời đất ban tặng. Bởi cứ một mét khối nước mặn thì các nhà khoa học tính toán cho ta tới 35 cân muối mặn làm nên sức sống của dân tộc Việt.■

VĂN NGHỆ - TUẦN BÁO SÁNG TÁC, LÝ LUẬN, PHÊ BÌNH, THÔNG TIN VĂN HỌC NGHỆ THUẬT • Tổng biên tập: NGUYỄN TRÍ HUÂN • Phó tổng biên tập: THÀNH ĐỨC TRINH BẢO
• Tòa soạn, Trại sự: 17 Trần Quốc Toàn - Hoàn Kiếm - Hà Nội. • Điện thoại: Ban biên tập (04) 62702634; Trại sự: (04) 62702629; Kế toán (04) 62702640
• Email: thukybn@gmail.com; banthovn@gmail.com; banvanvn@gmail.com; lyluanphebinhvvn@gmail.com; vanhocnuocngoai.vn@gmail.com; bannghethuatvn@gmail.com.
• Văn phòng thường trực các tỉnh miền Nam: 43 Đồng Khởi, T.P Hồ Chí Minh - Điện thoại: (08) 38298802 • Văn phòng thường trực các tỉnh miền Trung: Đại lộ Lê Lợi, TP. Thanh Hóa - Điện thoại: (037) 3851752 - 3853522; 292 Đường Hai Tháng Tư, TP. Nha Trang - Điện thoại/ Fax: (058) 3825867. • In tại Công ty in Báo Nhân dân Hà Nội
• ISSN 0866 - 0815 • MST: 0100784855; Tài khoản: 102010000018171 - Ngân hàng Công thương Hải Bà Trung - Hà Nội • Trình bày: PHẠM MINH HẢI

• Giá: 7.500 đồng.